

PHỤ LỤC 1

LỰC LƯỢNG DỰ KIẾN HUY ĐỘNG ỨNG PHÓ THIÊN TAI CỦA CẤP TỈNH VÀ CÁC XÃ HẠ LƯU SÔNG TIỀN

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Số: 2653/QĐ-UBND

Thời gian ký: 17/08/2026 17:33:44 +07:00

Đơn vị tính: người

TT	LỰC LƯỢNG	Tổng cộng	Tỉnh	TỔNG	Lực lượng tại địa phương										
					xã Mỹ Tịnh An xã Lương Hòa Lạc xã Tân Thuận Bình xã Chợ Gạo xã An Thạnh Thủy xã Bình Ninh	xã Vĩnh Bình xã Đông Sơn xã Phú Thành xã Long Bình xã Vĩnh Hựu	Phường Gò Công Phường Long Thuận Phường Sơn Qui Phường Bình Xuân	xã Gò Công Đông xã Tân Diên xã Tân Hòa xã Tân Đông xã Gia Thuận	xã Tân Phú Đông xã Tân Thới	Phường Mỹ Tho Phường Đạo Thạnh Phường Mỹ Phong Phường Thới Sơn Phường Trung An	xã Thanh Hưng xã An Hữu xã Mỹ Lợi xã Mỹ Đức Tây xã Mỹ Thiện xã Hậu Mỹ xã Hội Cư xã Cái Bè	xã Bình Phú xã Hiệp Đức xã Ngũ Hiệp xã Long Tiền xã Mỹ Thành xã Thạnh Phú	Phường Mỹ Phước Tây Phường Cai Lậy Phường Thanh Hoà Phường Nhị Quý xã Tân Phú	xã Tân Phước 1 xã Tân Phước 2 xã Tân Phước 3 xã Hưng Thạnh	xã Tân Hương xã Châu Thành xã Long Hưng xã Long Định xã Vĩnh Kim xã Kim Sơn xã Bình Trung
1	Quân sự	2.657	1.118	1.539	162	135	108	135	54	135	216	162	135	108	189
2	Bộ đội biên phòng	383	303	80	0	0	0	60	20	0	0	0	0	0	0
3	Công an	3.146	811	2.335	134	126	71	210	94	320	479	206	165	280	250
4	Y tế	2.097	358	1.739	122	100	50	165	96	102	441	178	116	86	283
5	Thanh niên tình nguyện	4.751	866	3.885	511	354	122	535	111	545	704	148	560	130	165
6	Doanh nghiệp huy động	1.487	341	1.146	49	50	32	0	0	345	177	64	129	0	300
7	Hội chữ thập đỏ	4.679	3.463	1.216	169	71	108	36	43	228	253	104	142	15	47
8	Dân quân tự vệ	11.906	6.942	4.964	757	495	120	130	418	549	935	535	704	206	115
9	Hội phụ nữ	3.364	1.523	1.841	214	156	72	70	41	95	425	240	323	0	205
10	Lực lượng xung kích	18.201	9.418	8.783	481	923	440	1.300	524	391	1.002	1.380	1.641	223	478
11	Hội nông dân, đoàn thể khác	6.516	1.097	5.419	654	323	159	765	157	339	1.266	657	681	263	155
12	Thành viên BCH, VPTT	4.134	780	3.354	383	309	292	295	213	217	519	101	428	297	300
13	Cán bộ công nhân viên chức	5.731	1.916	3.815	355	266	98	245	75	391	666	667	641	200	211
14	Lực lượng khác	6.009	1.725	4.284	926	160	198	20	110	439	411	587	513	420	500
	Tổng cộng	75.061	30.661	44.400	4.917	3.468	1.870	3.966	1.956	4.096	7.494	5.029	6.178	2.228	3.198

-Nhiệm vụ của các lực lượng huy động:

- + Quân sự: Tham gia hộ đê, hỗ trợ các xã, phường sơ tán di dời dân, tham gia công tác tìm kiếm cứu nạn trên bộ, tham gia khắc phục hậu quả thiên tai.
- + Bộ đội Biên phòng: Tham gia công tác TKCN trên biển, hỗ trợ các huyện sơ tán di dời dân, kêu gọi và hỗ trợ sắp xếp neo đậu tàu thuyền, tham gia khắc phục hậu quả thiên tai.
- + Công an: Đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự xã hội; Đảm bảo giao thông thông suốt và hỗ trợ thực hiện công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.
- + Cảnh sát PCCC: Chuẩn bị sẵn sàng các trang thiết bị phục vụ công tác chữa cháy, tham gia giữ gìn an ninh, chính trị, trật tự xã hội, thực hiện công tác cứu hộ, cứu nạn.
- + Y tế: Chuẩn bị trang thiết bị, máy đo thân nhiệt nhằm sàng lọc các đối tượng có nguy cơ nhiễm covid -19. Phụ trách việc sơ cứu, cấp cứu thương vong, phòng ngừa dịch bệnh, chăm sóc sức khoẻ nhân dân
- + Hội Chữ thập đỏ: Phụ trách công tác sơ cấp cứu ban đầu, ứng cứu và phân phối nguồn hàng cứu trợ trước, trong và sau thiên tai; Hỗ trợ các xã, phường trong công tác TKCN.
- + Đoàn thanh niên: hỗ trợ các địa phương trong công tác sơ tán, giữ gìn trật tự tại các điểm sơ tán, phân phối nguồn hàng cứu trợ trước, trong và sau thiên tai; Hỗ trợ các xã, phường trong công tác TKCN.
- + Lực lượng Dân quân: Hỗ trợ các xã, phường trong công tác sơ tán di dời dân, tham gia giữ gìn trật tự tại địa phương và các điểm sơ tán, tham gia hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai.
- +Hội Nông dân, Cựu chiến binh: Hỗ trợ các xã, phường trong công tác sơ tán di dời dân, tham gia giữ gìn trật tự tại địa phương và các điểm sơ tán, tham gia hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai.
- + Nghiệp Đoàn xe ôm: Hỗ trợ các xã, phường trong công tác sơ tán di dời dân.
- + Doanh nghiệp Công ích: Hỗ trợ các xã, phường trong công tác sơ tán di dời dân; Vận động, tham gia cứu trợ các hộ khó khăn bị thiệt hại...
- +Lực lượng khác: Hỗ trợ các xã, phường trong công tác sơ tán di dời dân; Vận động, tham gia cứu trợ các hộ khó khăn bị thiệt hại...Tham gia khắc phục hậu quả thiên tai.

PHỤ LỤC 2.1
PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ DỰ KIẾN HUY ĐỘNG ỨNG PHÓ THIÊN TAI CÁC XÃ, PHƯỜNG KHU VỰC THƯỢNG LƯU SÔNG TIỀN

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

STT	ĐỐI TƯỢNG	Đơn vị	Tổng	Phường Cao Lãnh, Phường Mỹ Ngãi	Phường Mỹ Trà	Phường An Bình, Phường Hồng Ngự, Phường Thường Lạc	Phường Sa Đéc	xã Lai Vung, xã Hòa Long, xã Phong Hòa, xã Tân Dương	Xã Thanh Bình, Xã Tân Thạnh, Xã Bình Thành, Xã Tân Long	Xã Mỹ An Hưng, Xã Tân Khánh Trung, xã Lấp Vò	xã Tháp Mười, xã Thanh Mỹ, xã Mỹ Quý, xã Đốc Binh Kiều, xã Trường Xuân, xã Phương Thịnh	xã Phú Hựu, xã Tân Nhuận Đông, xã Tân Phú Trung	xã Thường Phước, xã Long Khánh, xã Long Phú Thuận	xã Phong Mỹ, xã Ba Sao, xã Mỹ Thọ, xã Bình Hàng Trung, xã Mỹ Hiệp	xã An Hòa, xã Tam Nông, xã Phú Thọ, xã Tràm Chim, xã Phú Cường, xã An Long	xã Tân Hồng, xã Tân Thành, xã Tân Hộ Cơ, xã An Phước
1	Tàu kéo	Chiếc	190	10	6	8	10	37	14	14	14	20	11	19	13	14
2	Xuồng máy các loại	chiếc	1146	51	45	48	60	194	101	84	2	120	165	114	78	84
3	Cửa máy các loại	máy	3039	275	45	160	200	245	56	280	280	400	178	380	260	280
4	Máy khoan cắt bê tông	máy	1275	81	15	48	60	375	44	84	84	120	88	114	78	84
5	Áo phao	cái	4211	0	16	14	254	667	511	1680	270	83	620	28	32	36
6	Nón	cái	28370	0	3200	1600	2000	700	320	2800	2800	4000	1750	3800	2600	2800
7	Áo mưa	cái	17163	0	1600	800	202	2245	920	1400	291	2000	3105	1900	1300	1400
8	Ứng nhự	cái	16682	0	1600	800	1000	710	167	1400	1400	2000	3005	1900	1300	1400
9	Đèn pin	cái	2953	0	3	1	2	730	369	1400	109	1	337	1	1	1
10	Phao tròn cứu sinh	Cái	2274	70	90	80	127	480	243	140	109	200	275	190	130	140
11	Nhà bạt cứu sinh	Cái	765	20	60	40	10	41	25	70	70	100	99	95	65	70
12	Búa các loại	Cái	14358	1510	90	800	1000	510	788	1400	1400	2000	260	1900	1300	1400
13	Cuốc và xẻng	Cái	14005	700	900	800	1000	520	515	1400	1400	1600	570	1900	1300	1400
14	Dây thừng	m	30848	0	3200	1600	1152	6950	46	2800	420	4000	1480	3800	2600	2800
15	Kiểm cộng lực	Cái	3841	230	90	160	200	940	31	280	280	400	310	380	260	280
16	Dao rọc	Cái	14343	700	900	800	1000	505	498	1400	1400	1600	940	1900	1300	1400
17	Loa cầm tay	Cái	262	5	15	12	14	12	19	28	56	24	16	23	20	18
18	Máy tính xách tay	Chiếc	288	0	34	31	36	9	38	14	19	12	27	23	16	29
19	Máy quay phim	Chiếc	293	0	51	10	12	21	42	28	24	16	18	33	12	26
20	Máy phát điện	Chiếc	45	0	4	3	4	5	3	5	4	4	4	3	3	3
21	Máy bơm chữa cháy	Chiếc	18	0	3	1	1	1	1	1	7	1	1	1	1	1
22	Máy bơm nước các loại	Chiếc	594	0	51	49	52	48	41	43	48	56	44	57	59	46
23	Mặt nạ phòng độc	Chiếc	1000	0	92	90	90	86	68	86	92	90	68	92	78	68
24	Xe <16 chỗ	Chiếc	10216	989	150	971	1203	983	973	762	1167	180	918	532	624	764
25	Xe 40 chỗ	Chiếc	728	114	9	26	116	67	81	53	29	18	72	61	36	46
26	Xe ô tô vận tải	Chiếc	2798	264	30	272	287	216	237	208	163	193	215	245	271	197
27	Xe ô tô bán tải	Chiếc	1180	118	9	124	111	83	97	91	79	76	88	108	93	103
28	Ghe, thuyền	Chiếc	497	48	45	25	136	32		53	12	16	65	65		
29	Xe cứu thương	Chiếc	105	0	12	8	8	8	8	15	9	8	8	6	7	8
30	Xe chỉ huy PCLB	Chiếc	14	0	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
31	Xe chữa cháy	Chiếc	17	0	3	1	1	1	1	4	1	1	1	1	1	1
32	Điểm tập kết lực lượng, vật tư, phương tiện chỉ viện của lực lượng Công an tỉnh			Trụ sở Công an phường Cao Lãnh	Trụ sở Công an phường An Bình	Trụ sở Công an phường Sa Đéc	Trụ sở Công an xã Hòa Long	Trụ sở Công an xã Thanh Bình	Trụ sở Công an xã Lấp Vò	Trụ sở Công an xã Tháp Mười	Trụ sở Công an xã Phú Hựu	Trụ sở Công an xã Thường Phước	Trụ sở Công an xã Mỹ Thọ	Trụ sở Công an xã Tràm Chim	Trụ sở Công an xã Tân Hồng	

PHỤ LỤC 2.2
PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ DỰ KIẾN HUY ĐỘNG ỨNG PHÓ THIÊN TAI CÁC XÃ, PHƯỜNG KHU VỰC HẠ LƯU SÔNG TIỀN
(Đính kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

TT	Đối Tượng	DVT	Tổng	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Công an tỉnh	xã Mỹ Tịnh An xã Lương Hòa Lạc xã Tân Thuận Bình xã Chợ Gạo xã An Thạnh Thủy xã Bình Ninh	xã Vĩnh Bình xã Đông Sơn xã Phú Thành xã Long Bình xã Vĩnh Hựu	Phường Gò Công Phường Long Thuận Phường Sơn Quý Phường Bình Xuân	xã Gò Công Đông xã Tân Điền xã Tân Hòa xã Tân Đông xã Gia Thuận	xã Tân Phú Đông xã Tân Thới	Phường Mỹ Tho Phường Đạo Thạnh Phường Mỹ Phong Phường Thới Sơn Phường Trung An	xã Thanh Hưng xã An Hữu xã Mỹ Lợi xã Mỹ Đức Tây xã Mỹ Thiện xã Hậu Mỹ xã Hội Cư xã Cái Bè	xã Bình Phú xã Hiệp Đức xã Ngũ Hiệp xã Long Tiền xã Mỹ Thành xã Thạnh Phú	Phường Mỹ Phước Tây Phường Cai Lậy Phường Thanh Hoà Phường Nhị Quý xã Tân Phú	xã Tân Phước 1 xã Tân Phước 2 xã Tân Phước 3 xã Hưng Thạnh	xã Tân Hương xã Châu Thành xã Long Hưng xã Long Định xã Vĩnh Kim xã Kim Sơn xã Bình Trưng
I	Vật tư															
1	- Đă học	m³	2.636	0		0	492	50	65	290	30	755	259	635	50	10
2	- Đă dăm, sỏi	m³	13.673	0		2.085	460	190	130	310	129	2.384	1.823	4.539	50	1.573
3	- Cát	m³	23.197	0		4.309	1.600	300	195	410	421	8.822	3.456	2.261	260	1.163
4	- Đất	m³	21.345	0		1.205	1.340	530	390	830	126	6.262	1.505	8.324	60	773
5	- Rọ thép	cái	1.294	0		0	0	119	0	200	0	285	0	110	580	0
6	- Bao tải	chiếc	247.781	0		39.130	12.820	2000	5.800	1.420	2.550	133.921	8.490	23.840	6.000	11.810
7	- Vải bạt	m²	35.974	0		2.220	8.715	160	620	390	1.175	12.279	3.140	5.545	130	1.600
8	- Tôn lợp	m²	45.048	0		5.200	15.700	240	1.300	990	600	7.545	6.400	5.840	0	1.233
9	- Các vật tư khác		485	0		300	0	0	0	95	0	0	0	90	0	0
II	Trang thiết bị															
1	- Nhà bạt cứu sinh	Cái	351	5	57	6	2	4	2	0	5	223	0	35	6	6
2	- Phao áo cứu sinh	Cái	12.794	1.907	4.030	665	649	114	290	751	209	1.989	2	1.648	500	40
3	- Phao tròn cứu sinh	Cái	8.629	1.598	2.828	580	535	200	295	153	209	1.306	198	366	200	161
4	- Máy phát điện	Cái	528	0	115	65	30	11	15	9	1	225	21	29	0	7
5	- Áo mưa chuyên dùng	Cái	18.608	250		2.041	1.392	250	1.350	250	767	3.795	1.990	5.078	100	1.345
6	- Flycam	Cái	10	0		0	0	0	0	6	0	0	0	4	0	0
7	- Loa cầm tay	Cái	1.022	0	282	107	95	7	70	30	44	134	58	56	122	17
8	- Dây thùng	m	40.143	0		9.710	1.563	0	500	470	1.000	13.990	2.730	8.960	650	570
9	- Máy Icom	cái	377	4	356	1	1	0	1	0	0	4		10	0	0
10	- Các trang thiết bị khác	...	5.574	866	3.631	90	468	100	0	90	1	282		46	0	0
III	Phương tiện		0													
1	- Xe cứu hộ các loại	Chiếc	724	1	2	2	2	0	0	0	30	195	91	39	41	321
2	- Xe chữa cháy	Chiếc	51	1	14	0	2	3	0	0	14	8	3	4	0	2
3	- Tàu, thuyền cứu nạn	Chiếc	676	25	137	1	5	8	5	0	0	269	108	43	65	10
4	- Ca nô	Chiếc	66	4	26	0	0	0	2	0	0	2	22	2	8	0
5	- Số ô tô có thể huy động	Chiếc	1.569	0	75	170	212	30	52	52	19	470	96	88	40	265
6	+ Xe 45 chỗ	Chiếc	192	0	18	22	9	14	18	2	8	39	2	5	10	45

TT	Đối Tượng	DVT	Tổng	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Công an tỉnh	xã Mỹ Tịnh An xã Lương Hòa Lạc xã Tân Thuận Bình xã Chợ Gạo xã An Thạnh Thủy xã Bình Ninh	xã Vĩnh Bình xã Đồng Sơn xã Phú Thành xã Long Bình xã Vĩnh Hựu	Phường Gò Công Phường Long Thuận Phường Sơn Qui Phường Bình Xuân	xã Gò Công Đông xã Tân Điền xã Tân Hòa xã Tân Đông xã Gia Thuận	xã Tân Phú Đông xã Tân Thới	Phường Mỹ Tho Phường Đạo Thạnh Phường Mỹ Phong Phường Thới Sơn Phường Trung An	xã Thanh Hưng xã An Hữu xã Mỹ Lợi xã Mỹ Đức Tây xã Mỹ Thiện xã Hậu Mỹ xã Hội Cư xã Cái Bè	xã Bình Phú xã Hiệp Đức xã Ngũ Hiệp xã Long Tiền xã Mỹ Thành xã Thạnh Phú	Phường Mỹ Phước Tây Phường Cai Lậy Phường Thanh Hoà Phường Nhị Quý xã Tân Phú	xã Tân Phước 1 xã Tân Phước 2 xã Tân Phước 3 xã Hưng Thạnh	xã Tân Hương xã Châu Thành xã Long Hưng xã Long Định xã Vĩnh Kim xã Kim Sơn xã Bình Trưng
7	+ Xe 25-29 chỗ	Chiếc	222	0	4	37	30	15	0	5	3	61	4	8	5	50
8	+ Xe 16 chỗ	Chiếc	585	0	53	83	56	11	0	10	27	249	13	21	5	57
9	+ Xe 4-7 chỗ	Chiếc	920	4		207	117	44	34	37	46	158	74	71	10	118
10	- Số ô tô tải có thể huy động	Chiếc	1.183	5	166	211	115	40	39	12	29	300	83	48	37	98
11	- Số xe (ủi, xúc) huy động	Chiếc	422	0		89	59	17	2	2	13	99	10	29	41	61
12	- Xe cứu thương	Chiếc	78	0	3	2	4	7	2	1	12	26	2	7	3	9
13	- Xe bồn chở nước	Chiếc	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
14	Điểm tập kết lực lượng, vật tư, phương tiện chi viện của lực lượng Công an tỉnh					Trụ sở Công an xã Chợ Gạo	Trụ sở Công an xã Vĩnh Bình	Trụ sở Công an phường Bình Xuân	Trụ sở Công an xã Tân Hoà	Trụ sở Công an xã Tân Phú Đông	Trụ sở Công an phường Mỹ Tho, Trung An	Trụ sở Công an xã Cái Bè	Trụ sở Công an xã Bình Phú	Trụ sở Công an phường Mỹ Phước Tây	Trụ sở Công an xã Tân Phước 1	Trụ sở Công an xã Châu Thành, Kim Sơn

PHỤ LỤC 3.1
THÔNG TIN VỀ NHU YẾU PHẨM THIẾT YẾU PHỤC VỤ CÔNG TÁC PCTT&TKCN CÁC XÃ, PHƯỜNG KHU VỰC THƯỢNG LƯU SÔNG TIỀN

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị	Lương thực, thực phẩm					Nước uống đóng chai (Thùng)	Nhiên liệu				Trang thiết bị y tế							
	Lương khô (gói)	Mì tôm (gói)	Gạo (kg)	Thực phẩm (kg)	Đồ hộp		Chất đốt (kg)	Dầu Diesel (lít)	Xăng (lít)	Dầu hoả (lít)	thuốc phục vụ phòng chống thiên tai	thuốc gia đình (cơ sở)	Thuốc chống dịch (cơ sở)	Thuốc ClominB (Kg)	Vật tư y tế (Cơ sở)	Hoá chất vệ sinh môi trường (Lít)	Cảng cứu thương (Bộ)	Dụng cụ băng bó cứu thương (Bộ)
Phường Cao Lãnh, Phường Mỹ Ngãi, Phường Mỹ Trà	1.961	127.852	237.798	75.212	10.652	113.873	12.151	15.807	5.040	2.881							54	380
Phường An Bình, Phường Hong Ngự, Phường Thới Long	1.009	65.757	122.303	38.683	5.478	58.567	6.250	8.130	2.592	1.482							42	320
Phường Sa Đéc	2.000	60.000	30.040.000	-	-	1.000	-	515.000	80.800	-				-		-	-	-
Xã Thanh Bình, Xã Tân Thạnh, Xã Bình Thành, Xã Tân Long	1.823	118.882	221.114	69.935	9.905	105.884	11.299	14.698	4.687	2.678	251	9	105	33	119	12	36	290
xã Lai Vung, xã Hòa Long, xã Phong Hòa, xã Tân Dương	7.700	4.350	552.000		7.300	20.700		6.300	6.800	6.500	625	251	526	460	510	1.540	38	300
Xã Mỹ An Hưng, Xã Tân Khánh Trung, xã Lấp Vò	280	7.000	280	1.400	14.000	7.000		280.000	280.000	280.000	650	156	130	260	1.300	1.950	40	320
xã Tháp Mười, Xã Thanh Mỹ, Xã Mỹ Quý, Xã Đốc Binh Kiều, xã Trường Xuân, Xã Phương Thịnh	33.890	145.575	166.382	92.431	74.167	829.750	31.020	16.670	15.332	29.262	15	15	15	15	30	15	44	340
xã Phú Hữu, xã Tân Nhuận Đông, xã Tân Phú Trung	2.661	173.500	322.700	102.065	14.455	154.530	16.490	21.450	6.840	3.909							36	350
xã Thới Bình, xã Long Khánh, xã Long Phú Thuận	124.320	129.120	188.000		15.110	56.370		47.950	51.500	4.320	703	1.685	944	1.465	1.551	2.010	38	290
xã Phong Mỹ, Xã Ba Sao, Xã Mỹ Thọ, Xã Bình Hàng Trung, xã Mỹ	2.521	164.357	305.694	96.686	13.693	146.386	15.621	20.320	6.480	3.703							42	320
xã An Hòa, xã Tam Nông, xã Phú Thọ, xã Tràm Chim, xã Phú Cường, xã An Long	1.680	109.565	203.785	64.454	9.128	97.586	10.413	13.546	4.319	2.469							28	340
xã Tân Hồng, xã Tân Thành, xã Tân Hộ Cơ, xã An Phước	1.260	82.170	152.831	48.338	6.846	73.185	7.810	10.159	3.239	1.851							29	313
TỔNG	181.105	1.188.127	32.512.886	589.203	180.734	1.664.831	111.054	970.028	467.630	339.054	2.244	2.116	1.720	2.233	3.510	5.527	427	3.563

PHỤ LỤC 3.2
TỔNG HỢP DỰ TRỮ LƯƠNG THỰC, NƯỚC UỐNG, NHU YẾU PHẨM CÁC XÃ, PHƯỜNG KHU VỰC HẠ LƯU SÔNG TIỀN
(Đính kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

TT	Phạm vi	Lương thực, thực phẩm					Nước uống đóng chai	Nhiên liệu				Hóa chất khử trùng			Thiết bị xử lý nước	Dung dịch rửa tay
		Lương khô	Mì tôm	Gạo	Thực phẩm	Đồ hộp		Chất đốt	Dầu Diesel	Xăng	Dầu hoả	Phèn chua	Cloramin B	Vôi bột		
		gói	gói	kg	kg	hộp		kg	lít	lít	lít	tấn	viên	tấn	chiếc	lít
1	xã Tân Hương xã Châu Thành xã Long Hưng xã Long Định xã Vĩnh Kim xã Kim Sơn xã Bình Trung	2.900	114.941	92.650	37.750	2.650	117.782	1.490	3.940	12.320	2.500	7,20	2620	22,50	214	0
2	xã Vĩnh Bình xã Đồng Sơn xã Phú Thành xã Long Bình xã Vĩnh Hựu	0	24.400	18.600	7.800	1.300	52.300	1.150	1.800	1.300	1.300	1	2.800	4	5	0
3	Phường Gò Công Phường Long Thuận Phường Sơn Qui Phường Bình Xuân	70	10.500	20.000	20.000	600	4.784	1.400	2.150	1.350	490	3	1.400	26	13	0
4	xã Gò Công Đông xã Tân Điền xã Tân Hòa xã Tân Đông xã Gia Thuận	0	30.000	30.500	11.400	1.300	9.360	0	3.500	2.600	260	0	1.300	7	16	932
5	xã Tân Phú Đông xã Tân Thới	0	1.280	0	0	0	1.634	660	1.098	470	240	0	7.000	2,1	0	0
6	Phường Mỹ Tho Phường Đạo Thạnh Phường Mỹ Phong Phường Thới Sơn Phường Trung An	59.350	1.187.000	1.230.000	60.000	114.000	738.000	255.000	300.000	1.730.000	190	6	8.500	25	0	267

TT	Phạm vi	Lương thực, thực phẩm					Nước uống đóng chai	Nhiên liệu				Hóa chất khử trùng			Thiết bị xử lý nước	Dung dịch rửa tay
		Lương khô	Mì tôm	Gạo	Thực phẩm	Đồ hộp		Chất đốt	Dầu Diesel	Xăng	Dầu hoả	Phèn chua	Cloramin B	Vôi bột		
7	xã Thanh Hưng xã An Hữu xã Mỹ Lợi xã Mỹ Đức Tây xã Mỹ Thiện xã Hậu Mỹ xã Hội Cư xã Cái Bè	3.427	85.960	150.930	46.830	14.270	77.421	15.652	10.820	18.301	7.866	50	56.756	2.271	445	210
8	xã Bình Phú xã Hiệp Đức xã Ngũ Hiệp xã Long Tiên xã Mỹ Thành xã Thạnh Phú	0	466.960	225.430	69.380	30.740	307.001	33.902	34.230	49.601	12.696	103	123.696	5.884	1.407	934
9	Phường Mỹ Phước Tây Phường Cai Lậy Phường Thanh Hoà Phường Nhị Quí xã Tân Phú	650	51.410	17.150	1.400	750	25.500	250	12.190	12.200	1.220	2	2.450	26	5	3.588
10	xã Tân Phước 1 xã Tân Phước 2 xã Tân Phước 3 xã Hưng Thạnh	0	21.600	13.000	0	0	19.500	0	500	500	200	1	1.000	1	0	0
11	xã Tân Hương xã Châu Thành xã Long Hưng xã Long Định xã Vĩnh Kim xã Kim Sơn xã Bình Trưng	0	35.940	164.304	180.074	4.639	100.500	38.460	833.730	701.312	833.680	141	1.090	283	293	0
	Tổng cộng	66.397	2.029.991	1.962.564	434.634	170.249	1.453.782	347.964	1.203.958	2.529.954	860.642	314,35	208.612	8.548,4	2.398	5.931

PHỤ LỤC 4
DANH SÁCH CÁC ĐIỂM NEO ĐẬU TÀU THUYỀN TRÚ TRÁNH BÃO
(Đính kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

TT	Xã/phường	Địa điểm neo đậu	Mô tả	Số lượng tàu thuyền neo đậu (chiếc)	Tọa độ
A	KHU QUY HOẠCH				
B	KHU TỰ NHIÊN				
1	Phường Sơn Qui, phường Bình Xuân	Sông Gò Công		50	10 ⁰ 25'52.49" N - 106 ⁰ 37'27.14" E
2	Phường Sơn Qui	Sông Vàm Cỏ		40	10 ⁰ 27'17.63" N - 106 ⁰ 29'34" E
3	Phường Sơn Qui, phường Bình Xuân	Các rạch		20	
4	Xã Gia Thuận	Khu neo đậu tránh trú bão Cửa sông Soài Rạp	Khu neo đậu cách cửa sông Soài Rạp 200m, dài 2.400m, mặt luồng tàu neo đậu rộng 90m; đảm bảo an toàn	350	10024'59"N-106047'25"E
5	Xã Gia Thuận	Rạch Gia Thuận (kênh Hội đồng Quyền)	Khu neo đậu cách cửa sông Soài Rạp 5.000m; tuyến neo đậu dài 1.500m; luồng neo đậu rộng 12m; đảm bảo an toàn	50	

TT	Xã/phường	Địa điểm neo đậu	Mô tả	Số lượng tàu thuyền neo đậu (chiếc)	Tọa độ
6	Xã Tân Hoà	Rạch Long Uông	Khu neo đậu cách cửa sông Cửa Tiểu 8.000m, luồng neo đậu dài 2.800m, rộng 30m; đảm bảo an toàn	250	
7	Xã Tân Hoà	Rạch Già	Khu neo đậu cách cửa sông Cửa Tiểu 11.000m, luồng neo đậu dài 2.500m, rộng 30m; đảm bảo an toàn	150	
8	Xã Tân Đông	Rạch Vàm Tháp	Khu neo đậu cách cửa sông Soài Rạp 17.000m, luồng neo đậu dài 2.500m, rộng 28m; đảm bảo an toàn	60	
9	Bà Từ - Phú Hữu-xã Tân Phú Đông	Rạch Bà Từ	Rạch bà Từ tiếp giáp xã Phú Đông, rộng từ 20-40m, cách biển 10km	30	
10	ấp Gành- xã Tân Phú Đông				
11	Pháo Đài-Bà Từ-Phú Hữu-xã Tân Phú Đông	Kênh Vàm Khém	Rạch rộng từ 20-40m, cách biển từ 5km (phía cửa Tiểu) - 8km (phía cửa Đại)	26	Cách cửa biển 20 km, trên tuyến trên sông cửa đại an toàn cho neo đậu
12	ấp Bà Lắm - xã Tân Phú Đông	Rạch Bà Lắm	Trọng tải 100 tấn	2	Cách cửa biển 25 km, trên tuyến trên sông cửa đại an toàn cho neo đậu
13	ấp Lý Quàn 1- xã Tân Phú Đông	Rạch Bần Ranh	Cách cửa biển khoảng 10 km, trên tuyến sông Cửa Tiểu an toàn cho neo đậu	10	

TT	Xã/phường	Địa điểm neo đậu	Mô tả	Số lượng tàu thuyền neo đậu (chiếc)	Tọa độ
14	Bà Tiên 2, xã Tân Phú Đông	Rạch Bến Đồn	Cách cửa biển khoảng 15 km, trên tuyến sông Cửa Đại an toàn cho neo đậu	10	
15	Tân Thành 1 - Tân Thành 2- xã Gò Công Đông	Rạch Khai luông Tân Thành 1 - Tân Thành 2	Cách cửa biển 20 km, trên tuyến sông cửa đại an toàn cho neo đậu	5	
16	Tân Đông - Tân Bình	Rạch khai luông Tân Đông - Tân Bình	Cách cửa biển 25 km, trên tuyến sông cửa đại an toàn cho neo đậu	5	
17	Tân Xuân, xã Tân Thới	Rạch Lý Hoàng		3	
18	Tân Ninh, xã Tân Thới	Rạch Cầu		3	
19	Khu vực Chợ Gạo	Những điểm có thể neo đậu sâu vào khu vực phía Tây theo kênh Chợ Gạo	Cách cửa biển 20 km, trên tuyến Kênh Chợ Gạo an toàn cho neo đậu	100	
20	Xã Bình Ninh	Những điểm có thể neo đậu sâu vào khu vực phía Tây theo kênh Xuân Hòa	Cách cửa biển 20 km, trên tuyến Kênh Chợ Gạo an toàn cho neo đậu	50	
21	Khu vực Mỹ Tho	Những điểm có thể neo đậu cấp sông Tiền	Cách cửa biển 45 km, an toàn cho neo đậu	210	

PHỤ LỤC 5.1

TỔNG HỢP ĐỊA ĐIỂM PHỤC VỤ SƠ TÁN DÂN KHU VỰC THƯỢNG LƯU SÔNG TIỀN

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

TT	Xã/phường	Tên địa điểm	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số người có thể sơ tán đến
1	xã Mỹ Thọ	Chùa Hương Thiện	Tốt	100
		Trường THCS Mỹ Hội	Tốt	500
		UBND xã	Tốt	100
		Trạm y tế xã	Tốt	50
		Trường TH Mỹ Hội	Tốt	500
		Trường TH Mỹ Hội	Tốt	500
		Trường học Mỹ Hội 2	Tốt	200
		Trường MN Mỹ Xương	Tốt	500
		Trường TH-THCS Mỹ Xương	Tốt	500
		Trường TH Mỹ Xương	Tốt	500
		Chùa Hải Huệ	Tốt	100
		Chùa Hải Huệ 2	Tốt	200
		UBND thị trấn	Tốt	100
		Trường TH Mỹ Thọ 1	Tốt	500
		Trường MN Mỹ Thọ	Tốt	200
		Trường MN Bông Sen	Tốt	200
		Trường TH Mỹ Thọ 2	Tốt	200
		Trường THCS Mỹ Thọ	Tốt	1000
		Trường THPT Cao Lãnh	Tốt	1000
		Trường TH-THCS Mỹ Thọ	Tốt	500
		Trường THCS Mỹ Thọ	Tốt	200
		Trường MN Mỹ Thọ	Tốt	200
		Trường TH Đình Công Bé	Tốt	500
		UBND xã	Tốt	100
		Trường TH Mỹ Thọ	Tốt	200
		Trung tâm VH-HTCĐ	Tốt	200
2	xã Phương Thịnh	Trường THCS Phương Thịnh	Tốt	500
		Trường TH Phương Thịnh	Tốt	500
		UBND xã	Tốt	100
		Trường TH Phương Thịnh 2	Tốt	50
		Trường TH Phương Thịnh	Tốt	100
		Trường TH Phương Thịnh	Tốt	50
		Chùa Hưng Thạnh	Tốt	500
		NVH ấp 3	Tốt	60
		NVH ấp 2	Tốt	60
		NVH ấp 2B	Tốt	50
		NVH ấp 4	Tốt	50
		TTVVHTCĐ	Tốt	100
		NVH ấp 1	Tốt	50
		UBND xã	Tốt	50
		Tiểu học Hưng Thạnh 1	Tốt	300
		THCS Hưng Thạnh	Tốt	200
		Tiểu học Hưng Thạnh 2	Tốt	300
		MN Hưng Thạnh	Tốt	100
		MG Hưng Thạnh	Tốt	100
		UBND Xã Hưng Thạnh	Tốt	50
		Chùa Hưng Thạnh	Tốt	500
		MG Hưng Thạnh ấp 2B	Tốt	100

3	xã Ba Sao	Trường MN Ba Sao	Tốt	500
		Trường TH Ba Sao	Tốt	500
		UBND xã	Tốt	100
		Trường THCS Ba Sao	Tốt	500
		Trường TH Ba Sao 2	Tốt	500
		Trường TH-THCS Thiện Mỹ	Tốt	200
		Trường MN Ba Sao	Tốt	200
		Trường THPT Thống Linh	Tốt	500
		Trường TH Phương Trà	Tốt	1000
		Trường THCS Phương Trà	Tốt	1000
		BND ấp 5	Tốt	50
		Trường TH Phương Trà 1	Tốt	200
		UBND xã	Tốt	100
4	xã Phong Mỹ	Trường TH Phong Mỹ 1	Tốt	500
		Trường MN Phong Mỹ	Tốt	200
		Trường TH Phong Mỹ 1 (Điểm 2)	Tốt	300
		Thánh thất Phong Mỹ	Tốt	200
		Trường TH Phong Mỹ 2 (Điểm 2)	Tốt	300
		Trường THCS Nguyễn Văn Dừng	Tốt	500
		UBND xã	Tốt	100
		Trường TH Gáo Giồng	Tốt	500
		Trường THCS Gáo Giồng	Tốt	500
		UBND xã	Tốt	200
		Trường TH Gáo Giồng	Tốt	200
		Trường MN Gáo Giồng	Tốt	200
		Trường TH Gáo Giồng	Tốt	200
		Trạm y tế xã	Tốt	50
5	xã Bình Hàng Trung	UBND xã	Tốt	50
		Trường MN Bình Hàng Tây	Tốt	300
		Trạm y tế xã	Tốt	50
		Trường MN Bình Hàng Tây	Tốt	200
		Trường TH Bình Hàng Tây	Tốt	500
		Chùa Linh Phước	Tốt	2000
		Trường TH Bình Hàng Tây 2	Tốt	200
		Trường THCS Bình Hàng Tây	Tốt	500
		Thánh thất Sa Giang	Tốt	200
		UBND xã	Tốt	100
		Trường TH Bình Hàng Trung 1	Tốt	500
		Trường MN Bình Hàng Trung	Tốt	200
		Trường TH Bình Hàng Trung	Tốt	500
		Trường THCS Nguyễn Văn Khải	Tốt	1000
		Trường THPT Kiến Văn	Tốt	1000
		Chùa Bửu Lâm	Tốt	500
		Trường MN Bình Hàng Trung	Tốt	500
		Trường MN Bình Hàng Trung	Tốt	200
		Trường THCS Tân Hội Trung	Tốt	500
		Trường MN Tân Hội Trung	Tốt	200
		Trường TH Tân Hội Trung	Tốt	200
		Trạm y tế xã	Tốt	50
		Trường TH Tân Hội Trung 2	Tốt	200
		UBND xã	Tốt	100
		Nhà thờ Giáo xứ Tân Hội Trung	Tốt	200
		Trường TH Tân Hội Trung	Tốt	100
		Trường TH Tân Hội Trung	Tốt	100
		Nhà thờ Kiến Văn	Tốt	50
		Trạm y tế xã	Tốt	50

6	xã Mỹ Hiệp	UBND xã	Tốt	100
		Trường cũ	Tốt	200
		UBND cũ	Tốt	100
		Trường THCS Bình Thạnh	Tốt	1000
		Trường TH Bình Thạnh 3	Tốt	500
		Trường TH Bình Thạnh 1	Tốt	200
		Trường MN Bình Thạnh	Tốt	200
		Trường TH Bình Mỹ B	Tốt	200
		Trường MN Bình Thạnh	Tốt	100
		Trường TH Bình Thạnh 2	Tốt	100
		Trường học	Tốt	100
		Trường THCS Mỹ Hiệp	Tốt	500
		Trường MN Mỹ Hiệp	Tốt	500
		Trường TH Mỹ Hiệp 1	Tốt	500
		Trường cũ	Tốt	100
		Trường TH Ngã Cái	Tốt	50
		Trường cũ	Tốt	50
		Trường THPT Cao Lãnh 2	Tốt	1000
		Trạm y tế xã	Tốt	50
		Trường TH Mỹ Long	Tốt	1000
		UBND xã	Tốt	500
		Trường THCS Mỹ Long	Tốt	1000
		Trường MN Mỹ Long	Tốt	300
		Cụm dân cư	Tốt	3000
		Nhà thờ Mỹ Long	Tốt	1000
		Đình Thần	Tốt	100
		Thánh Thất Mỹ Long	Tốt	1000
		Ban trị sự Phật giáo Hòa Hảo	Tốt	50
		Trường TH Trần Phú	Tốt	200
		NVH ấp Đông Thạnh	Tốt	50
		UBND xã	Tốt	50
		Trường MN Tân Thuận Đông	Tốt	200
		Trạm y tế xã	Tốt	50
		Trường THCS Tân Thuận Đông	Tốt	500
		Trường TH Phan Đăng Lưu	Tốt	500
		Trường MN Tân Thuận Đông	Tốt	200
		NVH ấp Tân Phát	Tốt	50
		NVH ấp Đông Định	Tốt	50
		NVH ấp Đông Hòa	Tốt	50
		UBND xã	Tốt	100
		Trạm y tế xã	Tốt	50
		Trường MN Hòa An	Tốt	200
		Trường TH Hòa An	Tốt	300
		Trường TH Hòa An	Tốt	200
		Trường TH Ngô Thị Nhậm 2	Tốt	200
		Trường TH Ngô Thị Nhậm	Tốt	200
		Trung tâm VH-HTCĐ	Tốt	300
		Trường TH Tân Thuận Tây	Tốt	300
		Trường THCS Phan Bội Châu	Tốt	500
		Trạm y tế xã	Tốt	50
		UBND xã	Tốt	100
		Trường TH Lê Thánh Tông	Tốt	500
		Trường TH Lê Thánh Tông	Tốt	200
		Trường TH Nguyễn Viết Xuân	Tốt	150
		Trường MN Tân Thuận Tây	Tốt	300
		Trường MN Tân Thuận Tây	Tốt	150
		Trung tâm VH-HTCĐ	Tốt	200

7	Phường Cao Lãnh	Trường TH Tịnh Thới	Tốt	200
		Trường THCS Nguyễn Trãi	Tốt	200
		Trường TH Hoàng Hoa Thám	Tốt	200
		Trường TH Phạm Ngũ Lão	Tốt	1000
		Trường MN Tịnh Thới	Tốt	300
		UBND phường	Tốt	100
		Trường TH Lê Quý Đôn	Tốt	1000
		Trường TH Chu Văn An	Tốt	1000
		Trung tâm VH-HTCĐ	Tốt	500
		UBND phường	Tốt	100
		Trường TH-THCS-THPT Tương Lai	Tốt	2000
		Trường THCS Nguyễn Thị Lựu	Tốt	1000
		Trường TH Bùi Thị Xuân	Tốt	500
		Trường CD Y tế Đồng Tháp	Tốt	5000
		Trường MN Ngôi Sao	Tốt	200
		Trường THPT TP. Cao Lãnh	Tốt	2000
		Trường CD Cộng Đồng Đồng Tháp	Tốt	2000
		Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	Tốt	1000
		UBND phường	Tốt	100
		Trường THPT Đỗ Công Tường	Tốt	1000
		BND khóm Thuận Phát	Tốt	50
		UBND phường	Tốt	100
		Chùa Linh Sơn	Tốt	200
		Chùa Quan Âm	Tốt	200
		Trường THCS Kim Hồng	Tốt	1000
		Trường MN Sao Mai	Tốt	300
		Trường TH Võ Thị Sáu	Tốt	500
		Trung tâm VH-HTCĐ	Tốt	200
		BND khóm Mỹ Hưng	Tốt	50
		BND khóm Mỹ Thiện	Tốt	50
		Trường MN Hoa Sữa	Tốt	200
		Trường TH Thực hành Sư phạm (Điểm 2)	Tốt	300
		Trường TH Thực hành Sư phạm	Tốt	300
		Trường THPT Thiên Hộ Dương	Tốt	300
		Trường TH Phan Chu Trinh	Tốt	300
		UBND phường	Tốt	100
		Trường MN Anh Đào	Tốt	200
		Trường TH Lê Văn Tám	Tốt	1000
		Trường MN Ngôi Sao	Tốt	200
		Nhà thờ giáo xứ Cao Lãnh	Tốt	2000
		Trạm y tế phường	Tốt	50
		UBND phường	Tốt	100
		Trung tâm GDTX tỉnh	Tốt	500
		Trường ĐH Đồng Tháp	Tốt	5000
		Trường THCS Phạm Hữu Lầu	Tốt	300
		Chùa Thiên Đà	Tốt	50
		Trường MN Mỹ Ngãi	Tốt	300
		Trạm y tế xã	Tốt	50
		Trường TH Mỹ Ngãi	Tốt	1000
		UBND xã	Tốt	200
		Chùa Thanh Vân	Tốt	100
		Tịnh Thất Giác Linh	Tốt	100
		Chùa Vân Lô	Tốt	200
		Trường THCS Thống Linh	Tốt	500
		Trường TH Nguyễn Bình Khiêm	Tốt	500
		UBND xã	Tốt	100
		Trạm y tế xã	Tốt	50

8	Phường Mỹ Ngãi	UBND phường	Tốt	200
		Trường THCS Trần Đại Nghĩa	Tốt	500
		Trường TH Hoàng Diệu	Tốt	300
		Trường THPT Trần Quốc Toản	Tốt	500
		Trường TH Trưng Vương	Tốt	200
		Trường THCS Võ Trường Toản	Tốt	300
		Trường MN Bình Minh	Tốt	200
		Chùa Định Tân An	Tốt	200
		Chùa Cao Minh	Tốt	200
		Chùa Hoa Lâm	Tốt	200
		Chùa Minh Bửu	Tốt	200
		UBND xã	Tốt	100
		Trường MN Tân Nghĩa (Kênh Ông Kho)	Tốt	100
		Trường THCS Tân Nghĩa	Tốt	500
		Trường TH Tân Nghĩa	Tốt	500
		Trường MN Tân Nghĩa	Tốt	500
		Trường TH Tân Nghĩa	Tốt	200
		Trường TH Tân Nghĩa	Tốt	100
9	Phường Mỹ Trà	UBND xã Nhị Mỹ (cũ) (gồm CA, QS)	Tốt	200
		Trường TH Lý Tự Trọng	Tốt	800
		Trường MN Mỹ Trà (điểm chính)	Tốt	250
		Trường MN Mỹ Trà (điểm phụ)	Tốt	150
		Trường THCS Nguyễn Tú	Tốt	500
		Trường TH Mỹ Phú	Tốt	450
		Trường Năng khiếu TDTT Đồng Tháp	Tốt	2000
		Trường THPT chuyên Nguyễn Quang Diệu	Tốt	1000
		UBND phường Mỹ Phú (cũ)	Tốt	0
		Trường MN An Bình (điểm phụ)	Tốt	100
		Trường TH An Bình (điểm chính)	Tốt	300
		Trường THCS Nguyễn Minh Trí	Tốt	500
		Trường TH An Bình (điểm phụ)	Tốt	200
		Trường MN An Bình (điểm phụ)	Tốt	150
		Điểm Y tế An Bình	Tốt	0
		UBND xã An Bình (cũ) (gồm CA, QS, MTTQ)	Tốt	150
		Nhà thờ An Bình	Tốt	200
		Chùa Thanh Lương	Tốt	200
		Trường THCS Nhị Mỹ	Tốt	200
		Trường TH Nhị Mỹ	Tốt	500
		Điểm Y tế Nhị Mỹ	Tốt	0
		UBND xã Mỹ Trà (cũ)	Tốt	100
		Nhà thờ Tin lành Nhị Mỹ	Tốt	200
		Nhà thờ Giáo xứ Nhị Mỹ	Tốt	200
		Trường THCS Nhị Mỹ	Tốt	500
		Trường MN Nhị Mỹ	Tốt	100
		Chùa Hội Phước	Tốt	100
		Triều Âm Tự	Tốt	50
		Đình thần Trà Bông	Tốt	50
		Đình Thần Mỹ Thạnh	Tốt	50
		UBND xã	Tốt	100
		Trạm y tế xã	Tốt	50
		Trường TH An Hội Đông	Tốt	300
		Trường THCS An Hội Đông	Tốt	500
		Trường Mầm Non An Hội Đông	Tốt	100
		Chùa Thiên Phước	Tốt	100
		Chùa Long Phước	Tốt	100
		Chùa Phổ Chiếu	Tốt	100
		Trạm y tế xã	Tốt	50

10	xã Mỹ An Hưng	UBND xã	Tốt	200
		Đình thần Tòng Sơn	Tốt	500
		Trường MN Mỹ An Hưng A	Tốt	200
		Trường TH Mỹ An Hưng A	Tốt	200
		Trường THCS Mỹ An Hưng A	Tốt	200
		UBND xã	Tốt	100
		Trường THCS Mỹ An Hưng B	Tốt	300
		Trường TH Mỹ An Hưng B2	Tốt	200
		Trường MN Mỹ An Hưng	Tốt	200
		Trường TH Mỹ An Hưng B1	Tốt	200
		Trường TH Mỹ An Hưng B3	Tốt	200
		Đình thần Mỹ Hưng	Tốt	100
		Trường TH Mỹ An Hưng B4	Tốt	200
11	Tân Khánh Trung	UBND xã	Tốt	100
		Trường TH Long Hưng A1	Tốt	1000
		Trường THCS Long Hưng A	Tốt	1000
		Khu DLVH Phương Nam	Tốt	2000
		UBND xã	Tốt	100
		Trường TH Long Hưng 2	Tốt	1000
		Trường THPT Lấp Vò 3	Tốt	1000
		Trường THCS Long Hưng B	Tốt	1000
		Trường TH Long Hưng B3	Tốt	500
		BND ấp Hưng Thạnh Đông	Tốt	50
		Trung tâm VH-HTCĐ	Tốt	200
12	Lấp Vò	UBND thị trấn	Tốt	150
		Trường TH Lấp Vò 2	Tốt	400
		Trường TH Lấp Vò 1	Tốt	400
		Trường THCS Lấp Vò	Tốt	400
		Trường THPT Lấp Vò	Tốt	400
		Trung tâm y tế huyện	Tốt	200
		Trạm y tế xã	Tốt	50
		UBND xã	Tốt	100
		Trường THCS - THPT Bình Thạnh Trung	Tốt	1500
		Trung tâm VH-HTCĐ	Tốt	50
		Trường TH Vĩnh Thạnh 2	Tốt	150
		Trường TH Vĩnh Thạnh 3	Tốt	100
		Trường TH Vĩnh Thạnh 1	Tốt	1000
		Trường THCS Vĩnh Thạnh	Tốt	1000
		Trường MN Vĩnh Thạnh	Tốt	500
		Trường TH Vĩnh Thạnh 2	Tốt	200
		UBND xã	Tốt	100
13	Lai Vung	UBND xã	Tốt	500
		Trung tâm VH-HTCĐ	Tốt	500
		Trường MN Định Yên	Tốt	200
		Trường THCS Định Yên	Tốt	300
		Trường TH Định Yên 1	Tốt	300
		Trường TH Định Yên 2	Tốt	300
		UBND xã	Tốt	200
		Trạm y tế xã	Tốt	50
		Trường THCS Định An	Tốt	1000
		Trường TH Định An	Tốt	700
		Trung tâm VH-HTCĐ	Tốt	200
		Trường TH Tân Thành 1	Tốt	150
		Trường THCS Tân Thành	Tốt	400
		Chùa Hội Phước	Tốt	150
		Đình Tân Thành	Tốt	150

		Chùa Phương Trì	Tốt	150
		Trường MN Lai Vung	Tốt	400
		Trường MN Tân Thành 2	Tốt	110
		Trường TH Tân Thành 3	Tốt	200
		Trường TH Tân Thành 2	Tốt	120
		Trường THPT Lai Vung 3	Tốt	500
14	Hòa Long	UBND huyện cũ	Tốt	100
		Trường MN TT. Lai Vung	Tốt	480
		Trường THCS TT. Lai Vung	Tốt	780
		Trường TH TT. Lai Vung 2	Tốt	300
		Trường TH TT. Lai Vung 1	Tốt	640
		Trường THPT Lai Vung I	Tốt	3000
		UBND xã	Tốt	300
		Trường TH Hòa Long	Tốt	400
		Trường MN Hòa Long	Tốt	100
		Trường THCS Hòa Long	Tốt	300
		Trường MN Hòa Long	Tốt	100
		UBND xã	Tốt	150
		Trường TH Long Thắng 1	Tốt	120
		Trường MN Long Thắng	Tốt	100
		Trường TH Long Thắng 1	Tốt	100
		Trường THCS Long Thắng	Tốt	110
		Trường TH Long Thắng 2	Tốt	120
		UBND xã	Tốt	120
		Trường TH Long Hậu 2	Tốt	200
		Trường MN Long Hậu 1	Tốt	200
		Trường THCS Long Hậu	Tốt	200
		Trường THCS Long Hậu	Tốt	200
		Trường TH Long Hậu 3	Tốt	200
		Trường MN Long Hậu 2	Tốt	100
		Trường TH Long Hậu 1	Tốt	200
15	Phong Hòa	Trung tâm VHHT-CD	Tốt	100
		Trường MN Vĩnh Thới	Tốt	300
		Trường TH Vĩnh Thới 1	Tốt	400
		Trường THCS Vĩnh Thới	Tốt	300
		Trường TH Vĩnh Thới 2	Tốt	300
		UBND xã	Tốt	110
		Trường TH Định Hòa	Tốt	150
		Trường THCS Định Hòa	Tốt	100
		Trường MN Định Hòa	Tốt	120
		Trường MN Định Hòa	Tốt	150
		UBND xã	Tốt	220
		Trường THCS Phong Hòa	Tốt	300
		Trường MN Phong Hòa	Tốt	100
		Trường TH Phong Hòa 2	Tốt	100
		Trường TH Phong Hòa 1	Tốt	200
		Trường TH Phong Hòa 1	Tốt	400
		Trường TH Phong Hòa 2	Tốt	100
		UBND xã	Tốt	150
		Trường TH Tân Hòa 1	Tốt	120
		Trường THPT Lai Vung 2	Tốt	210
		Trường THCS Tân Hòa	Tốt	210
		Trường TH Tân Hòa 2	Tốt	120
		Trường MN Tân Hòa	Tốt	230
		NVH ấp Hòa Khánh	Tốt	50
		UBND phường	Tốt	100
		Trường TH Trưng Vương	Tốt	300

Chùa Bửu Quang	Tốt	100
Trường TH Kim Đồng	Tốt	300
Trường THCS Hùng Vương	Tốt	300
Trường MG khóm 2	Tốt	100
Trường TTGDTX Sa Đéc	Tốt	300
Trường THPT Sa Đéc	Tốt	1000
Trường MN Sen Hồng	Tốt	100
Trường MN Ánh Dương	Tốt	100
Chùa Phước Huệ	Tốt	100
Chùa Bửu An	Tốt	100
Chùa Kim Huệ	Tốt	100
Trường MN - TH Tổ Ong Vàng	Tốt	300
UBND phường	Tốt	100
Trường TH Hòa Khánh	Tốt	300
Trường MN Hoa Sen	Tốt	200
Trường TH Phú Mỹ	Tốt	200
Trường THCS Võ Thị Sáu	Tốt	200
Chùa Phước Thành	Tốt	100
Nhà thờ giáo xứ Sa Đéc	Tốt	100
UBND phường	Tốt	100
Trường CD CD Đồng Tháp cơ sở 2	Tốt	500
Trường TH Tân Long	Tốt	500
Nhà thờ Tân Qui	Tốt	100
Trường MN Hoa Mai	Tốt	200
Thánh thất Cao đài Sa Đéc	Tốt	100
Thánh thất Cao đài B Sa Đéc	Tốt	100
UBND phường	Tốt	100
Trường MG Tân Hưng	Tốt	150
Trường TH Tân Hưng	Tốt	500
Chùa Hoài Tây	Tốt	100
Chùa Quan Âm	Tốt	100
Trường THCS-THPT Nguyễn Du	Tốt	1000
UBND phường	Tốt	100
Trường THCS Trần Thị Nhượng	Tốt	500
Trường TH Phạm Hữu Lầu	Tốt	500
Trường TH Vĩnh Phước (Sa Đéc)	Tốt	300
Trường THCS Lưu Văn Lang	Tốt	500
Trường MN Hướng Dương	Tốt	300
Trường TH Tân An	Tốt	100
Chùa Tây Hưng	Tốt	100
Chùa Linh Quang	Tốt	100
Trường TH Tân Huệ	Tốt	100
Trường TH Sa Nhiên	Tốt	300
NVH khóm Sa Nhiên	Tốt	50
UBND phường	Tốt	100
Trường TH khóm Tân Mỹ	Tốt	100
Chùa Long Phước	Tốt	100
Trường TH Tân Khánh Đông 3	Tốt	300
Trường MN Tân Khánh Đông	Tốt	500
UBND xã	Tốt	100
Trường THCS Tân Khánh Đông	Tốt	300
Trường TH Tân Khánh Đông	Tốt	100
Trường TH Tân Khánh Đông 1	Tốt	300
Trường MN Tân Khánh Đông	Tốt	100
Chùa Thường Quang	Tốt	100

		Chùa Minh Tân	Tốt	100
		Chùa Giác Long	Tốt	100
		Nhà thờ Công Giáo	Tốt	100
		Chùa Phước Đức	Tốt	100
		Chùa Phước Thiện	Tốt	100
		Chùa Minh Phước	Tốt	100
		Chùa Linh Phước	Tốt	100
		Chùa Vạn Phước	Tốt	100
		Đình Tân Khánh	Tốt	100
		Đình Tân Đông	Tốt	100
		UBND xã	Tốt	100
		Trường TH Tân Quy Tây	Tốt	300
		Trường MN Năng Hồng	Tốt	300
		Trường TH Tân Quy Tây	Tốt	100
		Chùa Linh Nguyên	Tốt	100
		UBND phường	Tốt	100
17	xã Tân Dương	UBND xã	Tốt	300
		Trường THCS Hòa Thành	Tốt	300
		Trường MN Hòa Thành	Tốt	100
		Trường TH Hòa Thành	Tốt	400
		UBND xã	Tốt	120
		Trường TH Tân Dương 1	Tốt	250
		Trường THCS Tân Dương	Tốt	100
		Trường MN Tân Dương	Tốt	450
		Trường TH Phú Long	Tốt	100
		Trường THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu	Tốt	500
		UBND xã	Tốt	100
		Trường MN Bình Minh	Tốt	300
		Trường TH Tân Phú Đông	Tốt	100
		Trường TH Tân Phú Đông	Tốt	500
		Trường MG Tân Phú Đông	Tốt	100
		KDL Sinh thái Sa Đéc Xưa	Tốt	500
		Chùa Phước Hòa	Tốt	100
		Chùa Liên Hoa	Tốt	100
		Trường THPT Châu Thành 2	Tốt	500
		Trường THCS Cái Tàu Hạ	Tốt	200
		Trường TH Cái Tàu 2	Tốt	100
		Trường TH Cái Tàu Hạ 1	Tốt	100
		Trường MN Hoa Hồng	Tốt	100
		Chùa Quan Âm	Tốt	100
		Nhà thờ Tin Lành	Tốt	100
		Trường THCS An Nhơn	Tốt	200
		Trường MN An Nhơn	Tốt	100
		Trường TH An Nhơn	Tốt	200
		Trường MN An Nhơn	Tốt	50
		Trung tâm VH-TT huyện	Tốt	500
		Trường TH Tân Hòa	Tốt	100
		Trường TH An Nhơn	Tốt	100
		Trường MN An Hòa	Tốt	50
		Trường MN An Hiệp	Tốt	100
		Trường TH An Hiệp 2	Tốt	200
		Trường TH An Hiệp	Tốt	100
		Trường TH An Hiệp 1	Tốt	200
		Trường MN An Hiệp	Tốt	100
		Trường THCS An Hiệp	Tốt	200
		Trường TH An Hiệp 1	Tốt	100

18	Phú Hựu	Trường MN An Hiệp	Tốt	100
		NVH ấp Tân Thuận	Tốt	50
		Trường MN Tân Thuận	Tốt	100
		Trường TH An Phú Thuận	Tốt	100
		NVH ấp Phú An	Tốt	50
		NVH ấp Phú Hòa	Tốt	50
		Trường TH An Phú Thuận 2	Tốt	100
		Trường TH An Phú Thuận	Tốt	200
		Trường MN An Phú Thuận	Tốt	100
		Trung tâm VH-HTCĐ	Tốt	200
		Trường THCS An Phú Thuận	Tốt	100
		NVH ấp Hòa Thạnh	Tốt	50
		Trường TH Phú Hựu	Tốt	200
		Trường MN Phú Hựu	Tốt	200
		Trường THCS Phú Hựu	Tốt	200
		Nhà thờ Cái Tàu Hạ	Tốt	100
		Chùa Kim Phước	Tốt	100
		Chùa Pháp Đăng	Tốt	100
		Chùa Khánh Linh	Tốt	100
		Chùa Long Môn	Tốt	100
		Chùa Linh Sơn	Tốt	100
		Trung tâm VH-HTCĐ	Tốt	200
		NVH áo Phú Hưng	Tốt	50
		NVH ấp Phú Thạnh	Tốt	50
		NVH ấp Phú Cường	Tốt	50
		NVH ấp Phú Long	Tốt	50
		NVH ấp An Hòa	Tốt	50
		NVH ấp An Thạnh	Tốt	50
		NVH ấp Tân Hòa	Tốt	50
		NVH ấp Tân An	Tốt	50
		NVH ấp Tân Hòa	Tốt	50
19	Xã Tân Nhuận Đông	Trường TH Hòa Tân	Tốt	100
		Trường THCS Hòa Tân	Tốt	500
		NVH ấp Hòa An	Tốt	50
		Trường TH Hòa Tân 2	Tốt	200
		Trường MN Hòa Tân	Tốt	200
		Trường TH Hòa Tân 3	Tốt	100
		NVH ấp Hòa Quới	Tốt	50
		NVH ấp Hòa Bình	Tốt	50
		Trường MN Hòa Tân	Tốt	100
		NVH ấp An Bình	Tốt	50
		Trường TH An Khánh 1	Tốt	200
		NVH ấp An Hòa	Tốt	50
		Trường MN Ngã Nhỏ	Tốt	100
		Trường TH An Khánh 1	Tốt	100
		Trường THCS An Khánh	Tốt	200
		Trường MN An Khánh	Tốt	100
		Trung tâm VH-HTCĐ	Tốt	200
		Trường TH An Khánh 2	Tốt	100
		Trường TH An Khánh	Tốt	200
		Chùa An Phước	Tốt	100
		Trường MN An Khánh	Tốt	50
		Trường TH An Khánh 2	Tốt	50
		Nhà thờ Nhơn Lương	Tốt	100
		NVH ấp An Lợi	Tốt	50
		Trường TH An Khánh 1	Tốt	100
		Trường THCS Tân Nhuận Đông	Tốt	500

		Trường MN Nha Môn	Tốt	200
		Trường TH Nha Môn 2	Tốt	200
		Trung tâm VH-HTCĐ	Tốt	200
		Trường TH Nha Môn 1	Tốt	200
		Trường THPT Châu Thành I	Tốt	500
		Trường Bán công Châu Thành	Tốt	500
		Chùa Phước Long	Tốt	500
		Trường TH Nhân Môn 2	Tốt	200
		Trường TH Tân Nhuận Đông	Tốt	50
		NVH ấp Tân Hựu	Tốt	50
		NVH ấp Tân Nghĩa	Tốt	50
		Trường TH Tân Nhuận Đông 2	Tốt	500
		NVH ấp Tân Hòa	Tốt	50
		Chùa Thanh Đế	Tốt	50
		Miếu Bà Chúa Xứ	Tốt	50
		Chùa Tân Phước	Tốt	50
		Chùa Hội Phước	Tốt	50
20	xã Tân Phú Trung	Trường TH Tân Xuân	Tốt	200
		Trường TH Tân Bình	Tốt	200
		Trường MN Tân Bình	Tốt	50
		Trường TH Bình Tiên 2	Tốt	200
		Trường THCS Tân Bình	Tốt	200
		Trường TH Bình Tiên 1	Tốt	200
		Trường THCS Tân Phú Trung	Tốt	200
		Trường THCS Tân Phú Trung	Tốt	200
		Trường MN Tân Phú Trung	Tốt	100
		Trường TH Tân Phú Trung	Tốt	100
		Trường THCS-THPT Tân Phú Trung	Tốt	500
		Trường TH Tân Phú Trung 1	Tốt	100
		Nhà thờ công giáo Tân Phú Trung	Tốt	100
		Chùa Long Quang	Tốt	100
		Trường TH Tân Phú Trung	Tốt	50
		Trường TH Tân Phú	Tốt	100
		Trường MN Tân Phú	Tốt	100
		Trường THCS Tân Phú	Tốt	200
		Trường TH Tân Phú	Tốt	100
		Hội thánh tin lành	Tốt	100
		Chùa Thanh Quang	Tốt	100
		Trường TH Tân Phú	Tốt	100
		NVH ấp Tân Thạnh	Tốt	50
		NVH ấp Tân Thuận	Tốt	50
		NVH ấp Tân Hòa	Tốt	50
		Trường TH Phú Long	Tốt	200
		NVH ấp Phú Hòa	Tốt	50
		Trường TH Phú Long	Tốt	100
		NVH ấp Phú Mỹ	Tốt	50
		Trường TH Phú Long	Tốt	100
		Trường MN Phú Long	Tốt	100
		NVH ấp Phú Thạnh	Tốt	100
		Trường THCS Phú Long	Tốt	500
		Trường TH Phú Long	Tốt	100
		NVH ấp Phú Long	Tốt	50
		NVH ấp Phú An	Tốt	50
		NVH ấp Tân Mỹ	Tốt	50
		NVH ấp Tân Quới	Tốt	50
		NVH liên ấp Tân Hòa - Tân Phú	Tốt	50
		Đình Tân Phú Trung	Tốt	100

		NVH liên ấp Tân Lập - Tân Lợi	Tốt	50
		Tiêu học&THCS Phú Thành B	Tốt	500
21	xã Tân Hồng	Trường THPT Tân Hồng	Tốt	1000
		Trường TH Trần Phú	Tốt	1000
		Trường TH Nguyễn Huệ	Tốt	300
		Trường THCS Nguyễn Văn Tiệp	Tốt	500
		Trường MN 1/6	Tốt	500
		Chùa Lập Phúc	Tốt	200
		Thánh thất TT. Sa Rài	Tốt	300
		Nhà thờ Tân Hồng	Tốt	200
		Giáo xứ Gò Da	Tốt	200
		Trường THCS Nguyễn Du	Tốt	500
		Trường MN Sơn Ca	Tốt	500
		Trạm y tế xã	Tốt	50
		UBND xã	Tốt	100
		Trung tâm VH-HTCĐ	Tốt	100
		Trường TH Bình Phú 2	Tốt	200
		Chùa Phước Thiện	Tốt	200
		Trường TH-THCS Thống Nhất	Tốt	200
		Trường THCS Thống Nhất	Tốt	300
		Trường TH-THCS Cả Găng	Tốt	300
		Trường MN Họa Mi	Tốt	200
		Trường TH Tân Công Chí	Tốt	100
		Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	Tốt	500
		Trạm y tế xã	Tốt	50
		Chùa Phong Sơn	Tốt	200
		Trường TH Tân Công Chí 3	Tốt	200
		Trường TH Tân Công Chí 3	Tốt	300
		BND ấp Thống Nhất 1	Tốt	50
		BND ấp Bắc Trang 1	Tốt	50
		BND ấp Bắc Trang 2	Tốt	50
		BND ấp Thống Nhất 2	Tốt	50
		BND ấp Rọc Muống	Tốt	50
		Trường TH Tân Công Chí 1	Tốt	100
		UBND xã	Tốt	100
		BND ấp Thành Lập	Tốt	50
		Trường TH Tân Công Chí 1	Tốt	200
		Trung tâm VH-HTCĐ	Tốt	100
		BND ấp Công Tạo	Tốt	50
		BND ấp Gò Da	Tốt	50
		Trường TH Bình Phú	Tốt	300
		Trường TH Tân Thành A2	Tốt	50
		Trường MG Tân Thành A	Tốt	100
		Trường TH Tân Thành A2	Tốt	100
		Trường TH Tân Thành A3	Tốt	300
		Trường TH Tân Thành A2	Tốt	50
		BND ấp Tham Bua	Tốt	50
		UBND xã	Tốt	100
		BND ấp Thi Sơn	Tốt	50
		Trạm y tế xã	Tốt	50
		BND ấp Chiến Thắng	Tốt	50
		Trường MN Tân Thành A	Tốt	200
		Trường THCS-THPT Tân Thành	Tốt	500
		Trường TH Tân Thành A2	Tốt	500
		BND ấp Cây Me	Tốt	50

22	xã Tân Thành	Trường TH Tân Hộ Cơ	Tốt	100
		Trường THCS Thông Bình	Tốt	500
		BND ấp Long Sơn	Tốt	50
		Trường MN Thông Bình	Tốt	200
		Trường TH Thông Bình 2	Tốt	500
		BND ấp Chòi Mòi	Tốt	50
		Trường TH Thông Bình 2	Tốt	300
		Trường MN Thông Bình	Tốt	200
		UBND xã	Tốt	100
		BND ấp Cả Vàng	Tốt	50
		Chùa Pháp Võ	Tốt	200
		BND ấp Phước Tiên	Tốt	50
		Trường THCS Phước Tiên	Tốt	300
		BND ấp Thị	Tốt	50
		Trường MN Thông Bình	Tốt	50
23	xã Tân Hộ Cơ	BND ấp 3	Tốt	50
		Trường MN Tân Thành B	Tốt	500
		Trường TH Tân Thành B	Tốt	500
		BND ấp 2	Tốt	50
		Trường TH Tân Thành B1	Tốt	500
		Trường THCS Tân Thành B	Tốt	500
		BND ấp 1	Tốt	50
		UBND xã	Tốt	100
		Trung tâm VH-HTCĐ	Tốt	200
		Trường TH Tân Thành B2	Tốt	100
		Chùa Tân Long	Tốt	100
		Trường TH Tân Thành B1	Tốt	100
		Trường TH Tân Thành 1	Tốt	50
		Trường MN Tân Thành B	Tốt	50
		Trường TH Tân Hộ Cơ	Tốt	50
		Trường TH Dinh Bà	Tốt	300
		Chùa Đông An	Tốt	100
		Trường TH Tân Hộ Cơ	Tốt	500
		Chùa Hiếu Đức	Tốt	200
		Trường THCS Tân Hộ Cơ	Tốt	500
		BND ấp Chiến Thắng	Tốt	50
		UBND xã	Tốt	100
		Trường TH Tân Hộ Cơ 2	Tốt	300
		BND ấp Đuôi Tôm	Tốt	50
		BND ấp Gò Bói	Tốt	50
		BND ấp An Lộc	Tốt	50
		Trường TH An Phước	Tốt	200
		Trường TH An Phước 2	Tốt	200
		Trường THCS Nguyễn Quang Diệu	Tốt	500
		Trạm y tế xã	Tốt	50
		BND ấp An Phát	Tốt	50
		BND ấp An Thọ	Tốt	50
		BND ấp An Tài	Tốt	50
		Hưng Hồng Tự	Tốt	50
		UBND xã	Tốt	100
		Trung tâm VH-HTCĐ	Tốt	100
		Nhà thờ An Phước	Tốt	200
		Trường MN Tân Phước	Tốt	300
		Trường THCS Nguyễn Văn Bảnh	Tốt	500

24	xã An Phước	Trường THPT Giồng Thị Đam	Tốt	500
		Trường THCS Giồng Thị Đam	Tốt	500
		Trường MN Giồng Găng	Tốt	100
		Trường TH Tân Phước 2	Tốt	100
		Trường THCS Tân Phước	Tốt	500
		Trường TH Tân Phước	Tốt	200
		Trạm y tế xã	Tốt	50
		UBND xã	Tốt	100
		Trường MN Tân Phước	Tốt	200
		BND ấp Hoàng Việt	Tốt	50
		Trường TH Tân Phước 3	Tốt	100
		BND ấp Tân Bảnh	Tốt	50
		Tịnh xã Ngọc Phước	Tốt	200
		Trường TH Tân Phước	Tốt	50
		BND ấp Tuyết Hồng	Tốt	50
		Trường MN Tân Phước	Tốt	100
		Trường TH Giồng Găng	Tốt	100
		Trường TH Tân Phước 3	Tốt	50
		Trường TH Tân Phước	Tốt	50
		UBND xã	Tốt	400
		Trường THCS Tân Phước	Tốt	250
		Trường TH Tân Phước 2	Tốt	300
		Trường MN Tân Phước	Tốt	100
		Trường MN Tân Phước	Tốt	200
		Trường TH Tân Phước	Tốt	200
25	Phường An Bình	Trường THCS An Bình A	Tốt	2000
		Nhà thờ giáo xứ Bãi Chàm	Tốt	500
		Trường TH An Bình A	Tốt	2000
		UBND phường	Tốt	100
		Trường Trung cấp Hồng Ngự	Tốt	3000
		Trường TH An Bình A1	Tốt	2000
		Trường TH An Bình B1	Tốt	1000
		Trường THCS An Bình B	Tốt	1000
		Trường MN An Bình B	Tốt	200
		Trạm y tế phường	Tốt	50
		UBND phường	Tốt	100
		Trường TH An Bình B	Tốt	1000
		Trường TH An Bình B	Tốt	500
		Trường THPT Hồng Ngự 1	Tốt	2000
		Trường MN An Lộc	Tốt	500
		Trường TH An Lộc	Tốt	500
		Trường MN An Lộc	Tốt	500
		Trạm y tế phường	Tốt	50
		UBND phường	Tốt	100
		Trạm y tế phường	Tốt	50
		Trường TH An Thạnh 1	Tốt	200
		Trường TH Chu Văn An	Tốt	300
		Trường MN An Thạnh	Tốt	300
		Trường THPT Chu Văn An	Tốt	2000
		Trường THCS An Thạnh	Tốt	1000
		Trường TH An Thạnh 2	Tốt	1000
		Trường MN Hướng Dương	Tốt	500
		Trường MN Minh Đức	Tốt	500
		Trường TH Bình Thạnh 1	Tốt	200
		Trường THCS Bình Thạnh	Tốt	500

26	Phường Hồng Ngự	UBND xã	Tốt	100
		Trường TH Bình Thạnh 1	Tốt	200
		Trường TH Bình Thạnh	Tốt	500
		UBND xã	Tốt	100
		Trường THCS Tân Hội	Tốt	1000
		Đình Tân Hội	Tốt	100
		Miếu Bà Thượng	Tốt	50
		Trường TH An Thạnh 3	Tốt	200
		Trường MN Tân Hội	Tốt	200
		Trường TH Tân Hội	Tốt	200
		Trường TH Tân Hội	Tốt	500
		Trường TH Tân Hội	Tốt	1000
		Trường MN Bình Thạnh	Tốt	200
		UBND phường	Tốt	100
		Đình An Bình	Tốt	100
		Trường MN Tân Hội	Tốt	200
27	Phường Thường Lạc	Trường TH-THCS An Lạc	Tốt	1000
		Trường TH An Lạc	Tốt	500
		Trạm y tế phường	Tốt	50
		Nhà thờ Trà Đư	Tốt	200
		Trường TH An Lạc	Tốt	200
		Trường TH Thường Lạc	Tốt	1000
		Đình Thường Lạc	Tốt	100
		UBND phường	Tốt	100
		Trường TH Thường Thới Hậu A	Tốt	200
		Trường THCS Thường Thới Hậu A	Tốt	200
		Trường TH Thường Thới Hậu A1	Tốt	200
		UBND xã	Tốt	100
		Trường TH Thường Thới Hậu A	Tốt	100
		Trạm y tế xã	Tốt	50
		Trường TH Thường Thới Hậu A	Tốt	100
		Trường MN Thường Thới Hậu A	Tốt	100
		Trường TH Thường Thới Hậu A	Tốt	200
		Trường MN Thường Thới Hậu A	Tốt	100
		Trường TH Thường Lạc 1	Tốt	100
		Trường TH Thường Lạc 1	Tốt	100
		Trường TH Thường Lạc 2	Tốt	300
		Trường THCS Thường Thới Hậu B	Tốt	300
		Trường THCS Thường Lạc	Tốt	200
		Trường TH Thường Lạc 3	Tốt	100
		Trạm y tế xã	Tốt	50
		Trường MN Thường Lạc	Tốt	100
		Trường TH Thường Lạc 2	Tốt	100
		Miếu Bà Cầu Muống	Tốt	50
		Trường MN Thường Thới Hậu B	Tốt	100
		UBND xã	Tốt	100
		Trường THCS Thường Lạc	Tốt	300
		Trường TH Thường Lạc	Tốt	300
		Trạm y tế xã	Tốt	50
		Trung tâm VH-HTCĐ	Tốt	200
		BND ấp 1	Tốt	50
		BND ấp 6	Tốt	50
		BND ấp Trà Đư	Tốt	50
		BND ấp ấp Bình Hòa Hạ	Tốt	50

		BND ấp Bình Hòa Thượng	Tốt	50
		BND ấp Bình Hòa Trung	Tốt	50
		Trường MN An Lạc	Tốt	200
		Trường MN An Lạc	Tốt	100
28	Xã Thường Phước	Trường MN Thường Phước	Tốt	200
		Trường TH Thường Phước 1A	Tốt	300
		Trường TH Thường Phước 1B	Tốt	200
		Trường THCS Thường Phước 1	Tốt	300
		Trường TH Thường Phước 1	Tốt	100
		UBND xã	Tốt	100
		Giáo xứ Thường Phước	Tốt	100
		Trường THCS Thường Phước 1	Tốt	100
		Trạm y tế xã	Tốt	50
		Trường THCS Thường Phước 2	Tốt	200
		Trung tâm VH-HTCĐ xã	Tốt	200
		Trường MN Thường Phước 2	Tốt	200
		Trường TH Thường Phước 2A	Tốt	100
		Chùa Thầy Tám	Tốt	100
		Chùa Phước Linh	Tốt	100
		UBND xã	Tốt	50
		Trường TH Thường Phước 2	Tốt	200
		Trường TH Thường Phước 2A	Tốt	100
		Trường MN Thường Phước 2	Tốt	200
		Trường TH Thượng Thới Tiền	Tốt	200
		Trường THCS Thượng Thới Tiền	Tốt	300
		Chùa Phước Hưng	Tốt	100
		Trường THPT Hồng Ngự 3	Tốt	500
		Trường TH Thuộc Thượng Thới Tiền 2	Tốt	300
		UBND thị trấn	Tốt	100
		Chùa Thanh Lương	Tốt	100
		BND ấp 1	Tốt	50
		BND ấp 2	Tốt	50
		BND ấp 3	Tốt	50
		BND ấp Giồng Bàng	Tốt	50
		BND ấp Chòm Xoài	Tốt	50
29	Xã Long Khánh	Trường TH Long Khánh A6	Tốt	200
		Trường TH Long Khánh A3	Tốt	100
		Trường MN Long Khánh A	Tốt	200
		Trường THPT Long Khánh A	Tốt	300
		Trường TH Long Khánh A1	Tốt	200
		Trường THCS Long Khánh A	Tốt	300
		Trường TH Long Khánh A4	Tốt	100
		Trường TH Long Khánh A4	Tốt	200
		Trường TH Long Khánh A1	Tốt	200
		UBND xã	Tốt	100
		Chùa Hòa Long	Tốt	100
		Trường TH Long Khánh B2	Tốt	200
		BND ấp Long Châu	Tốt	100
		Trường TH Long Khánh B2	Tốt	100
		Trường TH Long Khánh B1	Tốt	300
		Trường THCS Long Khánh B	Tốt	300
		UBND xã	Tốt	100
		Trạm y tế xã	Tốt	50
		BND ấp Long Phước	Tốt	50

		BND ấp Long Thạnh A	Tốt	50
		BND ấp Long Thạnh B	Tốt	50
		BND ấp ấp Long Hữu	Tốt	50
		BND ấp Long Tả	Tốt	50
		BND ấp Long Thái	Tốt	50
		BND ấp Long Bình	Tốt	50
30	Long Phú Thuận	Trường TH Long Thuận 1	Tốt	100
		Trường TH Long Thuận 1	Tốt	200
		Trường TH Long Thuận 4	Tốt	100
		Trường MN Long Thuận	Tốt	100
		UBND xã	Tốt	100
		Trường TH Long Thuận 4	Tốt	300
		Trường MN Long Thuận	Tốt	100
		Trường TH Long Thuận 3	Tốt	300
		Trường MN Long Thuận	Tốt	50
		Trường TH Long Thuận 1	Tốt	100
		Chùa Quan Âm Cổ Tự	Tốt	500
		Trường MG Phú Thuận	Tốt	200
		Trường MN Phú Thuận A	Tốt	50
		Trường TH Phú Thuận A	Tốt	100
		Trường TH Phú Thuận A2	Tốt	100
		Trường THCS Phú Thuận A	Tốt	300
		Trường THPT Phú Thuận A	Tốt	500
		Trường TH Phú Thuận A2	Tốt	100
		Trường MN Phú Thuận A2	Tốt	200
		UBND xã	Tốt	100
		Trường TH Phú Thuận A3	Tốt	100
		Chùa Giác Quang	Tốt	200
		Chùa Bửu Quang	Tốt	200
		Đình Thần Phú Thuận	Tốt	100
		Thánh Thất Long Thuận	Tốt	100
		Đình Thần Long Thuận	Tốt	100
		Trạm y tế xã	Tốt	50
		Trường TH Phú Thuận B3	Tốt	300
		Trường TH Phú Thuận B2	Tốt	300
		Trường THCS Phú Thuận B	Tốt	100
		Trường THCS Phú Thuận B	Tốt	300
		Trường TH Phú Thuận B	Tốt	200
		Trung tâm VH-HTCĐ	Tốt	100
		Chùa Linh Quang Tự	Tốt	100
		UBND xã	Tốt	100
		Trạm y tế xã	Tốt	50
		Trường MN Phú Trung	Tốt	100
		Trường TH Phú Thuận B4	Tốt	200
		Trường THCS Phú Thuận B	Tốt	100
		Trường TH Phú Thuận 4	Tốt	100
		Trường TH Bình Thạnh 1	Tốt	100
		BND ấp Phú Lợi B	Tốt	50
		BND ấp ấp Phú Hòa A	Tốt	50
		BND ấp Phú Hòa B	Tốt	50
		BND ấp Phú Thạnh A	Tốt	50
		BND ấp Phú Thạnh B	Tốt	50
		BND ấp Long Hưng	Tốt	50
		BND ấp Long Thới A	Tốt	50

		BND ấp Long Thới B	Tốt	50
		BND ấp Long Thạnh	Tốt	50
31	xã An Hòa	THCS An Hòa	Tốt	1000
		TH Phú Thành B1	Tốt	800
		Trung tâm VH-HTCĐ	Tốt	600
		Tiểu học An Hòa 1	Tốt	500
		Tiểu học An Hòa B	Tốt	400
		MN Phú Thành B	Tốt	400
		Giáo xứ Cả Nô	Tốt	300
		Tiểu học An Hòa C	Tốt	200
		Đình Thân An Long	Tốt	200
		Chùa Bửu Long Tự	Tốt	200
		Tiểu học phú thọ điểm B	Tốt	200
		Mâm Non An Hòa	Tốt	200
		Tiểu học Phú Thành B2	Tốt	200
		Tiểu học An Hòa	Tốt	200
		TH Phú Thành B	Tốt	200
		Tiểu học Phú Thành B2	Tốt	200
		Tiểu học Phú Hòa	Tốt	200
		UBND xã	Tốt	100
		UBND xã	Tốt	100
		Mâm Non ấp 3	Tốt	70
		MN điểm phụ	Tốt	70
		Mâm Non An Hòa	Tốt	60
		Mâm non ấp 4	Tốt	60
		Trạm Y Tế	Tốt	60
		Trạm Y tế	Tốt	60
		NVH Ấp 2	Tốt	50
		NVH ấp 3	Tốt	50
		NVH Ấp Phú Lâm	Tốt	50
		NVH ấp Phú Long	Tốt	50
		NVH Ấp Phú Bình	Tốt	50
		NVH ấp Phú Hòa	Tốt	50
32	xã Tam Nông	NVH ấp Phú B	Tốt	50
		TH&THCS Phú Xuân	Tốt	1000
		THCS Phú Hiệp	Tốt	1000
		THCS Phú Đức	Tốt	800
		MN Phú Đức	Tốt	400
		Tiểu học Phú Hiệp A	Tốt	400
		Chùa Phật giáo Hòa Hảo	Tốt	400
		MN Phú Hiệp	Tốt	400
		Tiểu học Phú Đức K8	Tốt	300
		Đền Bưi tháp Thự	Tốt	300
		Tiểu học Phú Đức	Tốt	200
		Chùa Đồng Hoà Tự	Tốt	200
		Tiểu học Phú Hiệp 2	Tốt	200
		Thánh Thất Họ Đạo Xã Phú Hiệp	Tốt	200
		Trung tâm VH-HTCĐ	Tốt	200
		Trung tâm VH-HTCĐ	Tốt	200
		Đình K10	Tốt	200
		Chùa Hiếu Nghĩa	Tốt	200
		Chùa Nghĩa Hòa Tự	Tốt	100
		UBND xã	Tốt	100
		UBND xã	Tốt	100

		Trạm Y tế	Tốt	80
		NVH khóm 3	Tốt	50
		NVH Ấp K9	Tốt	50
		NVH Ấp K8	Tốt	50
		NVH Ấp Phú Xuân	Tốt	50
		NVH ấp Hiệp Bình	Tốt	50
		NVH ấp Phú Nông	Tốt	50
		THCS&THPT Phú Thành A	Tốt	1000
		Trường THCS Phú Thọ	Tốt	500
		Trung tâm VH-HTCĐ	Tốt	500
		Trường TH Phú Thọ	Tốt	500
		Tiểu học Phú Thành A2	Tốt	300
		Chùa An Dân Tự	Tốt	300
		Chùa Tam Hoà	Tốt	300
		Chùa An Tự	Tốt	300
		Đình Phú Thành A2	Tốt	200
		Tiểu học Phú Thành A2	Tốt	200
		Tiểu học Phú Thành A1	Tốt	200
		MN Phú Thành A	Tốt	200
		MN Phú Thọ	Tốt	200
		Chùa Cao Đài	Tốt	150
		MN Phú Thành A	Tốt	100
		Tiểu học Phú Thành A1	Tốt	100
		Tiểu học Phú Thành A1	Tốt	100
		UBND xã	Tốt	100
		UBND xã	Tốt	100
		Trạm Y Tế	Tốt	80
		MN Phú Thành A	Tốt	70
		Trạm y tế	Tốt	60
		Trạm Y Tế	Tốt	60
		MN Phú Thọ	Tốt	60
		NVH Ấp Phú Điền	Tốt	50
		NVH Ấp Phú Thành	Tốt	50
		NVH Ấp Long Phú A	Tốt	50
		NVH ấp Long Phú	Tốt	50
		NVH Ấp Phú Thọ A	Tốt	50
		NVH Ấp Phú Thọ B	Tốt	50
		NVH Ấp Phú Thọ C	Tốt	50
		NVH Ấp Long Thành	Tốt	50
		THCS Tràm Chim	Tốt	1000
		THCS Tân Công Sính	Tốt	1000
		Tiểu học Tràm Chim 1	Tốt	900
		Trung tâm VH-HTCĐ	Tốt	600
		Giáo sư Thiên Phước	Tốt	400
		MN TT.Tràm Chim	Tốt	400
		MN Tân Công Sính	Tốt	400
		Chùa Quê Hương	Tốt	400
		Trường THPT Tràm Chim	Tốt	300
		Trường TH Tân Công Sính	Tốt	300
		TH Tân Công Sính	Tốt	200
		Tiểu học Tràm Chim 2	Tốt	200
		TH Tân Công Sính A	Tốt	200
		Nhà thờ Thánh Tâm	Tốt	150
		Tiểu học Ấp Bưng Sấm	Tốt	100
33	xã Phú Thọ			
34	xã Tràm Chim			

34	Xã Tràm Chim	UBND thị trấn	Tốt	100
		UBND xã	Tốt	100
		NVH Ấp Cà Dâm	Tốt	70
		NVH Ấp Bưng Sấm	Tốt	70
		Trạm Y Tế	Tốt	60
		Trạm Y Tế thị trấn	Tốt	60
		MN Tràm Chim	Tốt	60
		Trạm Y tế	Tốt	60
		MG Tân Công Sinh	Tốt	60
		NVH khóm 2	Tốt	50
		NVH Ấp Tân Hưng	Tốt	50
		NVH ấp Cà Dâm	Tốt	50
		NVH khóm 4	Tốt	50
		NVH Khóm 1	Tốt	50
		UBND TT Tràm Chim	Tốt	200
35	Xã Phú Cường	TH Hòa Bình	Tốt	1000
		THCS Phú Cường	Tốt	900
		THCS&THPT Hòa Bình	Tốt	700
		Trung tâm VH-HTCĐ	Tốt	500
		Chùa Đức Ân Tự	Tốt	400
		Tiểu học Phú Cường	Tốt	400
		MN Hòa Bình	Tốt	300
		Tiểu học Phú Cường 1	Tốt	300
		Thánh Thất Phú Cường	Tốt	300
		MN Phú Cường	Tốt	300
		MN Hoa sen	Tốt	300
		Tiểu học Hòa Bình	Tốt	200
		Nhà Thờ Phú Cường	Tốt	200
		Chùa Tâm Thành	Tốt	200
		Đình Thần xã Phú Cường	Tốt	200
		Mầm Non Phú Cường	Tốt	200
		Tiểu học Hòa Bình	Tốt	200
		Trung tâm VH-HTCĐ	Tốt	200
		Giáo xứ Hòa Bình	Tốt	100
		UBND xã	Tốt	100
		UBND xã	Tốt	100
		MN Hoa Sen	Tốt	100
		Tiểu học Hòa Bình	Tốt	80
		TRạm Y Tế	Tốt	70
		MG trụ sở ấp 5	Tốt	70
		Trạm Y tế	Tốt	60
		Tiểu học Hòa Bình	Tốt	60
		NVH Ấp 1	Tốt	50
		NVH Ấp 5	Tốt	50
		NVH ấp 4	Tốt	50
		NVH Ấp 2	Tốt	50
		NVH Ấp 5	Tốt	50
		NVH Ấp Tân Cường	Tốt	50
		NVH ấp A	Tốt	50
		NVH Ấp B	Tốt	50
		NVH Ấp Gò Cát	Tốt	50
		NVH Ấp Hồng Kỳ	Tốt	50
		Tiểu học An Phong 1	Tốt	300
		MG An Phong	Tốt	60

36	xã An Long	Chùa Cao Đài	Tốt	100
		THCS An Phong	Tốt	500
		Đình Thần An Phong	Tốt	100
		Chùa An Bửu	Tốt	100
		TTVHHTCĐ	Tốt	100
		Tiểu học An Phong 1	Tốt	300
		MG An Phong	Tốt	500
		Tiểu học An Phong 2	Tốt	200
		Tiểu học An Phong 2	Tốt	150
		Tiểu học An Phong 3	Tốt	200
		Tiểu học An Phong 2	Tốt	300
		Tiểu học An Phong 1	Tốt	200
		NVH ấp Nhất	Tốt	50
		UBND xã	Tốt	100
		Nhà thờ tin lành	Tốt	150
		NVH Ấp 3	Tốt	50
		NVH Ấp Nhì	Tốt	50
		Tiểu học An Phong 2	Tốt	400
		MG An Phong 2	Tốt	60
		NVH Ấp Tư	Tốt	50
		Tiểu học Phú Ninh 2	Tốt	600
		THCS Phú Ninh 2	Tốt	600
		Trung tâm VH-HTCĐ	Tốt	400
		THPT Tam Nông	Tốt	300
		Chùa Phát Quan	Tốt	300
		Tiểu học An Long A	Tốt	200
		Nhà thờ An Long	Tốt	200
		Tiểu học An Long B	Tốt	200
		Tiểu học Phú Ninh 1	Tốt	120
		MN Sen Hồng	Tốt	100
		MG An Long	Tốt	100
		UBND xã	Tốt	100
		UBND xã	Tốt	100
		Tiểu học Phú Ninh	Tốt	100
		Trạm Y tế xã	Tốt	60
		NVH Ấp Phú Thịnh	Tốt	50
		NVH Ấp Phú Yên	Tốt	50
		NVH An Phú	Tốt	50
		NVH ấp Phú Lợi	Tốt	50
		UBND xã	Tốt	100
		Trường TH Tân Mỹ 2	Tốt	300
		Trường THPT Thanh Bình 1	Tốt	500
		Trường THCS Thanh Bình	Tốt	300
		Trường TH Tân Mỹ 1	Tốt	200
		Trường MN Tân Mỹ	Tốt	200
		MG Tân Mỹ	Tốt	200
		Tiểu học Tân Mỹ 1	Tốt	500
		Miếu bà Thất Vị Nương Nương	Tốt	100
		THCS & THPT Tân Mỹ	Tốt	500
		Tiểu học Tân Mỹ 2	Tốt	500
		THCS Tân Phú	Tốt	300
		Chùa Long Sơn	Tốt	100
		MG Tân Phú	Tốt	100
		Tiểu học Thanh Bình 1	Tốt	200

37	xã Thanh Bình	Tiểu học Thanh Bình 2	Tốt	200
		Đình thần TT Thanh Bình	Tốt	100
		Chùa Long Bửu	Tốt	100
		Trung cấp Thanh Bình	Tốt	500
		MG Tân Mỹ điểm phụ	Tốt	100
		Tiểu học Tân Mỹ	Tốt	100
		MG Tân Mỹ	Tốt	500
		NVH Ấp 1	Tốt	50
		UBND xã Tân Mỹ (cũ)	Tốt	100
		NVH ấp 3	Tốt	50
		NVH ấp 4	Tốt	50
		Tiểu học Tân Phú 1	Tốt	400
		Chùa Nam An	Tốt	100
		NVH ấp Tân Hòa A	Tốt	50
		MG Tân Phú	Tốt	100
		Tiểu học Tân Phú 2	Tốt	90
		UBND xã Tân Phú (cũ)	Tốt	100
		NVH Tân Thuận B	Tốt	50
		MG Tân Phú	Tốt	60
		NVH ấp Tân Hòa B	Tốt	50
		MN Hoa Mai	Tốt	300
		NVH ấp Tân Thuận	Tốt	50
		VP ấp Phú Mỹ	Tốt	50
		VP ấp Tân Đông A	Tốt	50
		VP ấp Tân Đông B	Tốt	50
		VP ấp Nam	Tốt	50
		Chùa Tiểu Châu	Tốt	50
		UBND TT Thanh Bình (cũ)	Tốt	200
38	xã Tân Thạnh	Tiểu học Phú Lợi 1	Tốt	200
		MG Phú lợi 1	Tốt	200
		Tiểu học Phú Lợi 1	Tốt	50
		Tiểu học Phú Lợi 2	Tốt	150
		MG Tân Thạnh Ấp Bắc	Tốt	60
		tiểu học Tân Thạnh 1	Tốt	200
		Chùa Bửu Thạnh	Tốt	100
		Chùa Nghĩa Vĩnh	Tốt	100
		Đình thần Tân Thạnh Thanh Bình	Tốt	100
		Tiểu học Tân Thạnh 1	Tốt	200
		Tiểu học Tân Thạnh 2	Tốt	300
		MN ấp Nam	Tốt	60
		Tiểu học Tân Thạnh 2	Tốt	100
		Thánh thất Tân Thạnh	Tốt	100
		THCS Tân Thạnh	Tốt	300
		TH Phú Lợi 2	Tốt	200
		UBND xã	Tốt	100
		TTHTCĐ	Tốt	100
		THCS Phú Lợi	Tốt	500
		MG Phú Lợi 2	Tốt	50
		NVH ấp 1	Tốt	50
		MG Phú Lợi điểm phụ	Tốt	50
		NVH Ấp 4	Tốt	50
		NVH ấp 3	Tốt	50
		MG Phú lợi điểm phụ	Tốt	100
		NVH ẤP Bắc	Tốt	50

		UBND xã	Tốt	100
		NVH ấp Nam	Tốt	50
		Thánh thất Tân Thạnh	Tốt	100
		Tiểu học Tân Thạnh 2 điểm phụ	Tốt	100
		NVH Ấp Tây	Tốt	60
		MG Tân Thạnh	Tốt	300
		NVH Ấp Trung	Tốt	50
		Đền thờ Trần Văn Năng	Tốt	100
39	xã Bình Thành	UBND xã	Tốt	100
		Trường TH Bình Thành 2	Tốt	200
		Trường THCS Bình Thành	Tốt	500
		Trường TH Bình Thành 2	Tốt	200
		Trường MN Bình Thành	Tốt	100
		Trường TH Bình Thành 3	Tốt	200
		Trạm y tế xã	Tốt	50
		THCS Bình Tấn	Tốt	500
		Tiểu học Bình Tấn 2	Tốt	90
		MG điểm phụ	Tốt	60
		Tiểu học Bình Tấn 2	Tốt	90
		Tiểu học Bình Tấn 2	Tốt	60
		MG Bình Tấn 2	Tốt	100
		Tiểu học Bình Thành 2	Tốt	250
		MN Bình Thành 2	Tốt	300
		Tiểu học Bình Thành 2	Tốt	300
		MN Bình Thành 2	Tốt	500
		Đình Thần xã Bình Thành	Tốt	100
		Tiểu học Bình Thành 1	Tốt	500
		Thánh Thất Bình Thành	Tốt	100
		Chùa Thành Phước	Tốt	100
		Tiểu học Bình Thành 1	Tốt	500
		MG Bình Thành	Tốt	400
		Tiểu học Thị Trấn 2	Tốt	150
		Thánh Thất Cao Đài	Tốt	100
		THPT Thanh Bình 1	Tốt	500
		Tiểu học Thị trấn 1	Tốt	500
		Miếu Bà Bình Trung	Tốt	100
		MN Bình Thành 2	Tốt	200
		THCS Bình Thành	Tốt	500
		Tiểu học Bình Tấn 1	Tốt	50
		NVH Ấp 4	Tốt	50
		MG Bình Tấn 2	Tốt	40
		Tiểu học Bình Tấn 2	Tốt	60
		NVH ấp 2	Tốt	50
		MG Ấp 2	Tốt	50
		UBND xã	Tốt	100
		TTVHHTCĐ	Tốt	100
		NVH ấp Bình Định	Tốt	50
		NVH ấp Bình Hòa	Tốt	50
		NVH Khóm Tân Đông B	Tốt	50
		NVH Khóm Tân Thuận	Tốt	50
		THCS Thanh Bình	Tốt	500
		UBND xã	Tốt	100
		NVH ấp 3	Tốt	50
		NVH ấp 1	Tốt	50

		Trường MN TT. Thanh Bình	Tốt	200
		Trường TH cũ	Tốt	50
40	xã Tân Long	Trường TH Tân Thạnh 1	Tốt	100
		Trường THCS Tân Long	Tốt	500
		Thánh thất Tân Long	Tốt	100
		Điện thờ Phật Mẫu	Tốt	100
		Tiểu học Tân Long 1	Tốt	60
		Tiểu học Tân Long 1	Tốt	60
		Đình thần Tân Long	Tốt	100
		Tiểu học Tân Long 1	Tốt	400
		TTVHHTCD	Tốt	100
		Tiểu học Tân Long 2	Tốt	50
		MG Tân Long	Tốt	50
		Nhà Thờ Bến Siêu	Tốt	100
		Tiểu học Tân Huê 1	Tốt	300
		Tiểu học Tân Huê 2	Tốt	500
		Tiểu học Tân Huê 2	Tốt	500
		Tiểu học Tân Huê 1	Tốt	300
		NVH Tân Huê	Tốt	50
		Đình Thần Tân Hòa	Tốt	100
		Tiểu học Tân Hòa 2	Tốt	300
		MG Tân Hòa điểm phụ	Tốt	50
		MG Tân Hòa điểm phụ	Tốt	60
		MN Tân Hòa	Tốt	50
		THCS Tân Hòa	Tốt	500
		Nhà thờ bên Dinh	Tốt	400
		Tiểu học Tân Hòa 1	Tốt	300
		Tiểu học Tân Hòa 1	Tốt	200
		Nhà thờ thánh enru	Tốt	200
		Tiểu học Tân Quới 1	Tốt	200
		Tiểu học Tân Quới 1	Tốt	300
		Chùa Tân Phú	Tốt	100
		Đình Thần Tân Quới	Tốt	100
		Nhà Thờ Tân Quới	Tốt	200
		Tiểu học Tân Quới 2	Tốt	100
		THCS Tân Quới	Tốt	300
		Nhà thờ FatiMa	Tốt	300
		MG Tân Quới	Tốt	200
		MN Tân Bình	Tốt	100
		NG Tân Bình	Tốt	200
		THPT Thanh Bình 2	Tốt	500
		Tiểu học Tân Bình	Tốt	500
		THCS Tân Bình	Tốt	300
		Chùa phật Nổi	Tốt	100
		Giáo xứ Tân Long	Tốt	100
		MN Tân Bình	Tốt	200
		Chùa Tân Bửu Tự	Tốt	100
		Tiểu học Tân Bình 2	Tốt	100
		tiểu học tân Bình 2	Tốt	100
		Tiểu học Tân Long 1	Tốt	50
		NVH Ấp Thạnh An	Tốt	50
		NVH ấp Tân Hội	Tốt	50
		NVH ấp Tân Phú	Tốt	50
		Miếu Bà Chúa Xứ Tân Huê	Tốt	100

		MG ấp Tân An	Tốt	100
		Tiểu học Tân Huê 1	Tốt	500
		NVH ấp Tân An	Tốt	100
		THCS Tân Huê	Tốt	400
		UBND xã	Tốt	100
		NVH Ấp Tân Bình Hạ	Tốt	50
		NVH ấp Tân Phong	Tốt	50
		Tiểu học Tân Hòa 1	Tốt	70
		NVH ấp Tân Bình Thượng	Tốt	50
		NVH Ấp Tân Dinh	Tốt	50
		NVH Ấp Tân Thới	Tốt	50
		NVH Ấp Thượng	Tốt	50
		NVH Ấp Hạ	Tốt	50
		UBND xã	Tốt	100
		Tiểu học Tân Bình 2	Tốt	300
		NVH Ấp Tân Hội	Tốt	50
		NVH ấp Hạ	Tốt	50
		NVH ấp Tân Phú A	Tốt	50
		UBND xã	Tốt	100
		TTVHHTCĐ	Tốt	100
		UBND xã	Tốt	100
		TTVHTCĐ	Tốt	100
		UBND xã	Tốt	100
		NVH xã Tân Quới	Tốt	300
		NVH Tân Thạnh	Tốt	50
		Thánh Thất Mỹ Hòa	Tốt	100
		Chùa Thiên Kim	Tốt	500
		Tịnh thất Thiên Kim Ni	Tốt	400
		Thánh Tịnh Thanh Sơn Hỏa	Tốt	200
		Miếu Bà chúa Xứ ấp 2	Tốt	200
		Chùa Thiên An	Tốt	500
		Thánh Thất Mỹ An	Tốt	400
		Chùa Bửu An Tự	Tốt	200
		NVH ấp Mỹ Phú A	Tốt	50
		NVH ấp Mỹ Phú C	Tốt	50
		UBND xã	Tốt	200
		NVH ấp 3	Tốt	50
		NVH ấp Mỹ Thị A	Tốt	50
		NVH ấp Mỹ Thị B	Tốt	50
		TTVHHTCĐ	Tốt	100
		NVH ấp Lợi Hòa	Tốt	50
		UBND thị trấn	Tốt	100
		UBND xã	Tốt	100
		NVH khóm 2	Tốt	60
		Nhà thờ giáo xứ Mỹ An	Tốt	200
		Hội thánh tin Lành TT Mỹ An	Tốt	200
		THCS Mỹ Hòa	Tốt	500
		Tiểu học Mỹ Hòa 2	Tốt	300
		Tiểu học Mỹ Hòa	Tốt	100
		MN Mỹ Hòa	Tốt	100
		Tiểu học Mỹ Hòa 1	Tốt	200
		Tiểu học Mỹ Hòa 1	Tốt	300
		Tiểu học Mỹ An B	Tốt	200
		THCS Mỹ An	Tốt	1000

41	xã Tháp Mười	Tiểu học Mỹ An	Tốt	600
		Tiểu học Mỹ Hòa 2	Tốt	200
		MN Tháp Mười	Tốt	1000
		THCS TT Mỹ An	Tốt	1000
		Trung cấp nghề tháp Mười	Tốt	800
		TH Mỹ An 1	Tốt	1000
		MN Mỹ An	Tốt	1000
		THPT Tháp Mười	Tốt	1000
		MN Hoa Mai	Tốt	100
		tiểu học Mỹ An 2	Tốt	1000
		MG Mỹ Hòa	Tốt	100
		TH Dương Văn Hòa	Tốt	1000
		Tiểu học Mỹ Hòa 2	Tốt	200
		Miếu Bà chúa Xứ ấp 2	Tốt	200
		UBND TT Mỹ An	Tốt	300
		UBND Huyện Tháp Mười	Tốt	300
		MN Tháp Mười	Tốt	1000
		THCS TT Mỹ An	Tốt	1000
		TH Dương Văn Hòa	Tốt	1000
		BV Đa Khoa Tháp Mười	Tốt	1000
		TRung cấp nghề tháp Mười	Tốt	800
		TH Mỹ An 1- Tháp Mười	Tốt	1000
		UBND Xã Mỹ An	Tốt	200
		MN Mỹ An	Tốt	1000
		Nhà thờ giáo xứ Mỹ An	Tốt	200
		Tram Y tế thị trấn	Tốt	100
		Chùa Thiên An	Tốt	500
		Trạm Y tế Mỹ An	Tốt	200
		THPT Tháp Mười	Tốt	1000
		Hội thánh tin Lành TT Mỹ An	Tốt	200
		Thánh Thất Mỹ An	Tốt	400
		MN Hoa Mai	Tốt	100
		tiểu học Mỹ An 2	Tốt	1000
		Chùa Bửu An Tự	Tốt	200
		TTVHHTCĐ	Tốt	900
		VP Khóm 1	Tốt	60
		VP khóm 2	Tốt	60
		Miếu bà Chúa Xứ	Tốt	200
		Thánh Tịnh Cứu Linh Môn	Tốt	300
		UBND xã	Tốt	200
		UBND xã	Tốt	200
		TH&THCS Phú Điền	Tốt	1000
		MN Phú Điền	Tốt	100
		TH&THCS Phú Điền	Tốt	1000
		THCS Phú Điền	Tốt	1000
		THPT Phú Điền	Tốt	900
		Tiểu học Phú Điền	Tốt	200
		Tiểu học Phú Điền	Tốt	200
		TH&THCS Phú Điền	Tốt	1000
		Tiểu học Thanh Mỹ 2	Tốt	800
		TH Thanh Mỹ 1	Tốt	150
		TH Thanh Mỹ	Tốt	1000
		THCS Nguyễn Văn Tre	Tốt	900
		MN Thanh Mỹ 2	Tốt	1000

42	xã Thanh Mỹ	TH & THCS Thanh Mỹ	Tốt	1000
		MN Thanh Mỹ 1	Tốt	400
		MN Thanh Mỹ 2	Tốt	200
		TH Trần Thị Bích Dung	Tốt	700
		MN Thanh Mỹ	Tốt	200
		MG Phú Điền	Tốt	100
		TH Phú Điền	Tốt	800
		TH Phú Điền 2	Tốt	100
		Tiểu học Phú Điền	Tốt	600
		MG Phú Điền	Tốt	300
		Tiểu học Thanh Mỹ 2 điểm phụ	Tốt	800
		TH Thanh Mỹ 1 điểm phụ	Tốt	150
		NVH ấp Lợi Hòa	Tốt	50
		UBND Xã Thanh Mỹ	Tốt	200
		Trạm y tế Xã	Tốt	60
		TH Thanh Mỹ điểm chính	Tốt	1000
		THCS Nguyễn Văn Tre	Tốt	900
		MN Thanh Mỹ 2	Tốt	1000
		TH & THCS Thanh Mỹ điểm chính	Tốt	1000
		Thánh Tịnh Cứu Linh Môn	Tốt	300
		MN Thanh Mỹ 1 ấp Mỹ Thạnh	Tốt	400
		MN Thanh Mỹ 2 điểm Lợi Hòa	Tốt	200
		TH Trần Thị Bích Dung -TM	Tốt	700
		MN Thanh Mỹ	Tốt	200
		TTVH HTCĐ	Tốt	100
		MG Phú Điền	Tốt	100
		TH Phú Điền điểm chính	Tốt	800
		TH Phú Điền 2	Tốt	100
43	xã Mỹ Quý	Chùa Bà Năm	Tốt	200
		Tịnh thất Pháp Quang	Tốt	100
		NVH ấp Mỹ Tây2	Tốt	50
		NVH ấp Mỹ Tây 3	Tốt	50
		UBND xã	Tốt	100
		UBND xã	Tốt	200
		TTVHHTCĐ	Tốt	100
		NVH ấp Mỹ Phước 2	Tốt	50
		NVH ấp Mỹ Phước 1	Tốt	50
		TTVHHTCĐ	Tốt	100
		TTVHHTCĐ	Tốt	100
		Tiểu học Mỹ Quý 3	Tốt	300
		THCS Mỹ Quý	Tốt	300
		THPT Mỹ Quý	Tốt	400
		Tiểu học Mỹ Quý 2	Tốt	200
		Tiểu học Mỹ Quý 1	Tốt	100
		Tiểu học Mỹ Quý 3	Tốt	300
		MN Mỹ Quý 1	Tốt	100
		Tiểu học Mỹ Quý 1	Tốt	400
		Tiểu học Mỹ Quý 3	Tốt	100
		Tiểu học Mỹ Quý 4	Tốt	60
		MG Láng Biển	Tốt	50
		TH&THCS Láng Biển	Tốt	900
		MN Láng Biển	Tốt	200
		MG Láng Biển	Tốt	400
		MN Mỹ Đông	Tốt	200

		Tiểu học Mỹ Đông 1	Tốt	300
		Tiểu học Mỹ Đông 2	Tốt	100
		Tiểu học Mỹ Đông 1	Tốt	50
		Tiểu học Mỹ Đông 1	Tốt	200
		MN Mỹ Quý	Tốt	600
		THCS Mỹ Đông	Tốt	1000
		MN Mỹ Quý 2	Tốt	100
		MN Mỹ Quý	Tốt	200
		MN Mỹ Quý 2	Tốt	100
		MN Mỹ Quý 1	Tốt	100
		Tiểu học Mỹ Quý 3	Tốt	200
		Miếu bà chúa Xứ (Kênh Nhì)	Tốt	200
44	Xã Đốc Binh Kiều	Chùa Phước An	Tốt	300
		UBND xã	Tốt	100
		UBND xã	Tốt	100
		TTVHHTCĐ	Tốt	100
		Tiểu học Tân Kiều 3	Tốt	500
		Mẫu giáo Tân Kiều	Tốt	100
		Tiểu học cơ sở Tân Kiều	Tốt	800
		Tiểu học Tân Kiều 1	Tốt	800
		MN Tân Kiều	Tốt	500
		Trường tiểu học Tân Kiều 2	Tốt	200
		Tiểu học Tân Kiều ấp 1	Tốt	500
		MG Tân Kiều	Tốt	60
		TH Đốc Binh Kiều 2	Tốt	100
		MN Đốc Binh Kiều 2	Tốt	600
		TH Đốc Binh Kiều 3	Tốt	300
		TH Đốc Binh Kiều 2	Tốt	900
		TH Đốc Binh Kiều 1	Tốt	400
		THCS Đốc Binh Kiều	Tốt	1000
		MN Đốc Binh Kiều	Tốt	500
		MN Đốc Binh Kiều	Tốt	50
		THPT Đốc Binh Kiều	Tốt	1000
		TH Đốc Binh Kiều 4	Tốt	60
		TH Đốc Binh Kiều 3	Tốt	200
		TH Đốc Binh Kiều 2	Tốt	300
		TH Tân Kiều 3	Tốt	400
		Mầm Non Tân Kiều	Tốt	800
		TH Đốc Binh Kiều 3	Tốt	500
		Tiểu học Tân Kiều 3 Điểm chính	Tốt	500
		Mẫu giáo Tân Kiều điểm phụ	Tốt	100
		Miếu bà chúa Xứ (Kênh Nhì)	Tốt	200
		Tiểu học cơ sở Tân Kiều	Tốt	800
		Tiểu học Tân Kiều 1	Tốt	800
		Mầm Non Tân kiều điểm chính	Tốt	800
		UBND xã Tân Kiều	Tốt	60
		MN Tân Kiều điểm phụ ấp 1	Tốt	500
		Trường tiểu học Tân Kiều 2 ấp 1	Tốt	200
		Tiểu học Tân Kiều ấp 1	Tốt	500
		MG Tân Kiều Ấp 3	Tốt	60
		Trạm Y tế Tân Kiều	Tốt	60
		TH Đốc Binh Kiều 2 điểm phụ	Tốt	100
		TH Đốc Binh Kiều 3	Tốt	500
		MN Đốc Binh Kiều 2	Tốt	600

		TH Đốc Binh Kiều 3 điểm phụ	Tốt	300
		TH Đốc Binh Kiều 2 điểm chính	Tốt	900
		TH Đốc Binh Kiều 1	Tốt	400
		UBND xã Đốc Binh Kiều	Tốt	200
		THCS Đốc Binh Kiều	Tốt	1000
		TTVHHTCĐ	Tốt	700
		Trạm Y tế xã	Tốt	50
		MN Đốc Binh Kiều Điểm chính	Tốt	500
		MN Đốc Binh Kiều Ấp 5	Tốt	50
		THPT Đốc Binh Kiều	Tốt	1000
		Chùa Phước An	Tốt	300
		TH Đốc Binh Kiều 4	Tốt	60
		TH Đốc Binh Kiều 3	Tốt	200
		TH Đốc Binh Kiều 2	Tốt	300
45	xã Trường Xuân	Chùa Thanh Lập	Tốt	400
		Đền thờ Đốc Binh Kiều	Tốt	100
		UBND xã	Tốt	100
		NVH ấp 2	Tốt	50
		NVH ấp 4	Tốt	50
		NVH ấp 5	Tốt	50
		TTVHHTCĐ	Tốt	100
		UBND xã	Tốt	200
		NVH ấp 4	Tốt	60
		UBND xã	Tốt	100
		NVH ấp 6A	Tốt	50
		NVH ấp 5B	Tốt	50
		NVH ấp 6KH	Tốt	50
		Tiểu học Thạnh Lợi 1	Tốt	300
		MG Thạnh Lợi	Tốt	70
		Tiểu học Thạnh Lợi 2	Tốt	400
		MG Thạnh Lợi	Tốt	400
		Tiểu học Thạnh Lợi 1	Tốt	150
		Tiểu học Hưng Thạnh 1	Tốt	100
		THPT Trường Xuân	Tốt	600
		Tiểu học Trường Xuân 1	Tốt	300
		tiểu học Trường Xuân 2	Tốt	200
		MN Trường Xuân	Tốt	50
		MN Trường Xuân	Tốt	60
		THCS Trường Xuân	Tốt	400
		Tiểu học Trường Xuân 1	Tốt	200
		Trường THCS Thạnh Lợi	Tốt	300

PHỤ LỤC 5.2
TỔNG HỢP ĐỊA ĐIỂM PHỤC VỤ SƠ TÁN DÂN KHU VỰC HẠ LƯU SÔNG TIỀN
(Đính kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

TT	Xã/phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số người có thể sơ tán đến
1	Xã An Thạnh Thủy	Nhà văn hóa Xã	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 500 m2.	đảm bảo	120
		Hội trường UBND Xã	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 300 m2.	đảm bảo	80
		Chùa Linh Thạnh	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 700 m2.	đảm bảo	175
		Nhà VH liên ấp An Khương-Thạnh Kiết	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 400 m2.	đảm bảo	100
		Trường Tiểu học ATT cơ sở 1	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	200
		Trường Tiểu học ATT cơ sở 2	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	185
		Chùa Long Phan	BTCT, rộng 6500 m2	đảm bảo	53
		Nhà văn hóa liên ấp	BTCT, rộng 250 m2	đảm bảo	26
		Nhà văn hóa ấp Bình Ninh	BTCT, rộng 500 m2	đảm bảo	29
		Chùa trưởng Bình	BTCT, rộng 500 m2	đảm bảo	58
		Trường tiểu học Bình phan	BTCT, rộng 500 m2	đảm bảo	33
		Trường mầm non Bình Phan	BTCT, rộng 500 m2	đảm bảo	49
		Hội trường Xã	BTCT, rộng 500 m2	đảm bảo	33
		Trường Tiểu học Bình Phục Nhứt	BTCT, rộng 1000m2	đảm bảo	165
		Nhà Văn Hóa Xã	BTCT, rộng 400 m2	đảm bảo	80
		Trường cấp 2 Bình Phục Nhứt	BTCT, rộng 1000 m2	đảm bảo	40
2	Xã Bình Ninh	Nhà VH liên ấp BT1, BT 2	BTCT, rộng 300 m2	đảm bảo	30
		Trường THCS BN	BTCT, rộng 1200 m2	đảm bảo	116
		Trường TH BN	BTCT, rộng 1200 m2	đảm bảo	120
		Trường MN Bình Ninh	BTCT, rộng 600 m2	đảm bảo	55
		Trường mầm non Xuân Đông	800 m2, bê tông cốt thép	đảm bảo	135
		THCS Xuân Đông	900 m2, bê tông cốt thép	đảm bảo	180
		Tiểu học Xuân Đông	800 m2, bê tông cốt thép	đảm bảo	285
		Hội trường UBND Xã	200 m2, bê tông cốt thép	đảm bảo	30
		Nhà văn hóa Xã	500 m2, bê tông cốt thép	đảm bảo	102
		Mầm non Hòa Định	BTCT, rộng 1200 m2	đảm bảo	300
		Nhà Văn Hóa Liên ấp Hòa Thành - Nhơn Hòa - An Cư (132 khẩu)	BTCT, rộng 300 m2	đảm bảo	72
		UBND Xã	BTCT, rộng 500 m2	đảm bảo	110
3	Xã Tân Thuận Bình	Trung tâm văn hóa thể thao Xã	BTCT, rộng 600 m2	đảm bảo	133
		Trường THCS ĐHP	BTCT, rộng 1500 m2	đảm bảo	128
		Nhà Văn hóa Hưng Ngãi	BTCT, rộng 200 m2	đảm bảo	26
		Nhà văn hóa Xã	BTCT, rộng 600 m2	đảm bảo	78
		Trường tiểu học	BTCT, rộng 1200 m2	đảm bảo	84
		Trường THCS Quơn Long	800 m2, bê tông cốt thép	đảm bảo	285
		Trường tiểu học Quơn Long	800 m2, bê tông cốt thép	đảm bảo	62
		Nhà văn hóa liên ấp QT-QP-QN-QK	127 m2, bê tông cốt thép	đảm bảo	60
		Nhà văn hóa liên ấp LA-LHO-LHI	400 m2, bê tông cốt thép	đảm bảo	143
		Trường tiểu học Quơn Long (cơ sở 2)	400 m2, bê tông cốt thép	đảm bảo	79
		Trung tâm VH-TT Xã	618 m2, bê tông cốt thép	đảm bảo	150
		Nhà Văn Hóa Xã TTB	BTCT, rộng 600 m2	đảm bảo	100
		Hội trường UBND Xã	BTCT, rộng 400 m2	đảm bảo	128
		Trường Tiểu học TTB	BTCT, rộng 4000 m2	đảm bảo	110
		Trường Mầm Non TTB	BTCT, rộng 3500 m2	đảm bảo	252
		Nhà Văn Hóa Xã	BTCT, rộng 600 m2	đảm bảo	112
		Hội trường UBND Xã	BTCT, rộng 300 m2	đảm bảo	80

TT	Xã/phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số người có thể sơ tán đến
4	Xã Mỹ Tịnh An	Trường Mẫu giáo Hòa Tịnh	BTCT, rộng 1000 m2	đảm bảo	191
		Nhà Văn Hóa liên ấp Hòa Ninh - Hòa Bình;	BTCT, rộng 300 m2	đảm bảo	72
		Trường Tiểu Học Hòa Tịnh (ấp Hòa Bình)	BTCT, rộng 800 m2	đảm bảo	160
		Trường Tiểu học Hòa Tịnh (ấp Hòa Phú)	BTCT, rộng 600 m2	đảm bảo	120
		Nhà Văn Hóa Liên ấp	BTCT, rộng 300 m2	đảm bảo	60
		Trường Mầm Non (cũ)	BTCT, rộng 1000 m2	đảm bảo	100
		Trường Tiểu Học MTA	BTCT, rộng 1000 m2	đảm bảo	80
		Hội trường UBND Xã	BTCT, rộng 400 m2	đảm bảo	35
		Nhà Văn Hóa Xã	BTCT, rộng 500 m2	đảm bảo	125
		Trường THCS TBT	BTCT, rộng 2200 m2	đảm bảo	73
		Nhà Văn Hóa liên ấp	BTCT, rộng 300 m2	đảm bảo	58
		Trường TH TBT	BTCT, rộng 1500 m2	đảm bảo	60
		nhà VH liên ấp	200 m2, bê tông cốt thép	đảm bảo	38
		nhà VH Xã	500 m2, bê tông cốt thép	đảm bảo	50
5	Xã Chợ Gạo	Mầm non (CS3) 47 người	BTCT, rộng 300 m2	đảm bảo	48
		Liên ấp +Trụ sở ấp 34 người	BTCT, rộng 250 m2	đảm bảo	34
		TH -LBĐ 22 người	BTCT, rộng 1000 m2	đảm bảo	99
		Nhà Văn Hóa Xã	BTCT, rộng 600 m2	đảm bảo	128
		TH TTCCG	BTCT, rộng 1000 m2	đảm bảo	193
		Nhà Văn hóa TTCCG	BTCT, rộng 500 m2	đảm bảo	102
		Nhà TTVH Xã	BTCT, rộng 350 m2	đảm bảo	93
		Trường MGSB	BTCT, rộng 1000 m2	đảm bảo	55
		Nhà VH liên ấp Bình Hòa A- Bình Thuận	BTCT, rộng 150 m2	đảm bảo	29
		Hội Trường UBND Xã	BTCT, rộng 100 m2	đảm bảo	25
6	Xã Lương Hòa Lạc	Nhà văn hóa Xã	BTCT, rộng 600 m2	đảm bảo	140
		trường THCS LHL	BTCT, rộng 1000 m2	đảm bảo	180
		Trường tiểu học LP	BTCT, rộng 1000 m2	đảm bảo	192
		Chùa cao Đài	BTCT, rộng 1400 m2	đảm bảo	265
		Tiểu học Phú Kiệt	Nền gạch, vách tường, mái tole, DT 500 m2	đảm bảo	77
		Nhà văn hóa Xã	Nền gạch, vách tường, mái tole, DT 250 m2	đảm bảo	68
		NVH liên ấp Phú Lợi C	Nền gạch, vách tường, mái tole, DT 100 m2	đảm bảo	11
		Trường M. giáo	BTCT, rộng 1000 m2	đảm bảo	75
		Trường Tiểu học	BTCT, rộng 1000 m2	đảm bảo	81
		Trường THCS	BTCT, rộng 1500 m2	đảm bảo	87
7	Xã Vĩnh Bình	Trường THCS Nguyễn Văn Thiều	Quy mô 30 phòng, kiên cố, diện tích 1500 m2	Tốt	400
		Trường Mầm non măng non	Quy mô 15 phòng, kiên cố, diện tích 1000 m2	Tốt	300
		Trường THPT Nguyễn Văn Thịn	Quy mô 30 phòng, kiên cố, diện tích 2500 m2	Tốt	400
		Trường TH Nguyễn Hữu Trí	Quy mô 30 phòng, kiên cố, diện tích 1500 m2	Tốt	300
		Trường THCS Nguyễn Đắc Thắng	Quy mô 30 phòng, kiên cố, diện tích 1500 m2	Tốt	400
		Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tươi	Quy mô 50 phòng, kiên cố, diện tích 2350 m2	Tốt	250
		Trường Măng non Thanh Nhựt	Quy mô 20 phòng, kiên cố, diện tích 980 m2	Tốt	150
		Trường TH Phan Thế Đồng	Quy mô 38 phòng, kiên cố, diện tích 1700 m2	Tốt	120

TT	Xã/phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số người có thể sơ tán đến
		Trường THCS Nguyễn Thanh Sơn	Quy mô 23 phòng, kiên cố, diện tích 1035 m2	Tốt	120
		Trường MN Thanh Trị	Quy mô 17 phòng, kiên cố, diện tích 760 m2	Tốt	60
		Nhà văn hóa xã	Kiên cố, diện tích 250 m2	Tốt	60
8	Xã Đồng Sơn	Trường Tiểu học Huỳnh Văn Mảnh	Quy mô 28 phòng, kiên cố, diện tích 1.134 m2	Tốt	300
		Trường Mầm non Bình Nhì	Quy mô 23 phòng, kiên cố, diện tích 1.035m2	Tốt	300
		Trạm y tế xã	Quy mô 14 phòng, kiên cố, diện tích 759 m2	Tốt	300
		Nhà văn hóa xã	Kiên cố, diện tích 550m2	Tốt	300
		Trung tâm dạy nghề	Quy mô 25 phòng, kiên cố, diện tích 1.125 m2	Tốt	500
		Trường tiểu học Huỳnh Văn Mảnh (cơ sở 2)	Quy mô 23 phòng, kiên cố, diện tích 924m2	Tốt	300
		Chùa Hai Nóc	Xây đúc kiên cố	Tốt	200
		Chùa Long Thạnh	Xây đúc kiên cố	Tốt	200
		Chùa An Dương	Xây đúc kiên cố	Tốt	200
		Trụ sở ấp	Nhà xây đúc kiên cố	Tốt	250
		Trường Tiểu học Trần Văn Thiện	Nhà xây đúc kiên cố	Tốt	300
		Trường THCS Võ Đẳng Được	Nhà xây đúc kiên cố	Tốt	300
		Trường Mẫu giáo Đồng Thạnh	Nhà xây đúc kiên cố	Tốt	300
		Nhà văn hóa xã	Nhà xây đúc kiên cố	Tốt	300
		Nhà Văn Hóa xã	Quy mô 4phòng, bê tông cốt thép	Tốt	300
		Trường Huỳnh Văn Phên	Quy mô 20 phòng, bê tông cốt thép	Tốt	300
		Thánh Thất Đồng Sơn	Quy mô 20 phòng, bê tông cốt thép	Tốt	300
		Trường Lê Minh Hương	Quy mô 30 phòng, bê tông cốt thép	Tốt	200
		Nhà Văn Hóa Ấp Ninh Đồng	Quy mô 1 phòng, + 3 phòng mẫu giáo bê tông cốt thép	Tốt	200
9	Xã Phú Thành	Trường tiểu học Đỗ Văn Châu	Quy mô 19 phòng, kiên cố, diện tích 920 m2	Tốt	200
		Trường Mầm non Bình Phú	Quy mô 11 phòng, kiên cố, diện tích 520 m2	Tốt	100
		Nhà văn hóa xã	Kiên cố, diện tích 650 m2	Tốt	150
		Nhà văn hóa ấp	Kiên cố, diện tích 220 m2	Tốt	50
		Trường THCS, THPT Đoàn Trần Nghiệp	Quy mô 35 phòng, kiên cố, diện tích 1800 m2	Tốt	200
		Trường TH Hồ Biểu Chánh	Quy mô 25 phòng, kiên cố, diện tích 995,2 m2	Tốt	80
		Trường Mẫu Giáo Thành Công	Quy mô 10 phòng, kiên cố, diện tích 962 m2	Tốt	100
		Trụ sở ấp + Nhà văn hóa xã, ấp	Rộng 600 m2, bê tông xi măng	Tốt	345
		Trụ sở ấp	Rộng 200 m2, bê tông xi măng	Tốt	141
		Trụ sở ấp	Rộng 200 m2, bê tông xi măng	Tốt	107
		Nhà văn hóa ấp	Rộng 400 m2, bê tông xi măng	Tốt	250
		Nhà Văn Hóa xã Long Vĩnh	Kiên cố, diện tích 424 m2	Tốt	100
		Trường mầm non Long Vĩnh	Quy mô 11 phòng, kiên cố, diện tích 4.365,4 m2	Tốt	150
		Trường TH Nguyễn Văn Quyền	Quy mô 50 phòng, kiên cố, diện tích 8.752,1 m2 (2 cơ sở)	Tốt	500
		Trụ sở ấp Thới An A	Kiên cố, diện tích 664m2	Tốt	140
		Trụ sở ấp Thới An B	Kiên cố, diện tích 100,3m2	Tốt	30
		Trụ sở ấp Vĩnh Quới	Kiên cố, diện tích 448,3m2	Tốt	100
		Trụ sở ấp Phú Quới	Kiên cố, diện tích 347m2	Tốt	70

TT	Xã/phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số người có thể sơ tán đến
10	Xã Vinh Hựu	Trụ sở ấp Hưng Hòa	Kiên cố, diện tích 328,8m2	Tốt	70
		Trạm y tế xã Long Vĩnh	Kiên cố, diện tích 2.067m2	Tốt	400
		Trường Tiểu học Nguyễn Thị Tốt	Quy mô 23 phòng, kiên cố, diện tích 1150 m2	Tốt	300
		Trụ sở ấp Hòa Bình	Kiên cố, diện tích 100 m2	Tốt	30
		Trụ sở ấp An Ninh	Kiên cố, diện tích 100 m2	Tốt	30
		Trụ sở ấp Thạnh Thới	Kiên cố, diện tích 100 m2	Tốt	30
		Nhà văn hóa xã	Kiên cố, diện tích 550 m2	Tốt	250
		Chùa Kim Long	Kiên cố, diện tích 500 m2	Tốt	120
		Chùa Bửu Huệ	Kiên cố, diện tích 1000 m2	Tốt	290
11	Xã Long Bình	Trường Tiểu học Lê Thành Tăng	Quy mô 15 phòng, kiên cố, diện tích 750 m2	Tốt	200
		Trường MG Long Bình	Quy mô 12 phòng, kiên cố, diện tích 600 .m2	Tốt	200
		Trường Tiểu học Nguyễn Văn Nhiều	Quy mô 15 phòng, kiên cố, diện tích 750 m2	Tốt	200
		Trường THCS, PT Long Bình	Quy mô 30 phòng, kiên cố, diện tích 1500 m2	Tốt	400
		Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trừ	Quy mô 31 phòng, kiên cố, diện tích 1550 m2	Tốt	620
		Trường THCS Huỳnh Xuân Việt, nhà đa năng trường	Quy mô 15 phòng và nhà đa năng, kiên cố, diện tích 1050 m2	Tốt	467
		Nhà Văn Hoá Xã	Kiên cố, diện tích 344 m2	Tốt	200
		Nhà văn hoá ấp Hoà Thạnh	Kiên cố, diện tích 117 m2	Tốt	50
		Nhà văn hoá ấp Lợi An	Kiên cố, diện tích 186 m2	Tốt	100
12	Phường Gò Công	Trung tâm Văn hóa - Thể thao Phường 1	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 200 m ²	Tốt	100
		Trường Tiểu học Phường 1	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 1,500 m ² ; 28 phòng.	Tốt	300
		Trường Trung học cơ sở Phường 1	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 500 m ² ; 16 phòng	Tốt	100
		Chùa Thiên Liên	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 800 m ²	Tốt	300
		Chùa An Sơn	Nhà xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 700 m ²	Tốt	200
		Các nhà dân kiên cố, các nhà nghỉ	Nhà xây đúc kiên cố	Tốt	700
		Trung tâm Văn hóa - Thể thao Phường 1 (Phường 4 cũ)	Nhà xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 200 m ²	Tốt	150
		Trường Tiểu học Phường 4	Xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 1.800 m ²	Tốt	500
		Trường Trung cấp Gò Công	Nhà xây đúc kiên cố, 3 dãy, 01 lầu, diện tích khoảng 2.000 m ²	Đảm bảo sơ tán an toàn	500
		Trung tâm Văn hóa - Thể thao Phường 5	Nhà xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 450 m ²	Đảm bảo sơ tán an toàn	200
		Chùa Huệ Quang	Nhà xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 800 m ²	Đảm bảo sơ tán an toàn	400
		Trường THCS Phường 5	Nhà xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 1.500 m ²	Đảm bảo sơ tán an toàn	600
		Chùa Bửu Minh	Nhà xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 400 m ²	Đảm bảo sơ tán an toàn	200

TT	Xã/phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số người có thể sơ tán đến
		Chùa Bửu Thanh	Nhà xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 400 m ²	Đảm bảo sơ tán an toàn	200
		Trường Trung học Phổ thông Gò Công	Nhà xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 2,800 m ²	Đảm bảo sơ tán an toàn	500
		Các nhà dân kiên cố, các nhà nghỉ	Nhà xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	825
		Trung tâm Văn hóa - Thể thao Phường Long Hòa	Nhà xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 200 m ²	Tốt	100
		Trường Tiểu học Long Hoà	Nhà xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 2.000 m ²	Đảm bảo sơ tán an toàn	800
		Nhà Văn hóa Liên ấp (2 nhà)	Nhà xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 200 m ²	Tốt	10
		Các nhà dân kiên cố, các nhà nghỉ	Nhà xây đúc kiên cố	Tốt	300
13	Phường Long Thuận	Trung tâm Văn hóa - Thể thao Phường 2	Nhà xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 250 m ²	Tốt	100
		Nhà đa năng và khu thi đấu (sân) cầu lông của Trung tâm Tổ chức sự kiện thành phố	Nhà xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 3.500 m ²	Đảm bảo sơ tán an toàn	1.000
		Trường Tiểu học Phường 2	Nhà xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 1.000 m ² ; 17 phòng	Tốt	300
		Trường THCS Phường 2	Nhà xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 1.500 m ² ; 21 phòng và nhà đa năng	Tốt	1.200
		Trường THPT Trương Định và Nhà thi đấu đa môn	Xây đúc kiên cố, tổng diện tích khoảng 3600 m ²	Tốt	800
		Hội Quán Hưng Thành Tự	Nhà xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 900 m ²	Tốt	200
		Tịnh xá Ngọc Hiệp	Nhà xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 800 m ²	Tốt	200
		Các nhà dân kiên cố, các nhà nghỉ	Nhà xây đúc kiên cố	Tốt	893
		Trung tâm Văn hóa - Thể thao Phường 3	Nhà xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 200 m ²	Tốt	100
		Trường THCS Phường 3	Xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 2600 m ²	Tốt	600
		Long Đức Quy Châu	Nhà xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 700 m ²	Tốt	200
		Chùa Dư Khánh	Nhà xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 600 m ²	Tốt	200
		Trung tâm Văn hóa - Thể thao Phường Long Thuận	Nhà xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 200 m ²	Tốt	100
		Nhà Văn hóa Liên Khu phố (2 nhà)	Nhà xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 200 m ²	Tốt	20
		Trường Tiểu học Long Thuận	Xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 1.500 m ² ; 20 phòng	Tốt	400
		Tịnh xá Ngọc Quang	Nhà xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 1.000 m ²	Tốt	400
		Chùa Thanh trước	Nhà xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 400 m ²	Đảm bảo sơ tán an toàn	100
		Các nhà dân kiên cố, các nhà nghỉ	Nhà xây đúc kiên cố		500
		Trung tâm Văn hóa - Thể thao Phường Long Chánh	Xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 500 m ²	Tốt	150
		Trường Tiểu học Long Chánh	Xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 1500 m ²	Tốt	500

TT	Xã/phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số người có thể sơ tán đến
14	Phường Bình Xuân	Trường THCS Long Chánh (cũ)	Nhà xây đúc kiên cố, diện tích 700 m ²	Đảm bảo sơ tán an toàn	250
		Nhà Văn hóa Liên khu phố (2 nhà)	Xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 200 m ²	Tốt	40
		Chùa Tân Bửu	Xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 300 m ²	Tốt	200
		Tự sơ tán đến các nhà dân kiên cố	Xây đúc kiên cố	Tốt	600
		Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Bình Xuân	Xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 400 m ²	Tốt	200
		Trường Tiểu học Bình Xuân 1	Xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 1.500 m ²	Tốt	500
		Trường Tiểu học Bình Xuân 2	Xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 700 m ²	Tốt	200
		Trường Trung học Cơ sở Bình Xuân	Xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 2000 m ²	Tốt	500
		Nhà Văn hóa Liên ấp (3 nhà)	Xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 300 m ²	Tốt	60
		Các nhà dân kiên cố, các nhà nghỉ	Xây đúc kiên cố	Tốt	500
15	Phường Sơn Qui	Hội trường phường Sơn Qui	Xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 300 m ²	Tốt	100
		Trường Tiểu học Long Hưng	Xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 1.000 m ²	Tốt	450
		Nhà Văn hóa Liên Khu phố (2 nhà)	Xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 200 m ²	Tốt	20
		Các nhà dân kiên cố, các nhà nghỉ	Xây đúc kiên cố	Tốt	800
		Trung tâm Văn hóa - Thể thao Xã Tân Trung	Xây đúc kiên cố, diện tích 300 m ²	Tốt	100
		Trường Tiểu học Tân Trung	Xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 1500 m ²	Tốt	400
		Trường Trung học Cơ sở Tân Trung	Xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 2000 m ²	Tốt	700
		Nhà Văn hóa Liên ấp (2 nhà)	Xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 200 m ²	Tốt	40
		Chùa Long Đức	Xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 600 m ²	Tốt	300
		Các nhà dân kiên cố, các nhà nghỉ	Xây đúc kiên cố	Tốt	500
		Trung tâm Văn hóa - Thể thao Xã Bình Đông	Xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 400 m ²	Tốt	200
		Trường Tiểu học Bình Đông	Xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 1500 m ²	Tốt	500
		Trường Trung học Cơ sở Bình Đông	Xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 1500 m ²	Tốt	500
		Nhà Văn hóa Liên ấp (2 nhà)	Xây đúc kiên cố, diện tích khoảng 200 m ²	Tốt	40
		Các nhà dân kiên cố, các nhà nghỉ	Xây đúc kiên cố	Tốt	440
		Trường THCS Đoàn Hồng Phước	Trường xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	250
		Trường Tiểu học Vàm Láng (điểm khu phố 1)	Trường xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	200
		Trường Tiểu học Vàm Láng (điểm khu phố 2)	Trường xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	250
		Chùa Phước Hòa	Xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	150
		Thánh Thất Vĩnh Minh Quang	Xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	150

TT	Xã/phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số người có thể sơ tán đến
16	Xã Gia Thuận	Trung tâm VH-TT	Nhà xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	100
		180 nhà dân kiên cố dọc ĐT871 và khu vực trung tâm thị trấn	Nhà xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	1.425
		Trung tâm VH-TT Xã	Nhà xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	200
		Trường TH Kiêng Phước (điểm áp Chợ)	Trường xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	400
		Trường TH Kiêng Phước (điểm áp Xóm Đình)	Trường xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	400
		Chùa Hưng Kiêng	Xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	150
		Chùa Phước Quang	Xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	200
		435 nhà dân kiên cố dọc ĐT871, ĐH02, ĐH07	Nhà xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	3.480
		Trung tâm VH-TT Xã	Nhà xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	200
		Trường Tiểu học Gia Thuận	Trường xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	300
		Trường THCS Gia Thuận	Trường xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	300
		75 nhà dân kiên cố dọc ĐH06, ĐH02	Nhà xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	600
17	Xã Tân Hòa	Trung tâm VH-TT Xã	Nhà xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	200
		Trường TH Phước Trung (Điểm áp Tân Xuân)	Trường xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	250
		Trường TH Phước Trung (Điểm áp Thanh Nhung 2)	Trường xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	300
		Chùa Phước Khánh	Xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	100
		40 nhà dân kiên cố khu vực trung tâm Xã	Nhà xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	317
		Trung tâm VH-TT Xã	Nhà xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	200
		Trường THCS Nguyễn Trọng Dân	Trường xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	400
		Trường Tiểu học Bình Nghi (ấp Hòa Bình)	Trường xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	300
		Trường Tiểu học Bình Nghi (ấp Vạn Thành)	Trường xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	300
		Chùa Long Thiện	Xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	150
		Chùa Phước Bửu	Xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	150
		Chùa Phổ Môn	Xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	150
		Chùa Bửu Long	Xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	150
		50 nhà dân kiên cố dọc ĐT 862, ĐH05	Nhà xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	420
		Trung tâm VH-TT huyện cũ	Nhà xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	600
		Cơ quan Quân sự huyện cũ	Nhà xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	500
		Trường THPT Nguyễn Văn Côn	Nhà xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	1.100

TT	Xã/phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số người có thể sơ tán đến
		Hội trường UBND huyện cũ	Nhà xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	300
		Trung tâm Chính trị huyện cũ	Nhà xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	300
		Nhà làm việc Chi cục thuế cũ	Nhà xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	300
		Trường TH Tân Hòa	Trường xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	600
		Đông Nam Phật Đường	Xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	200
		Hưng Đức Tự	Xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	200
		50 nhà dân kiên cố khu vực trung tâm thị trấn	Nhà xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	300
18	Xã Gò Công Đông	Trung tâm VH-TT Xã	Nhà xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	200
		Trường THCS Võ Văn Dánh	Trường xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	300
		Trường TH Võ Thị Lớ	Trường xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	300
		25 nhà dân kiên cố khu vực trung tâm Xã	Nhà xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	200
		Đồn Biên Phòng Tân Thành	Nhà xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	300
		Trung tâm VH-TT Xã	Nhà xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	200
		Trường THCS Võ Duy Linh	Trường xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	400
		Trường TH Tân Thành (điểm ấp Cầu Muống)	Trường xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	400
		Trường TH Tân Thành (điểm ấp Chợ)	Trường xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	300
		335 nhà dân kiên cố dọc ĐT862, ĐH07	Nhà xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	2.835
19	Xã Tân Điền	Trường Tiểu học Tân Điền	Trường xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	500
		Trường THCS Võ Văn Kiệt	Trường xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	400
		Trung tâm VH-TT Xã	Nhà xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	200
		Chùa Phước Trường	Xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	100
		185 nhà dân kiên cố dọc ĐH07 và khu vực trung tâm Xã	Nhà xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	1.490
		Trung tâm VH-TT Xã	Nhà xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	200
		Trường Tiểu học Nguyễn Thị Tư (ấp Chợ Bến)	Trường xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	350
		Trường Tiểu học Nguyễn Thị Tư (ấp Kinh Trên)	Trường xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	200
		Trường THCS Bình Ân	Trường xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	300
		40 nhà dân kiên cố khu vực trung tâm Xã	Nhà xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	300
		Trung tâm VH-TT Xã	Nhà xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	300
		Trường THCS Phùng Thanh Vân	Trường xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	500

TT	Xã/phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số người có thể sơ tán đến
20	Xã Tân Đông	Trường tiểu học Tân Phước (điểm áp 5)	Trường xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	600
		Trường tiểu học Tân Phước (điểm áp 2)	Trường xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	400
		Nhà thờ Tân Phước	Xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	300
		206 nhà dân kiên cố dọc ĐT871B, ĐT873B, ĐH01 và khu vực trung tâm Xã	Nhà xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	1.650
		Trung tâm VH-TT Xã	Nhà xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	300
		Trường THCS Lê Quốc Việt	Trường xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	330
		Trường Tiểu học Tân Đông (ấp Bờ Kinh)	Trường xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	200
		Trường Tiểu học Tân Đông (ấp Gò Lức)	Trường xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	200
		Trường THPT Gò Công Đông	Trường xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	1.000
		Chùa Tân Long	Xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	250
		Thánh Thất Tân Đông	Xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	200
		80 nhà dân kiên cố dọc ĐT 871	Nhà xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	600
		Trung tâm VH-TT Xã	Nhà xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	200
		Trường THCS Võ Văn Chinh	Trường xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	300
		Trường Tiểu học Tân Tây 1	Trường xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	200
		Trường Tiểu học Tân Tây 2	Trường xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	200
		Chùa Liên Hoa	Xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	100
		Tịnh xá Ngọc Lợi	Xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	100
		Chùa Linh Châu	Xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	100
		160 nhà dân kiên cố khu vực trung tâm Xã	Nhà xây đúc kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn	1.200
		Trường Tiểu học Tân Thới điểm áp Tân Phú ; Trường Tiểu học Tân Thới điểm áp Tân Quý ; Chùa Linh Bửu; Thánh thất cao đài Thanh Huệ Long; Trung tâm Văn hóa thể thao xã ; Nhà văn hóa liên ấp Tân Bình - Tân Hiệp; Trường tiểu học Tân Thới điểm áp Tân Hiệp ; Trường THCS-THPT Tân Thới; Trường mầm non Tân Thới ; Nhà thờ Rạch Cầu	Xây đúc kiên cố	Đảm bảo	5.575

TT	Xã/phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số người có thể sơ tán đến
21	Xã Tân Thới	Trường Tiểu học Tân Phú điểm Tân Xuân; Nhà thờ tin lành Tân Phú; Thắt Cao Đài Tân Phú; nhà văn hóa liên ấp Tân Xuân - Tân Thạnh ; Trụ sở UBND xã ; Trường Mầm non Tân Phú; Nhà văn hóa xã Tân Phú; Trường Tiểu học Tân Phú điểm Tân Thạnh	Xây đúc kiên cố	Đảm bảo	2.429
		Nhà văn hóa liên ấp Tân Hòa - Tân Lập ; Trường tiểu học điểm Tân Hòa ; Trụ sở ấp Tân Hòa ; Nhà văn hóa xã ; Trụ sở ấp Tân Lập; Trường mầm non Tân Thạnh ; Trường tiểu học Tân Thạnh; Trụ sở UBND xã ; Nhà văn hóa liên ấp Tân Bình; Trụ sở ấp Tân Bình ; Trường tiểu học điểm Tân Đông	Xây đúc kiên cố	Đảm bảo	1.156
22	Xã Tân Phú Đông	Trường mầm non xã Phú Thạnh ; Trường học cấp 2-3 Phú Thạnh ; Trường tiểu học Phú Thạnh điểm Tân Phú ; Trung tâm hội nghị và nhà ăn huyện cũ ; Trường Tiểu học Phú Thạnh điểm Bà Lắm ; Trụ sở UBND Trường THCS Tân Đông	Xây đúc kiên cố	Đảm bảo	8.110
		Trường tiểu học điểm Bà Tiên 1 . Nhà nguyện Phaolo . Trụ sở UBND xã . Trường tiểu học Phú Đông. Trường Mầm non Phú Đông. Nhà văn hóa xã . Nhà văn hóa Gành. Nhà văn hóa ấp Lý Quàn 1 - Lý Quàn 2	Xây đúc kiên cố	Đảm bảo	4.300
		Viện kiểm sát; Chi cục Thuế; Tòa án huyện cũ ; Trung tâm dịch vụ nông nghiệp; Trung tâm giáo dục thường xuyên; Trường THPT Tân Phú Đông ; Ban chỉ huy Quân sự huyện cũ; Trung tâm hội nghị và nhà ăn huyện cũ	Xây đúc kiên cố	Đảm bảo	2.371
23	Phường Mỹ Tho	Trường THCS Lê Ngọc Hân	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 8000 m2	Tốt	300
		Trường THCS Xuân Diệu	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 9000 m2	Tốt	300
		Trường TH Thủ Khoa Huân	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 7000 m2	Tốt	200
		Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 11000 m2	Tốt	500
		Nhà văn hóa phường	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 300 m2	Tốt	50
		Trường TH Nguyễn Trãi	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 10.000 m2	Tốt	400
		Nhà văn hóa phường	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 400 m2	Tốt	100
		Trường TH Hồ Văn Nhánh	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 7000 m2	Tốt	200
		Trụ sở UBND P2 (cũ)	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 300 m2	Tốt	50

TT	Xã/phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số người có thể sơ tán đến
		Trường THCS Trịnh Hoài Đức	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 8000 m2	Tốt	300
		Nhà văn hóa phường	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 500 m2	Tốt	150
		Trường TH Hoàng Hoa Thám	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 7000 m2	Tốt	200
		Chùa Bửu Lâm	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 7000 m2	Tốt	200
		Nhà văn hóa phường	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 500 m2	Tốt	150
		Trường TH Tân Long	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 1000 m2	Tốt	200
		Nhà văn hóa phường	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 500 m2	Tốt	150
		Trường TH Đinh Bộ Lĩnh	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 7000 m2	Tốt	200
24	Phường Đạo Thạnh	Nhà văn hóa phường	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 500 m2	Tốt	150
		Trường TH Lê Quý Đôn	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 7000 m2	Tốt	200
		Nhà văn hóa phường	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 500 m2	Tốt	150
		Trường TH Thiên Hộ Dương	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 7000 m2	Tốt	200
		Trường PT Trần Hưng Đạo	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 7000 m2	Tốt	200
		Nhà văn hóa Xã	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 500 m2	Tốt	150
		Nhà Văn hóa ấp	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 100 m2	Tốt	10
		Chùa Long Nguyên	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 1000 m2	Tốt	200
		Trường TH Đạo Thạnh	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 1000 m2	Tốt	200
		Trường THCS Lê Ngọc Hân (cơ sở 2)	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 4000 m2	Tốt	300
25	Phường Thới Sơn	Trường TH Kim Đồng	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 7000 m2	Tốt	200
		Trường TH Nguyễn Huệ	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 7000 m2	Tốt	200
		Trường THCS Nam Định	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 5000 m2	Tốt	150
		Nhà văn hóa Xã	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 500 m2	Tốt	150
		Trường TH Thới Sơn	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 1000 m2	Tốt	200
		Trường THCS Thới Sơn	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 1000 m2	Tốt	200
26	Phường Mỹ Phong	Nhà văn hóa phường	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 500 m2	Tốt	150
		Trường TH Âu Dương Lân	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 6000 m2	Tốt	200
		Nhà văn hóa Xã	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 500 m2	Tốt	150
		Trường Cao đẳng nông nghiệp Nam Bộ	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 10.000 m2	Tốt	500
		Nhà văn hóa Xã	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 500 m2	Tốt	150

TT	Xã/phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số người có thể sơ tán đến
		Trường TH Thanh Trì	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 1000 m2	Tốt	200
		Chùa Tịnh Nghiêm	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 500 m2	Tốt	150
27	Phường Trung An	Trung tâm Văn hoá phường Trung An	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 300 m2	Tốt	50
		Trung tâm Văn hoá phường Trung An 2	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 300 m2	Tốt	50
		Nhà văn hóa các khu phố (20 khu phố)	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 2.000 m2	Tốt	600
		Trường THCS Trung An	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 1.000 m2	Tốt	200
		Trường THCS Bình Đức	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 1.000 m2	Tốt	200
		Trường THCS Bảo Định	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 1000 m2	Tốt	200
		Trường Tiểu học Trung An (cơ sở 1)	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 1000 m2	Tốt	200
		Trường Tiểu học Trung An (cơ sở 2)	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 1000 m2	Tốt	200
		Trường Tiểu học Thái Sanh Hạnh	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 1000 m2	Tốt	200
		Trường Tiểu học Phước Thạnh (cơ sở 1)	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 500 m2	Tốt	100
		Trường Mầm non Vàng Anh	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 300 m2	Tốt	80
		Trường Mầm non Sen Hồng	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 300 m2	Tốt	50
		Trường Mầm non Bình Minh	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 300 m2	Tốt	50
		Trường Mầm non Phước Thạnh (cơ sở 2)	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 100 m2	Tốt	20
		Trường Tiểu học Phước Thạnh (cơ sở 2)	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 1.000 m2	Tốt	200
		Trường Mầm Non Phước Thạnh (cơ sở 1)	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 1.000 m2	Tốt	200
		Trường THCS Phú Thạnh	Nhà xây đúc, kiên cố, diện tích khoảng 1.000 m2	Tốt	200
28	Xã An Hữu	Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	Đảm bảo	387
		Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	Đảm bảo	449
		Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	Đảm bảo	286
29	Xã Thanh Hưng	Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	Đảm bảo	400
		Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	Đảm bảo	323
		Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	Đảm bảo	272
30	Xã Mỹ Lợi	Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	Đảm bảo	257
		Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	Đảm bảo	284

TT	Xã/phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số người có thể sơ tán đến
		Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	Đảm bảo	183
31	Xã Mỹ Đức Tây	Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	Đảm bảo	365
		Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	Đảm bảo	270
		Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	Đảm bảo	245
32	Xã Mỹ Thiện	Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	Đảm bảo	223
		Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	Đảm bảo	217
		Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	Đảm bảo	139
33	Xã Cái Bè	Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	Đảm bảo	488
		Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	Đảm bảo	369
		Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	Đảm bảo	435
34	Xã Hội Cư	Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	Đảm bảo	340
		Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	Đảm bảo	186
		Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	Đảm bảo	356
		Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	Đảm bảo	215
35	Xã Hậu Mỹ	Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	Đảm bảo	257
		Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	Đảm bảo	349
		Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	Đảm bảo	231
		Nhà ông Nguyễn Thành Phụng	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 200 m2.	đảm bảo	10
		Nhà ông Nguyễn Hoàng Châu	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 200 m2.	đảm bảo	20
		Nhà ông Lưu Thế Hiển	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 200 m2.	đảm bảo	30
		Nhà ông Nguyễn Thanh Thảo	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 200 m2.	đảm bảo	10
		Nhà ông Đoàn Văn Cẩn	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 200 m2.	đảm bảo	45
		Nhà Văn Hóa Xã	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 500 m2.	đảm bảo	590

TT	Xã/phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số người có thể sơ tán đến
36	Xã Mỹ Thành	Nhà văn hóa liên ấp	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	589
		Trường THCS Mỹ Thành Nam, ấp 6, ấp 11, ấp 5	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	330
		Trường Tiểu Học Mỹ Thành Nam, ấp 7, ấp 10, ấp 9A	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	300
		Trường Mầm Non Mỹ Thành Nam, ấp 10, ấp 7	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	394
		Chùa Phước Lâm	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	870
		Nhà văn hóa liên ấp Phú Bình, Phú Thuận	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	1.000
		Nhà văn hóa liên ấp Chà Là, Phú Hòa	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	890
		Nhà Văn Hóa Xã	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	900
		Trường tiểu học Phú Nhuận, ấp Phú Hòa	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	1.200
37	Xã Thạnh Phú	Trụ Sở ấp 1	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 10 m2.	đảm bảo	500
		Trụ Sở ấp 2	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 100 m2.	đảm bảo	500
		Trụ Sở ấp 3	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 100 m2.	đảm bảo	500
		Trụ Sở ấp 4	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 100 m2.	đảm bảo	500
		Trụ Sở ấp 5	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 100 m2.	đảm bảo	500
		Trụ Sở ấp 6	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 100 m2.	đảm bảo	500
		Trường TH CS Thạnh Lộc, ấp 2	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	500
		Trường TH Thạnh Lộc, ấp 2, ấp 4	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	868
		Trường mầm non Thạnh Lộc, ấp 2	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	500
		Nhà Văn hóa Xã	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	500
		Trường tiểu học Phú Cường, ấp 5A, ấp 3	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	1.200
		Trường THCS Phú Cường, ấp 4	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	2.200
		Nhà Văn hóa Xã	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	780
		Nhà Văn hóa ấp	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	700
38	Xã Bình Phú	Trường Phan Việt Thống, ấp Bình Ninh	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	145
		Nhà Văn hóa Xã	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	250
		Nhà Văn hóa ấp 6	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	250
		Nhà Hóa ấp 4	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	500
		Trường Nguyễn Tuấn Việt, ấp 2	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	500
		Nhà Văn hóa Xã	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	250

TT	Xã/phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số người có thể sơ tán đến
		Trường tiểu học Cẩm Sơn, ấp 2	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	352
		Trường Trung học sơ sở Trần Minh Châu, ấp 4	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	322
		Trường tiểu học ấp 3	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	100
39	Xã Hiệp Đức	Nhà Văn hóa Xã	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	150
		Trường trung học cơ sở Hiệp Đức, ấp Hiệp Nhơn	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	289
		Trường tiểu học Hiệp Đức, ấp Hiệp Phú, Hiệp Thạnh	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	186
		Trường Tiểu học Hội Xuân(, ấp Xuân Quang, Hội Nghĩa, Hội Tín, Xuân Kiểng)	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	1.000
		Trường THCS Tân Phong, ấp Tân Bường	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	320
		Trường tiểu học Tân Phong, ấp tân Bường A, Tân Luông A, Tân Thiện, Tân Thái, Tân An	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	700
		Trường Mầm Non Tân Phong, ấp Tân Bường A, Tân Thiện, Tân Thái	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	370
		Nhà Văn hóa Xã	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	150
		Cụm Văn hóa ấp Tân Thiện	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	140
40	Xã Long Tiên	Trường TH Long Trung , ấp 17, ấp 12	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	420
		Cụm Văn Hóa ấp 14	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	430
		Trường Mầm Non Long Trung, ấp 1, ấp 12	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	400
		Nhà Văn hóa ấp Mỹ Chánh, Mỹ Lợi, Mỹ Thạnh	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	450
		Nhà Văn Hóa ấp Mỹ Phú	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	142
		Trường tiểu học Mỹ Long, ấp Mỹ Hội, Mỹ Chánh, Mỹ Lợi	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	358
		Trường THCS Mỹ Long, ấp Mỹ hội	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	400
		Trường THCS Phan Văn Cẩm	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	300
		Trường tiểu học Nguyễn Chí Liêm	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	325
		Trường THCS Tam Bình, ấp Bình Thuận	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	400
		Trườn Tiểu Học Tam Bình (điểm chính), ấp Tây Hòa	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	300
		Trường Mầm Non Tam Bình, ấp Bình Chánh Đông, Tây Hòa	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	340
		Nhà Văn Hóa Trung Tâm Xã	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	340
		Nhà Văn Hóa ấp Đông Hòa	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	120
		Nhà Văn Hóa	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	130

TT	Xã/phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số người có thể sơ tán đến
41	Xã Ngũ Hiệp	Trường THCS Ngũ Hiệp, ấp Hòa Hảo	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	150
		Trường Tiểu học Ngũ Hiệp, ấp Hòa Thịnh, Hòa Hảo	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	200
		Trụ Sở ấp Hòa Thịnh	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	150
		Trụ Sở ấp Tân Đông	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	170
		Trụ Sở ấp Tân An	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	100
		Trụ Sở ấp Hòa Hảo	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	100
		Trụ Sở ấp Long Quới	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	100
		Trụ Sở ấp Thủy Tây	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	100
		Trụ Sở ấp Tân Sơn	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	100
		Trụ Sở ấp Hòa An	Nền gạch, tường bê tông, mái tôn rộng 800 m2.	đảm bảo	100
42	Phường Mỹ Phước Tây	Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	Đảm bảo	150
		Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	Đảm bảo	200
		Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	Đảm bảo	1.500
		Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	Đảm bảo	1.500
43	Phường Thanh Hòa	Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	Đảm bảo	1.000
		Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	Đảm bảo	1.000
		Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	Đảm bảo	250
44	Phường Cai Lậy	Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	Đảm bảo	650
		Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	Đảm bảo	1.500
		Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	Đảm bảo	100
45	Phường Nhị Quý	Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	Đảm bảo	500
		Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	Đảm bảo	1.000
		Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	Đảm bảo	500
		Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	Đảm bảo	1.200

TT	Xã/phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số người có thể sơ tán đến
46	Xã Tân Phú	Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	Đảm bảo	125
		Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	Đảm bảo	100
47	Xã Tân Phước 1	Trường học, Trạm Y tế, Hội trường UB, nhà dân kiên cố	Xây đúc kiên cố	Đảm bảo	739
		Trường học, Trạm Y tế, Hội trường UB, nhà dân kiên cố	Xây đúc kiên cố	Đảm bảo	1.080
		Trường học, Trạm Y tế, Hội trường UB, nhà dân kiên cố	Xây đúc kiên cố	Đảm bảo	433
48	Xã Mỹ Phước 2	Trường học, Trạm Y tế, Hội trường UB, nhà dân kiên cố	Xây đúc kiên cố	Đảm bảo	1.038
		Trường học, Trạm Y tế, Hội trường UB, nhà dân kiên cố	Xây đúc kiên cố	Đảm bảo	204
		Trường học, Trạm Y tế, Hội trường UB, nhà dân kiên cố	Xây đúc kiên cố	Đảm bảo	499
49	Xã Mỹ Phước 3	Trường học, Trạm Y tế, Hội trường UB, nhà dân kiên cố	Xây đúc kiên cố	Đảm bảo	1.309
		Trường học, Trạm Y tế, Hội trường UB, nhà dân kiên cố	Xây đúc kiên cố	Đảm bảo	612
		Trường học, Trạm Y tế, Hội trường UB, nhà dân kiên cố	Xây đúc kiên cố	Đảm bảo	3.500
50	Xã Hưng Thạnh	Trường học, Trạm Y tế, Hội trường UB, nhà dân kiên cố	Xây đúc kiên cố	Đảm bảo	1.347
		Trường học, Trạm Y tế, Hội trường UB, nhà dân kiên cố	Xây đúc kiên cố	Đảm bảo	2.042
		Trường học, Trạm Y tế, Hội trường UB, nhà dân kiên cố	Xây đúc kiên cố	Đảm bảo	2.549
51	Xã Vĩnh Kim	Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	đảm bảo	200
		Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	đảm bảo	200
		Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	đảm bảo	400
52	Xã Kim Sơn	Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	đảm bảo	400
		Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	đảm bảo	400
		Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	đảm bảo	200
53	Xã Bình Trung	Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	đảm bảo	600
		Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	đảm bảo	300

TT	Xã/phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số người có thể sơ tán đến
54	Xã Long Định	Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	đảm bảo	200
		Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	đảm bảo	300
		Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	đảm bảo	250
55	Xã Long Hưng	Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	đảm bảo	200
		Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	đảm bảo	200
		Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	đảm bảo	200
56	Xã Châu Thành	Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	đảm bảo	400
		Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	đảm bảo	200
		Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	đảm bảo	700
57	Xã Tân Hương	Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	đảm bảo	200
		Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	đảm bảo	200
		Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học	Nhà kiên cố	đảm bảo	400
Tổng					185.769

PHỤ LỤC 6.1
PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN TRONG TÌNH HUỐNG ATNĐ, BẢO ĐỒ BỘ TRỰC TIẾP VÀO KHU VỰC THƯỢNG LƯU SÔNG TIỀN
(Đính kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

STT	Xã	Rủi ro cấp 3			Rủi ro cấp 4			Rủi ro cấp 5			Địa điểm
		Tổng (người)	Di dời tại chỗ (người)	Sơ tán tập trung (người)	Tổng (người)	Di dời tại chỗ (người)	Sơ tán tập trung (người)	Tổng (người)	Di dời tại chỗ (người)	Sơ tán tập trung (người)	
1	xã Mỹ Thọ	3600	2052	1548	8400	4788	3612	16400	4788	11612	UBND xã Trường TH Mỹ Thọ 1 Trường MN Mỹ Thọ Trường MN Bông Sen Trường TH Mỹ Thọ 2 Trường THCS Mỹ Thọ Trường THPT Cao Lãnh Trường TH-THCS Mỹ Thọ Trường THCS Mỹ Thọ Trường MN Mỹ Thọ Trường TH Đình Công Bê
2	xã Phương Thỉnh	900	545	355	3650	2219	1431	7200	2219	4981	Trường THCS Phương Thỉnh Trường TH Phương Thỉnh UBND xã Trường TH Phương Thỉnh 2 Trường TH Phương Thỉnh Trường TH Phương Thỉnh Chùa Hưng Thạnh NVH ấp 3 NVH ấp 2 NVH ấp 2B NVH ấp 4 TTVHHTCD NVH ấp 1 UBND xã Tiểu học Hưng Thạnh 1 THCS Hưng Thạnh Tiểu học Hưng Thạnh 2 MN Hưng Thạnh MG Hưng Thạnh UBND Xã Hưng Thạnh Chùa Hưng Thạnh MG Hưng Thạnh ấp 2B

3	xã Ba Sao	2.000	1.140	860	4400	2.508	1.892	8400	2508	5892	Trường MN Ba Sao Trường TH Ba Sao UBND xã Trường THCS Ba Sao Trường TH Ba Sao 2 Trường TH-THCS Thiện Mỹ Trường MN Ba Sao Trường THPT Thống Linh Trường TH Phương Trà Trường THCS Phương Trà BND ấp 5 Trường TH Phương Trà 1 UBND xã
4	xã Phong Mỹ	1.100	627	473	3500	1.995	1.505	7500	1995	5505	Trường TH Phong Mỹ 1 Trường MN Phong Mỹ Trường TH Phong Mỹ 1 (Điểm 2) Thánh thất Phong Mỹ Trường TH Phong Mỹ 2 (Điểm 2) Trường THCS Nguyễn Văn Đùng UBND xã Trường TH Gáo Giồng Trường THCS Gáo Giồng UBND xã Trường TH Gáo Giồng Trường MN Gáo Giồng Trường TH Gáo Giồng Trạm y tế xã

5	xã Bình Hàng Trung	2.500	1.425	1.075	6100	3.477	2.623	12100	3477	8623	UBND xã Trường MN Bình Hàng Tây Trạm y tế xã Trường MN Bình Hàng Tây Trường TH Bình Hàng Tây Chùa Linh Phước Trường TH Bình Hàng Tây 2 Trường THCS Bình Hàng Tây Thánh thất Sa Giang UBND xã Trường TH Bình Hàng Trung 1 Trường MN Bình Hàng Trung Trường TH Bình Hàng Trung Trường THCS Nguyễn Văn Khải Trường THPT Kiến Văn Chùa Bửu Lâm Trường MN Bình Hàng Trung Trường MN Bình Hàng Trung Trường THCS Tân Hội Trung Trường MN Tân Hội Trung Trường TH Tân Hội Trung Trạm y tế xã Trường TH Tân Hội Trung 2 UBND xã Nhà thờ Giáo xứ Tân Hội Trung
---	--------------------	-------	-------	-------	------	-------	-------	-------	------	------	---

6	xã Mỹ Hiệp	2.800	1.596	1.204	6400	3.649	2.751	12400	3649	8751	Trạm y tế xã UBND xã Trường cũ UBND cũ Trường THCS Bình Thạnh Trường TH Bình Thạnh 3 Trường TH Bình Thạnh 1 Trường MN Bình Thạnh Trường TH Bình Mỹ B Trường MN Bình Thạnh Trường TH Bình Thạnh 2 Trường học Trường THCS Mỹ Hiệp Trường MN Mỹ Hiệp Trường TH Mỹ Hiệp 1 Trường cũ Trường TH Ngã Cái Trường cũ Trường THPT Cao Lãnh 2 Trạm y tế xã Trường TH Mỹ Long UBND xã Trường THCS Mỹ Long Trường MN Mỹ Long Cụm dân cư
---	------------	-------	-------	-------	------	-------	-------	-------	------	------	--

7	Phường Cao Lãnh	6.850	5.585	1.265	13850	11.290	2.560	20850	11290	9560	Ban trị sự Phật giáo Hòa Hảo Trường TH Trần Phú NVH ấp Đông Thạnh UBND xã Trường MN Tân Thuận Đông Trạm y tế xã Trường THCS Tân Thuận Đông Trường TH Phan Đăng Lưu Trường MN Tân Thuận Đông NVH ấp Tân Phát NVH ấp Đông Định NVH ấp Đông Hòa UBND xã Trạm y tế xã Trường MN Hòa An Trường TH Hòa An Trường TH Hòa An Trường TH Ngõ Thị Nhậm 2 Trường TH Ngõ Thị Nhậm Trung tâm VH-HTCĐ Trường TH Tân Thuận Tây Trường THCS Phan Bội Châu Trạm y tế xã UBND xã Trường TH Lê Thánh Tông
---	-----------------	-------	-------	-------	-------	--------	-------	-------	-------	------	---

8	Phường Mỹ Ngãi	2.840	2.070	770	6140	4.466	1.674	10240	4466	5774	Trường MN Mỹ Ngãi Trạm y tế xã Trường TH Mỹ Ngãi UBND xã Chùa Thanh Vân Tịnh Thất Giác Linh Chùa Vân Lôi Trường THCS Thống Linh Trường TH Nguyễn Bình Khiêm UBND xã Trạm y tế xã UBND phường Trường THCS Trần Đại Nghĩa Trường TH Hoàng Diệu Trường THPT Trần Quốc Toàn Trường TH Trưng Vương Trường THCS Võ Trường Toản Trường MN Bình Minh Chùa Định Tân An Chùa Cao Minh Chùa Hoa Lâm Chùa Minh Bửu UBND xã Trường MN Tân Nghĩa (Kênh Ông Kho) Trường THCS Tân Nghĩa Trường TH Tân Nghĩa
---	----------------	-------	-------	-----	------	-------	-------	-------	------	------	--

9	Phường Mỹ Trà	3.150	2.115	1.035	6950	4.624	2.326	12350	4624	7726	UBND xã Mỹ Trà (cũ) Trường TH Lý Tự Trọng Trường MN Mỹ Trà (điểm chính) Trường MN Mỹ Trà (điểm phụ) Trường THCS Nguyễn Tú Trường TH Mỹ Phú Trường Năng khiếu TDTT Đồng Tháp Trường THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu Trường MN An Bình (điểm chính) Trường TH An Bình (điểm phụ) Trường THCS Nguyễn Minh Trí Trường TH An Bình (điểm chính) Trường MN An Bình (điểm phụ) UBND xã An Bình (cũ) Nhà thờ An Bình Chùa Thanh Lương Trường TH Nhị Mỹ (điểm chính) Trường TH Nhị Mỹ (điểm phụ) UBND xã Nhị Mỹ (cũ) Nhà thờ Tin lành Nhị Mỹ Nhà thờ Giáo xứ Nhị Mỹ Trường THCS Nhị Mỹ Trường MN Nhị Mỹ Chùa Hội Phước Triều Âm Tự Đình Trà Bông Đình Mỹ Thạnh
10	xã Mỹ An Hưng	5.400	3.499	1.901	8300	5.378	2.922	11700	5378	6322	UBND xã Trạm y tế xã Trường TH An Hội Đông Trường THCS An Hội Đông Trường Mầm Non An Hội Đông Chùa Thiên Phước Chùa Long Phước Chùa Phổ Chiếu Trạm y tế xã UBND xã Đình thần Tòng Sơn Trường MN Mỹ An Hưng A Trường TH Mỹ An Hưng A Trường THCS Mỹ An Hưng A UBND xã Trường THCS Mỹ An Hưng B Trường TH Mỹ An Hưng B2 Trường MN Mỹ An Hưng Trường TH Mỹ An Hưng B1 Trường TH Mỹ An Hưng B3 Đình thần Mỹ Hưng Trường TH Mỹ An Hưng B4

11	Tân Khánh Trung	3.400	2.202	1.198	5200	3.370	1.830	7500	3370	4130	UBND xã Trường TH Long Hưng A1 Trường THCS Long Hưng A Khu DLVH Phương Nam UBND xã Trường TH Long Hưng 2 Trường THPT Lấp Vò 3 Trường THCS Long Hưng B Trường TH Long Hưng B3 BND ấp Hưng Thạnh Đông Trung tâm VH-HTCĐ
12	Lấp Vò	2.600	1.684	916	5400	3.500	1.900	10000	3500	6500	UBND thị trấn Trường TH Lấp Vò 2 Trường TH Lấp Vò 1 Trường THCS Lấp Vò Trường THPT Lấp Vò Trung tâm y tế huyện cũ Trạm y tế xã UBND xã Trường THCS - THPT Bình Thạnh Trung Trung tâm VH-HTCĐ Trường TH Vĩnh Thạnh 2 Trường TH Vĩnh Thạnh 3 Trường TH Vĩnh Thạnh 1 Trường THCS Vĩnh Thạnh Trường MN Vĩnh Thạnh Trường TH Vĩnh Thạnh 2 UBND xã

13	Lai Vung	4.236	2.533	1.703	6840	4.086	2.754	10040	4586	5454	UBND xã Trung tâm VH-HTCĐ Trường MN Định Yên Trường THCS Định Yên Trường TH Định Yên 1 Trường TH Định Yên 2 UBND xã Trạm y tế xã Trường THCS Định An Trường TH Định An Trung tâm VH-HTCĐ Trường TH Tân Thành 1 Trường THCS Tân Thành Chùa Hội Phước Đình Tân Thành Chùa Phương Trì Trường MN Lai Vung Trường MN Tân Thành 2 Trường TH Tân Thành 3 Trường TH Tân Thành 2 Trường THPT Lai Vung 3
14	Hòa Long	2.531	1.265	1.266	4532	2.266	2.266	6532	3266	3266	UBND huyện cũ cũ cũ Trường MN TT. Lai Vung Trường THCS TT. Lai Vung Trường TH TT. Lai Vung 2 Trường TH TT. Lai Vung 1 Trường THPT Lai Vung I UBND xã Trường TH Hòa Long Trường MN Hòa Long Trường THCS Hòa Long Trường MN Hòa Long UBND xã Trường TH Long Thắng 1 Trường MN Long Thắng Trường TH Long Thắng 1 Trường THCS Long Thắng Trường TH Long Thắng 2 UBND xã Trường TH Long Hậu 2 Trường MN Long Hậu 1 Trường THCS Long Hậu Trường THCS Long Hậu Trường TH Long Hậu 3 Trường MN Long Hậu 2 Trường TH Long Hậu 1 UBND huyện cũ

15	Phong Hòa	2.864	1.432	1.432	4864	2.432	2.432	6864	3432	3432	Trung tâm VHHT-CD Trường MN Vĩnh Thới Trường TH Vĩnh Thới 1 Trường THCS Vĩnh Thới Trường TH Vĩnh Thới 2 UBND xã Trường TH Định Hòa Trường THCS Định Hòa Trường MN Định Hòa Trường MN Định Hòa UBND xã Trường THCS Phong Hòa Trường MN Phong Hòa Trường TH Phong Hòa 2 Trường TH Phong Hòa 1 Trường TH Phong Hòa 1 Trường TH Phong Hòa 2 UBND xã Trường TH Tân Hòa 1 Trường THPT Lai Vung 2 Trường THCS Tân Hòa Trường TH Tân Hòa 2 Trường MN Tân Hòa NVH ấp Hòa Khánh
----	-----------	-------	-------	-------	------	-------	-------	------	------	------	--

16	Phường Sa Đéc	4.785	3.660	1.125	15100	11.552	3.549	15100	11551.5	3548.5	UBND phường Trường TH Trưng Vương Chùa Bửu Quang Trường TH Kim Đồng Trường THCS Hùng Vương Trường MG khóm 2 Trường TTGDTX Sa Đéc Trường THPT Sa Đéc Trường MN Sen Hồng Trường MN Ánh Dương Chùa Phước Huệ Chùa Bửu An Chùa Kim Huệ Trường MN - TH Tổ Ong Vàng UBND phường Trường TH Hòa Khánh Trường MN Hoa Sen Trường TH Phú Mỹ Trường THCS Võ Thị Sáu Chùa Phước Thành Nhà thờ giáo xứ Sa Đéc UBND phường Trường CĐ CĐ Đồng Tháp cơ sở 2 Trường TH Tân Long Nhà thờ Tân Qui Trường MN Hoa Mai
----	---------------	-------	-------	-------	-------	--------	-------	-------	---------	--------	--

10	Phường Sa Đéc	4.783	5.000	1.123	13100	11.532	3.349	13100	11531,3	3348,3	Thánh thất Cao đài Sa Đéc Thánh thất Cao đài B Sa Đéc UBND phường Trường MG Tân Hưng Trường TH Tân Hưng Chùa Hoài Tây Chùa Quan Âm Trường THCS-THPT Nguyễn Du UBND phường Trường THCS Trần Thị Nương Trường TH Phạm Hữu Lầu Trường TH Vĩnh Phước (Sa Đéc) Trường THCS Lưu Văn Lang Trường MN Hướng Dương Trường TH Tân An Chùa Tây Hưng Chùa Linh Quang Trường TH Tân Huê Trường TH Sa Nhiên NVH khóm Sa Nhiên UBND phường Trường TH khóm Tân Mỹ Chùa Long Phước Trường TH Tân Khánh Đông 3 Trường MN Tân Khánh Đông UBND xã
17	xã Tân Dương	2.132	1.276	856	3948	1.524	2.424	4948	2024	2924	UBND xã Trường THCS Hòa Thành Trường MN Hòa Thành Trường TH Hòa Thành UBND xã Trường TH Tân Dương 1 Trường THCS Tân Dương Trường MN Tân Dương Trường TH Phú Long Trường THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu UBND xã Trường MN Bình Minh Trường TH Tân Phú Đông Trường TH Tân Phú Đông Trường MG Tân Phú Đông KDL Sinh thái Sa Đéc Xưa Chùa Phước Hòa Chùa Liên Hoa

18	Phú Hữu	5.850	3.452	2.398	13350	7.877	5.473	20850	7877	12973	Trường THPT Châu Thành 2 Trường THCS Cái Tàu Hạ Trường TH Cái Tàu 2 Trường TH Cái Tàu Hạ 1 Trường MN Hoa Hồng Chùa Quan Âm Nhà thờ Tin Lành Trường THCS An Nhơn Trường MN An Nhơn Trường TH An Nhơn Trường MN An Nhơn Trung tâm VH-TT huyện cũ Trường TH Tân Hòa Trường TH An Nhơn Trường MN An Hòa Trường MN An Hiệp Trường TH An Hiệp 2 Trường TH An Hiệp Trường TH An Hiệp 1 Trường MN An Hiệp Trường THCS An Hiệp Trường TH An Hiệp 1 Trường MN An Hiệp NVH ấp Tân Thuận Trường MN Tân Thuận Trường TH An Phú Thuận
----	---------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	------	-------	--

19	Xã Tân Nhuận Đông	3.800	2.075	1.725	8300	4.897	3.403	12800	4897	7903	Trường TH Hòa Tân Trường THCS Hòa Tân NVH ấp Hòa An Trường TH Hòa Tân 2 Trường MN Hòa Tân Trường TH Hòa Tân 3 NVH ấp Hòa Quới NVH ấp Hòa Bình Trường MN Hòa Tân NVH ấp An Bình Trường TH An Khánh 1 NVH ấp An Hòa Trường MN Ngã Nhỏ Trường TH An Khánh 1 Trường THCS An Khánh Trường MN An Khánh Trung tâm VH-HTCĐ Trường TH An Khánh 2 Trường TH An Khánh Chùa An Phước Trường MN An Khánh Trường TH An Khánh 2 Nhà thờ Nhơn Lương NVH ấp An Lợi Trường TH An Khánh 1 Trường THCS Tân Nhuận Đông
----	-------------------	-------	-------	-------	------	-------	-------	-------	------	------	--

20	xã Tân Phú Trung	5.400	2.960	2.440	11400	6.785	4.615	17400	6785	10615	Trường TH Tân Xuân Trường TH Tân Bình Trường MN Tân Bình Trường TH Bình Tiên 2 Trường THCS Tân Bình Trường TH Bình Tiên 1 Trường THCS Tân Phú Trung Trường THCS Tân Phú Trung Trường MN Tân Phú Trung Trường TH Tân Phú Trung Trường THCS-THPT Tân Phú Trung Trường TH Tân Phú Trung 1 Nhà thờ công giáo Tân Phú Trung Chùa Long Quang Trường TH Tân Phú Trung Trường TH Tân Phú Trường MN Tân Phú Trường THCS Tân Phú Trường TH Tân Phú Hội thánh tin lành Chùa Thanh Quang Trường TH Tân Phú NVH ấp Tân Thạnh NVH ấp Tân Thuận NVH ấp Tân Hòa Trường TH Phú Long
----	------------------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	------	-------	---

21	xã Tân Hồng	1.000	540	460	4600	2.219	2.381	5200	2219	2981	Trường THPT Tân Hồng Trường TH Trần Phú Trường TH Nguyễn Huệ Trường THCS Nguyễn Văn Tiệp Trường MN 1/6 Chùa Lập Phúc Thánh thất TT. Sa Rài Nhà thờ Tân Hồng Giáo xứ Gò Đa Trường THCS Nguyễn Du Trường MN Sơn Ca Trạm y tế xã UBND xã Trung tâm VH-HTCĐ Trường TH Bình Phú 2 Chùa Phước Thiện Trường TH-THCS Thống Nhất Trường THCS Thống Nhất Trường TH-THCS Cả Găng Trường MN Hòa Mi Trường TH Tân Công Chí Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi Trạm y tế xã Chùa Phong Sơn Trường TH Tân Công Chí 3 Trường TH Tân Công Chí 3
----	-------------	-------	-----	-----	------	-------	-------	------	------	------	--

22	xã Tân Thành	600	320	280	3000	1.612	1.388	3400	1612	1788	Trường TH Tân Thành A2 Trường MG Tân Thành A Trường TH Tân Thành A2 Trường TH Tân Thành A3 Trường TH Tân Thành A2 BND ấp Tham Bua UBND xã BND ấp Thi Sơn Trạm y tế xã BND ấp Chiến Thắng Trường MN Tân Thành A Trường THCS-THPT Tân Thành Trường TH Tân Thành A2 BND ấp Cây Me Trường TH Tân Hộ Cơ Trường THCS Thông Bình BND ấp Long Sơn Trường MN Thông Bình Trường TH Thông Bình 2 BND ấp Chòi Mỏi Trường TH Thông Bình 2 Trường MN Thông Bình UBND xã BND ấp Cả Vàng Chùa Pháp Võ BND ấp Phước Tiên
----	--------------	-----	-----	-----	------	-------	-------	------	------	------	--

23	xã Tân Hộ Cơ	900	480	420	3300	1.772	1.528	3700	1772	1928	BND ấp 3 Trường MN Tân Thành B Trường TH Tân Thành B BND ấp 2 Trường TH Tân Thành B1 Trường THCS Tân Thành B BND ấp 1 UBND xã Trung tâm VH-HTCĐ Trường TH Tân Thành B2 Chùa Tân Long Trường TH Tân Thành B1 Trường TH Tân Thành 1 Trường MN Tân Thành B Trường TH Tân Hộ Cơ Trường TH Dinh Bà Chùa Đồng An Trường TH Tân Hộ Cơ Chùa Hiếu Đức Trường THCS Tân Hộ Cơ BND ấp Chiến Thắng UBND xã Trường TH Tân Hộ Cơ 2 BND ấp Đuôi Tôm BND ấp Gò Bói
----	--------------	-----	-----	-----	------	-------	-------	------	------	------	---

24	xã An Phước	850	450	400	3250	1.745	1.505	3650	1745	1905	BND ấp An Lộc Trường TH An Phước Trường TH An Phước 2 Trường THCS Nguyễn Quang Diệu Trạm y tế xã BND ấp An Phát BND ấp An Thọ BND ấp An Tài Hưng Hồng Tự UBND xã Trung tâm VH-HTCĐ Nhà thờ An Phước Trường MN Tân Phước Trường THCS Nguyễn Văn Bánh Trường THPT Giồng Thị Đam Trường THCS Giồng Thị Đam Trường MN Giồng Găng Trường TH Tân Phước 2 Trường THCS Tân Phước Trường TH Tân Phước Trạm y tế xã UBND xã Trường MN Tân Phước BND ấp Hoàng Việt Trường TH Tân Phước 3 BND ấp Tân Bánh
25	Phường An Bình	2.000	1.490	510	4600	3.435	1.165	8200	3435	4765	Trường THCS An Bình A Nhà thờ giáo xứ Bãi Chàm Trường TH An Bình A UBND phường Trường Trung cấp Hồng Ngự Trường TH An Bình A1 Trường TH An Bình B1 Trường THCS An Bình B Trường MN An Bình B Trạm y tế phường UBND phường Trường TH An Bình B Trường TH An Bình B Trường THPT Hồng Ngự 1 Trường MN An Lộc Trường TH An Lộc Trường MN An Lộc Trạm y tế phường UBND phường Trạm y tế phường

26	Phường Hồng Ngự	1.600	1.190	410	4500	2.520	1.980	8100	2520	5580	Trường TH An Thạnh 1 Trường TH Chu Văn An Trường MN An Thạnh Trường THPT Chu Văn An Trường THCS An Thạnh Trường TH An Thạnh 2 Trường MN Hướng Dương Trường MN Minh Đức Trường TH Bình Thạnh 1 Trường THCS Bình Thạnh UBND xã Trường TH Bình Thạnh 1 Trường TH Bình Thạnh UBND xã Trường THCS Tân Hội Đình Tân Hội Miếu Bà Thượng Trường TH An Thạnh 3 Trường MN Tân Hội Trường TH Tân Hội Trường TH Tân Hội Trường TH Tân Hội Trường MN Bình Thạnh UBND phường Đình An Bình Trường MN Tân Hội
----	-----------------	-------	-------	-----	------	-------	-------	------	------	------	--

27	Phường Thường Lạc	4.000	2.744	1.256	6750	4.642	2.108	10950	4642	6308	Trường TH-THCS An Lạc Trường TH An Lạc Trạm y tế phường Nhà thờ Trà Đư Trường TH An Lạc Trường TH Thường Lạc Đình Thường Lạc UBND phường Trường TH Thường Thới Hậu A Trường THCS Thường Thới Hậu A Trường TH Thường Thới Hậu A1 UBND xã Trường TH Thường Thới Hậu A Trạm y tế xã Trường TH Thường Thới Hậu A Trường MN Thường Thới Hậu A Trường TH Thường Thới Hậu A Trường MN Thường Thới Hậu A Trường TH Thường Lạc 1 Trường TH Thường Lạc 1 Trường TH Thường Lạc 2 Trường THCS Thường Thới Hậu B Trường THCS Thường Lạc Trường TH Thường Lạc 3 Trạm y tế xã Trường MN Thường Lạc
----	-------------------	-------	-------	-------	------	-------	-------	-------	------	------	--

28	Xã Thường Phước	6.170	4.134	2.036	9170	6.144	3.026	13670	6144	7526	Trường MN Thường Phước Trường TH Thường Phước 1A Trường TH Thường Phước 1B Trường THCS Thường Phước 1 Trường TH Thường Phước 1 UBND xã Giáo xứ Thường Phước Trường THCS Thường Phước 1 Trạm y tế xã Trường THCS Thường Phước 2 Trung tâm VH-HTCD xã Trường MN Thường Phước 2 Trường TH Thường Phước 2A Chùa Thầy Tám Chùa Phước Linh UBND xã Trường TH Thường Phước 2 Trường TH Thường Phước 2A Trường MN Thường Phước 2 Trường TH Thượng Thới Tiền Trường THCS Thượng Thới Tiền Chùa Phước Hưng Trường THPT Hồng Ngự 3 Trường TH Thượng Thới Tiền 2 UBND thị trấn Chùa Thanh Lương
----	-----------------	-------	-------	-------	------	-------	-------	-------	------	------	--

29	xã Long Khánh	2.900	1.943	957	4900	3.283	1.617	7900	3283	4617	Trường TH Long Khánh A6 Trường TH Long Khánh A3 Trường MN Long Khánh A Trường THPT Long Khánh A Trường TH Long Khánh A1 Trường THCS Long Khánh A Trường TH Long Khánh A4 Trường TH Long Khánh A4 Trường TH Long Khánh A1 UBND xã Chùa Hòa Long Trường TH Long Khánh B2 BND ấp Long Châu Trường TH Long Khánh B2 Trường TH Long Khánh B1 Trường THCS Long Khánh B UBND xã Trạm y tế xã UBND ấp Long Phước UBND ấp Long Thành A UBND ấp Long Thành B UBND ấp Long Hữu UBND ấp Long Tả UBND ấp Long Thái UBND ấp Long Bình
----	---------------	-------	-------	-----	------	-------	-------	------	------	------	---

30	Long Phú Thuận	7.580	5.079	2.501	10580	7.089	3.491	15080	7089	7991	Trường TH Long Thuận 1 Trường TH Long Thuận 1 Trường TH Long Thuận 4 Trường MN Long Thuận UBND xã Trường TH Long Thuận 4 Trường MN Long Thuận Trường TH Long Thuận 3 Trường MN Long Thuận Trường TH Long Thuận 1 Chùa Quan Âm Cô Tự Trường MG Phú Thuận Trường MN Phú Thuận A Trường TH Phú Thuận A Trường TH Phú Thuận A2 Trường THCS Phú Thuận A Trường THPT Phú Thuận A Trường TH Phú Thuận A2 Trường MN Phú Thuận A2 UBND xã Trường TH Phú Thuận A3 Chùa Giác Quang Chùa Bửu Quang Đình Thần Phú Thuận Thánh Thất Long Thuận Đình Thần Long Thuận
----	----------------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	------	------	--

31	xã An Hòa	850	510	340	2250	1.343	907	4250	1343	2907	THCS An Hòa TH Phú Thành B1 Trung tâm VH-HTCĐ Tiểu học An Hòa 1 Tiểu học An Hòa B MN Phú Thành B Giáo xứ Cà Nồ Tiểu học An Hòa C Đình Thần An Long Chùa Bửu Long Tự Tiểu học phú thọ điểm B Mầm Non An Hòa Tiểu học Phú Thành B2 Tiểu học An Hòa TH Phú Thành B Tiểu học Phú Thành B2 Tiểu học Phú Hòa UBND xã UBND xã Mầm Non ấp 3 MN điểm phụ Mầm Non An Hòa Mầm non ấp 4 Trạm Y Tế Trạm Y tế NVH Ấp 2
----	-----------	-----	-----	-----	------	-------	-----	------	------	------	---

32	xã Tam Nông	700	420	280	2100	1.254	846	4100	1254	2846	NVH ấp Phú B TH&THCS Phú Xuân THCS Phú Hiệp THCS Phú Đức MN Phú Đức Tiểu học Phú Hiệp A Chùa Phật giáo Hòa Hảo MN Phú Hiệp Tiểu học Phú Đức K8 Đền Bưư tháp Thự Tiểu học Phú Đức Chùa Đồng Hoà Tụ Tiểu học Phú Hiệp 2 Thánh Thất Họ Đạo Xã Phú Hiệp Trung tâm VH-HTCĐ Trung tâm VH-HTCĐ Đình K10 Chùa Hiếu Nghĩa Chùa Nghĩa Hòa Tụ UBND xã UBND xã Trạm Y tế NVH khóm 3 NVH Ấp K9 NVH Ấp K8 NVH Ấp Phú Xuân
----	-------------	-----	-----	-----	------	-------	-----	------	------	------	--

33	xã Phú Thọ	900	540	360	2300	1.373	927	4300	1373	2927	THCS&THPT Phú Thành A Trường THCS Phú Thọ Trung tâm VH-HTCĐ Trường TH Phú Thọ Tiểu học Phú Thành A2 Chùa Dân An Tự Chùa Hòa Tự Chùa An Tự Đình Phú Thành A2 Tiểu học Phú Thành A2 Tiểu học Phú Thành A1 MN Phú Thành A MN Phú Thọ Chùa Cao Đài MN Phú Thành A Tiểu học Phú Thành A1 Tiểu học Phú Thành A1 UBND xã UBND xã Trạm Y Tế MN Phú Thành A Trạm y tế Trạm Y Tế MN Phú Thọ NVH Ấp Phú Điền NVH Ấp An Phú
----	------------	-----	-----	-----	------	-------	-----	------	------	------	--

34	xã Tràm Chim	600	360	240	2000	1.197	803	4000	1197	2803	THCS Tràm Chim THCS Tân Công Sính Tiểu học Tràm Chim 1 Trung tâm VH-HTCĐ Giáo xứ Thiên Phước MN TT.Tràm Chim MN Tân Công Sính Chùa Quê Hương Trường THPT Tràm Chim Trường TH Tân Công Sính TH Tân Công Sính Tiểu học Tràm Chim 2 TH Tân Công Sính A Nhà thờ Thánh Tâm Tiểu học Ấp Bưng Sầm UBND thị trấn UBND xã NVH Ấp Cà Dâm NVH Ấp Bưng Sầm Trạm Y Tế Trạm Y Tế thị trấn MN Tràm Chim Trạm Y tế MG Tân Công Sính NVH khóm 2 NVH Ấp Tân Hưng
----	--------------	-----	-----	-----	------	-------	-----	------	------	------	---

35	xã Phú Cường	500	300	200	1900	1.134	766	3900	1134	2766	TH Hòa Bình THCS Phú Cường THCS&THPT Hòa Bình Trung tâm VH-HTCĐ Chùa Đức Ân Tự Tiểu học Phú Cường MN Hòa Bình Tiểu học Phú Cường 1 Thánh Thất Phú Cường MN Phú Cường MN Hoa sen Tiểu học Hòa Bình Nhà Thờ Phú Cường Chùa Tâm Thành Đình Thần xã Phú Cường Mầm Non Phú Cường Tiểu học Hòa Bình Trung tâm VH-HTCĐ Giáo xứ Hòa Bình UBND xã UBND xã MN Hoa Sen Tiểu học Hòa Bình TRạm Y Tế MG trụ sở ấp 5 Trạm Y tế
----	--------------	-----	-----	-----	------	-------	-----	------	------	------	---

36	xã An Long	1.500	880	620	4200	2.453	1.747	7500	2453	5047	Tiểu học An Phong 1 MG An Phong Chùa Cao Đài THCS An Phong Đình Thần An Phong Chùa An Bửu TTVHHTCĐ Tiểu học An Phong 1 MG An Phong Tiểu học An Phong 2 Tiểu học An Phong 2 Tiểu học An Phong 3 Tiểu học An Phong 2 Tiểu học An Phong 1 NVH ấp Nhất UBND xã Nhà thờ tin lành NVH Ấp 3 NVH Ấp Nhì Tiểu học An Phong 2 MG An Phong 2 NVH Ấp Tư Tiểu học Phú Ninh 2 THCS Phú Ninh 2 Trung tâm VH-HTCĐ THPT Tam Nông
----	------------	-------	-----	-----	------	-------	-------	------	------	------	--

37	xã Thanh Bình	1.350	760	590	5250	2.977	2.273	9150	2977	6173	UBND xã Trường TH Tân Mỹ 2 Trường THPT Lấp Vò Trường THCS Lấp Vò Trường TH Tân Mỹ 1 Trường MN Tân Mỹ MG Tân Mỹ Tiểu học Tân Mỹ 1 Miếu bà Thất Vị Nương Nương THCS & THPT Tân Mỹ Tiểu học Tân Mỹ 2 THCS Tân Phú Chùa Long Sơn MG Tân Phú Tiểu học Thị trấn 2 Đình thần TT Thanh Bình Chùa Long Bửu Trung cấp Thanh Bình MG Tân Mỹ điểm phụ Tiểu học Tân Mỹ MG Tân Mỹ NVH Ấp 1 UBND xã NVH ấp 3 NVH ấp 4 Tiểu học Tân Phú 1
----	---------------	-------	-----	-----	------	-------	-------	------	------	------	--

38	xã Tân Thạnh	1.000	570	430	3600	2.041	1.559	6200	2041	4159	Tiểu học Phú Lợi 1 MG Phú Lợi 1 Tiểu học Phú Lợi 1 Tiểu học Phú Lợi 2 MG Tân Thạnh Ấp Bắc tiểu học Tân Thạnh 1 Chùa Bửu Thạnh Chùa Nghĩa Vĩnh Đình thần Tân Thạnh Thanh Bình Tiểu học Tân Thạnh 1 Tiểu học Tân Thạnh 2 MN ấp Nam Tiểu học Tân Thạnh 2 Thánh thất Tân Thạnh THCS Tân Thạnh TH Phú Lợi 2 UBND xã TTHTCĐ THCS Phú Lợi MG Phú Lợi 2 NVH ấp 1 MG Phú Lợi điểm phụ NVH Ấp 4 NVH ấp 3 MG Phú lợi điểm phụ NVH ẤP Bắc
----	--------------	-------	-----	-----	------	-------	-------	------	------	------	--

39	xã Bình Thành	750	430	320	3350	1.899	1.451	5950	1899	4051	UBND xã Trường TH Bình Thành 2 Trường THCS Bình Thành Trường TH Bình Thành 2 Trường MN Bình Thành Trường TH Bình Thành 3 Trạm y tế xã THCS Bình Tấn Tiểu học Bình Tấn 2 MG điểm phụ Tiểu học Bình Tấn 2 Tiểu học Bình Tấn 2 MG Bình Tấn 2 Tiểu học Bình Thành 2 MN Bình Thành 2 Tiểu học Bình Thành 2 MN Bình Thành 2 Đình Thần xã Bình Thành Tiểu học Bình Thành 1 Thánh Thất Bình Thành Chùa Thành Phước Tiểu học Bình Thành 1 MG Bình Thành Tiểu học Thị Trấn 2 Thánh Thất Cao Đài THPT Thanh Bình 1
----	---------------	-----	-----	-----	------	-------	-------	------	------	------	--

40	xã Tân Long	2.525	1.420	1.105	9025	5.118	3.907	14494	4087	10407	Trường TH Tân Thạnh 1 Trường THCS Tân Long Thánh thất Tân Long Điện thờ Phật Mẫu Tiểu học Tân Long 1 Tiểu học Tân Long 1 Đình thần Tân Long Tiểu học Tân Long 1 TTVHHTCĐ Tiểu học Tân Long 2 MG Tân Long Nhà Thờ Bến Siêu Tiểu học Tân Huê 1 Tiểu học Tân Huê 2 Tiểu học Tân Huê 2 Tiểu học Tân Huê 1 NVH Tân Huê Đình Thần Tân Hòa Tiểu học Tân Hòa 2 MG Tân Hòa điểm phụ MG Tân Hòa điểm phụ MN Tân Hòa THCS Tân Hòa Nhà thờ bến Dinh Tiểu học Tân Hòa 1 Tiểu học Tân Hòa 1
----	-------------	-------	-------	-------	------	-------	-------	-------	------	-------	--

41	xã Tháp Mười	1.200	770	430	5850	3.750	2.100	10500	3750	6750	Thánh Thất Mỹ Hòa Chùa Thiên Kim Tịnh thất Thiền Kim Ni Thánh Tịnh Thanh Sơn Hòa Miếu Bà chúa Xứ ấp 2 Chùa Thiên An Thánh Thất Mỹ An Chùa Bửu An Tự NVH ấp Mỹ Phú A NVH ấp Mỹ Phú C UBND xã NVH ấp 3 NVH ấp Mỹ Thị A NVH ấp Mỹ Thị B TTVHHTCĐ NVH ấp Lợi Hòa UBND thị trấn UBND xã NVH khóm 2 Nhà thờ giáo xứ Mỹ An Hội thánh tin Lành TT Mỹ An THCS Mỹ Hòa Tiểu học Mỹ Hòa 2 Tiểu học Mỹ Hòa MN Mỹ Hòa Tiểu học Mỹ Hòa 1
----	--------------	-------	-----	-----	------	-------	-------	-------	------	------	--

42	xã Thanh Mỹ	1.500	960	540	4600	2.948	1.652	7700	2948	4752	Miếu bà Chúa Xứ Thánh Tịnh Cứu Linh Môn UBND xã UBND xã TH&THCS Phú Điền MN Phú Điền TH&THCS Phú Điền THCS Phú Điền THPT Phú Điền Tiểu học Phú Điền Tiểu học Phú Điền TH&THCS Phú Điền Tiểu học Thanh Mỹ 2 TH Thanh Mỹ 1 TH Thanh Mỹ THCS Nguyễn Văn Tre MN Thanh Mỹ 2 TH & THCS Thanh Mỹ MN Thanh Mỹ 1 MN Thanh Mỹ 2 TH Trần Thị Bích Dung MN Thanh Mỹ MG Phú Điền TH Phú Điền TH Phú Điền 2 Tiểu học Phú Điền
----	-------------	-------	-----	-----	------	-------	-------	------	------	------	--

43	xã Mỹ Quý	1.100	700	400	5750	3.686	2.064	10400	3686	6714	Chùa Bà Năm Tỉnh thất Pháp Quang NVH ấp Mỹ Tây2 NVH ấp Mỹ Tây 3 UBND xã UBND xã TTVHHTCĐ NVH ấp Mỹ Phước 2 NVH ấp Mỹ Phước 1 TTVHHTCĐ TTVHHTCĐ Tiểu học Mỹ Quý 3 THCS Mỹ Quý THPT Mỹ Quý Tiểu học Mỹ Quý 2 Tiểu học Mỹ Quý 1 Tiểu học Mỹ Quý 3 MN Mỹ Quý 1 Tiểu học Mỹ Quý 1 Tiểu học Mỹ Quý 3 Tiểu học Mỹ Quý 4 MG Láng Biển TH&THCS Láng Biển MN Láng Biển MG Láng Biển MN Mỹ Đông
----	-----------	-------	-----	-----	------	-------	-------	-------	------	------	---

44	Xã Đốc Bình Kiều	1.200	770	430	4300	2.756	1.544	7400	2756	4644	Miếu bà chúa Xứ (Kênh Nhì) Chùa Phước An UBND xã UBND xã TTVHHTCĐ Tiểu học Tân Kiều 3 Mẫu giáo Tân Kiều Tiểu học cơ sở Tân Kiều Tiểu học Tân Kiều 1 MN Tân Kiều Trường tiểu học Tân Kiều 2 Tiểu học Tân Kiều áp 1 MG Tân Kiều TH Đốc Bình Kiều 2 MN Đốc Bình Kiều 2 TH Đốc Bình Kiều 3 TH Đốc Bình Kiều 2 TH Đốc Bình Kiều 1 THCS Đốc Bình Kiều MN Đốc Bình Kiều MN Đốc Bình Kiều THPT Đốc Bình Kiều TH Đốc Bình Kiều 4 TH Đốc Bình Kiều 3 TH Đốc Bình Kiều 2 TH Tân Kiều 3
----	------------------	-------	-----	-----	------	-------	-------	------	------	------	--

45	xã Trường Xuân	600	390	210	3700	2.372	1.328	6800	2372	4428	Chùa Thanh Lập Đền thờ Đốc Binh Kiều UBND xã NVH ấp 2 NVH ấp 4 NVH ấp 5 TTVHHTCĐ UBND xã NVH ấp 4 UBND xã NVH ấp 6A NVH ấp 5B NVH ấp 6KH Tiểu học Thạnh Lợi 1 MG Thạnh Lợi Tiểu học Thạnh Lợi 2 MG Thạnh Lợi Tiểu học Thạnh Lợi 1 Tiểu học Hưng Thạnh 1 THPT Trường Xuân Tiểu học Trường Xuân 1 tiểu học Trường Xuân 2 MN Trường Xuân MN Trường Xuân THCS Trường Xuân Tiểu học Trường Xuân 1
Tổng		112.613	71.343	41.270	261.449	163.445	98.005	417.668	165.414	252.255	

PHỤ LỤC 6.2

TỔNG HỢP SỐ LIỆU PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN KHI BẢO, ÁP THẤP NHIỆT ĐỐI KHU VỰC HẠ LƯU SÔNG TIỀN THUỘC ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

TT	Tên xã/phường	Số hộ			Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến		Phương tiện di chuyển
		Di dời	Sơ tán	Tổng	Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng	Di dời, sơ tán tại chỗ	Sơ tán sang địa phương khác	
A	RRTT cấp độ 3	10.667	597	11.264	54.346	3.335	57.680			
1	Phường Mỹ Tho	60	0	60	300	0	300	Trường THCS Xuân Diệu (200 người) Trường Tiểu học Nguyễn Trãi (100 người)		xe máy
		80	0	80	400	0	400	Nhà văn hóa phường 2 cũ (100 người) Trường tiểu học Hồ Văn Nhánh (100 người) Di dời đến Nhà văn hóa phường 3 cũ (150 người) Nhà văn hoá phường 8 cũ (50 người)		xe máy
		40	0	40	200	0	200	Nhà văn hóa phường (100 người) Trường tiểu học Tân Long (100 người)		xe máy
2	Phường Đạo Thạnh	20	0	20	100	0	100	Nhà văn hóa phường (100 người)		xe máy
		30	0	30	150	0	150	Nhà văn hóa phường (150 người)		xe máy
		20	0	20	100	0	100	Nhà văn hóa xã (100 người)		xe máy
3	Phường Thới Sơn	20	0	20	100	0	100	Trường Tiểu học Kim Đồng (100 người)		xe máy
		60	0	60	300	0	300	Nhà văn hóa xã (100 người) Trường Tiểu học Thới Sơn (100 người) Trường THCS Thới Sơn (100 người)		xe máy
4	Phường Mỹ Phong	20	0	20	100	0	100	Nhà văn hóa phường (100 người)		xe máy
		40	0	40	200	0	200	Nhà văn hóa xã (100 người) Trường Cao đẳng nông nghiệp Nam Bộ (100 người)		xe máy
		30	0	30	150	0	150	Nhà văn hóa xã (100 người) Trường tiểu học Thạnh Trị (50 người)		xe máy
5	Phường Trung An	20	0	20	100	0	100	Nhà văn hóa phường (100 người)		xe máy
		30	0	30	150	0	150	Nhà văn hóa xã (100 người) Trường Tiểu học Trung An (50 người)		xe máy
		30	0	30	150	0	150	Nhà văn hóa xã (100 người) Trường Tiểu học Phước Thạnh (50 người)		xe máy
6	Xã An Thạnh Thủy	117	0	117	589	0	589	Nhà văn hóa xã: 100 người Hội trường UBND xã: 75 người Chùa Linh Thạnh: 175 người Nhà VH liên ấp An Khương-Thạnh Kiết: 10 người Chùa Long Phan: 53 người Nhà văn hóa liên ấp: 26 người Nhà văn hóa ấp Bình Ninh: 29 người Chùa trường Bình: 49 người Trường Tiểu học Bình Phục Nhứt: 72 người		

TT	Tên xã/phường	Số hộ			Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến		Phương tiện di chuyển
		Di dời	Sơ tán	Tổng	Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng	Di dời, sơ tán tại chỗ	Sơ tán sang địa phương khác	
7	Xã Bình Ninh	194	0	194	965	0	965	Trường THCS BN: 116 người Trường TH BN: 90 người Trường MN Bình Ninh: 55 người Mầm non Hòa Định: 248 người Nhà Văn Hóa Liên ấp Hòa Thành - Nhơn Hòa - An Cư: 72 người UBND xã: 69 người Trường mầm non Xuân Đông: 135 người THCS Xuân Đông: 180 người		
8	Xã Tân Thuận Bình	171	0	171	855	0	855	Trường THCS ĐHP: 105 người Nhà Văn hóa Hưng Ngãi: 26 người Trường THCS Quơn Long: 185 người Nhà văn hóa liên ấp QT-QP-QN-QK: 35 người Nhà Văn Hóa xã TTB: 96 người Hội trường UBND xã: 128 người Trường Tiểu học TTB: 118 người Trường Mầm Non TTB: 162 người		
9	Xã Mỹ Tịnh An	124	0	124	617	0	617	Nhà Văn Hóa xã: 82 người Hội trường UBND xã: 70 người Nhà Văn Hóa liên ấp Hòa Ninh - Hòa Bình: 37 người Nhà VH liên ấp: 30 người Nhà VH xã: 40 người Nhà Văn Hóa xã: 106 người Nhà Văn Hóa liên ấp: 62 người Nhà Văn Hóa Liên ấp: 60 người Trường Mầm Non (cũ): 100 người Hội trường UBND xã: 30 người		
10	Xã Chợ Gạo	118	0	118	589	0	589	Mầm non (CS3): 48 người Liên ấp +Trụ sở ấp: 34 người TH -LBĐ: 77 người Nhà Văn Hóa xã: 37 người TH TTCG: 193 người Nhà Văn hóa TTCG: 102 người Nhà TTVH xã: 43 người Trường MGSB: 55 người		
11	Xã Lương Hòa Lạc	115	0	115	536	0	536	Nhà văn hóa xã: 120 người trường THCS LHL: 163 người Chùa cao Đài: 37 người Tiểu học Phú Kiết: 77 người Nhà văn hóa xã: 68 người NVH liên ấp Phú Lợi C: 11 người Trường M. giáo: 60 người		

TT	Tên xã/phường	Số hộ			Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến		Phương tiện di chuyển
		Di dời	Sơ tán	Tổng	Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng	Di dời, sơ tán tại chỗ	Sơ tán sang địa phương khác	
12	Xã Vĩnh Bình	45	0	45	160	0	160	Trường THPT Nguyễn Văn Thìn: 50 Trường Tiểu Học Nguyễn Hữu Trí: 50 Trường THCS Nguyễn Văn Thiều: 60		Xe máy
		40	0	40	200	0	200	Trường THCS Nguyễn Đắc Thắng : 100 Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tươi: 50 Trường MN Thạnh Nhứt: 50		Xe máy
		36	0	36	182	0	182	Trường TH Phan Thế Đồng: 70 người Trường MN Thạnh Trị: 40 người Trường THCS Nguyễn Thanh Sơn: 42 người Nhà văn hóa xã: 30 người		Xe máy, xe ba gác máy
13	Xã Đồng Sơn	150	0	150	600	0	600	Trường tiểu học Huỳnh Văn Mảnh: 50 Trường Mầm non Bình Nhi: 50 Trạm y tế xã: 80 Nhà văn hóa xã: 80 Trường tiểu học Huỳnh Văn Mảnh (cơ sở 2): 60 Trung tâm dạy nghề: 100 Chùa Hai Nóc: 50 Chùa Long Thạnh: 50 Chùa An Dương: 50		Xe máy, xe khách
		100	0	100	499	0	499	Nhà văn hóa xã: 123 Trường TH Trần Văn Thiện: 50 Trường THCS Võ Đăng Được: 17 Trường MG Đồng Thạnh: 39 Nhà dân kiên cố: 150		Xe máy, xe khách
		160	0	160	600	0	600	Nhà Văn Hóa xã 100 Trường Huỳnh Văn Phên 200 Trường Lê Minh Hương: 100 Nhà Văn Hóa Ấp Ninh Đồng: 200 Thánh Thất Đồng Sơn: 200		Xe máy, xe ba gác máy
14	xã Phú Thành	146	0	146	450	0	450	Trường tiểu học Đỗ Văn Châu: 100 Nhà văn hóa xã: 150 Trường Mầm non: 100 Nhà văn hoá ấp: 100		Xe máy, xe ba gác máy
		17	0	17	86	0	86	Trường Tiểu Học Hồ Biểu Chánh: 86		Xe máy, xe ba gác máy
		100	0	100	427	0	427	Nhà văn hóa xã: 130 Trụ sở ấp: 177 Nhà văn hóa ấp: 120		xe máy

TT	Tên xã/phường	Số hộ			Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến		Phương tiện di chuyển
		Di dời	Sơ tán	Tổng	Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng	Di dời, sơ tán tại chỗ	Sơ tán sang địa phương khác	
15	Xã Vĩnh Hựu	171	0	171	684	0	684	Nhà Văn hóa xã Long Vĩnh: 92 Trường mầm non Long Vĩnh: 183 Trụ sở ấp Thới An A: 144 Trụ sở ấp Thới An B: 22 Trụ sở ấp Vĩnh Quới: 97 Trụ sở ấp Phú Quới: 75 Trụ sở ấp Hưng Hòa: 71		Xe máy, xe ba gác máy
		74	0	74	520	0	520	Trường THCS Nguyễn Thị Bảy: 347 Nhà văn hoá xã: 173		Xe máy, xe ba gác máy
16	Xã Long Bình	63	0	63	196	0	196	Trường Tiểu học Lê Thành Tảng: 100 Trường MG Long Bình: 96		Xe máy, xe ba gác máy
		251	0	251	996	0	996	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trù: 500 Trường THCS Huỳnh Xuân Việt: 200 Nhà văn hóa xã: 176 Nhà văn hoá ấp Hoà Thạnh: 60 Nhà văn hoá ấp Lợi An: 60		Xe máy, xe ba gác máy
17	Phường Gò Công	4	3	10	22	17	39	Tự sơ tán đến các nhà dân kiên cố (22người) Trung tâm Văn hóa - Thể thao Phường 1 (17 người)		Xe máy
		1	2	3	7	10	17	Tự sơ tán đến các nhà dân kiên cố (7 người) Trung tâm Văn hóa - Thể thao Phường 5 (10 người)		Xe máy
		8	4	12	42	20	62	Tự sơ tán đến các nhà dân kiên cố (42 người) 2 nhà Văn hóa Liên Khu phố(10 người) Trung tâm Văn hóa - Thể thao Phường Long Hòa (10 người)		Xe máy
18	Phường Long Thuận	3	4	9	16	20	36	Tự sơ tán đến các nhà dân kiên cố (16 người) Trung tâm Văn hóa - Thể thao Phường 2 (20 người)		Xe máy
		9	4	13	47	20	67	Tự sơ tán đến các nhà dân kiên cố (47 người) 2 Nhà Văn hóa Liên Khu phố (10 người) Trung tâm Văn hóa - Thể thao Phường Long Thuận (10 người)		Xe máy
19	Phường Sơn Qui	9	4	13	46	20	66	Tự sơ tán đến các nhà dân kiên cố (46 người) 2 Nhà Văn hóa Liên KP (10 người) Hội trường phường Sơn Qui (10 người)		Xe máy
		40	24	64	200	120	320	Tự sơ tán đến các nhà dân kiên cố (200 người) 2 Nhà Văn hóa Liên ấp (20 người) Hội trường Công an phường Sơn Qui (30 người) Trường Trung học Cơ sở Bình Đông (70 người)		Xe máy

TT	Tên xã/phường	Số hộ			Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến		Phương tiện di chuyển
		Di dời	Sơ tán	Tổng	Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng	Di dời, sơ tán tại chỗ	Sơ tán sang địa phương khác	
		30	20	50	150	100	250	Tự sơ tán đến các nhà dân kiên cố (150 người) 2 Nhà Văn hóa Liên ấp (10 người) Hội trường UBND phường Sơn Qui (20 người) Trường THCS Tân Trung (70 người)		Xe máy
20	Phường Bình Xuân	18	4	22	89	20	109	Tự sơ tán đến các nhà dân kiên cố (89 người); 2 Nhà Văn hóa liên KP (10 người); Trung tâm Văn hóa - Thể thao Phường Long Chánh (10 người)		Xe máy
		50	30	80	250	150	400	Tự sơ tán đến các nhà dân kiên cố (250 người) 3 Nhà Văn hóa Liên ấp (30 người) Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Bình Xuân (40 người) Trường Tiểu học Bình Xuân 2 (40 người) Trường Trung học cơ sở Bình Xuân (40 người)		Xe máy
21	Xã Gò Công Đông	825	0	825	4.126	0	4.126	Đồn Biên phòng Tân Thành: 300 người Trung tâm VH-TT xã: 200 người Trường THCS Võ Duy Linh: 300 người Trường TH Tân Thành 2 (ấp Cầu Muống, gần UBND xã): 60 Trường TH Tân Thành 1 (ấp Chợ): 250 người Các điểm nhà văn hóa liên ấp: 200 người 250 Nhà dân kiên cố dọc ĐT 862, ĐH 07 và trên địa bàn xã: 2.019 người Trung tâm VH-TT xã: 200 người Trường TH Võ Thị Lớ: 300 người Trường THCS Võ Văn Dánh: 147 người Trường Mầm non Tăng Hòa: 150 người		
22	Xã Tân Hòa	394	0	394	1.968	0	1.968	Trường TH Tân Hòa (ấp Lò Gạch): 150 người Trường Mầm non Tân Hòa: 150 người Trung tâm VH-TT xã: 200 người Trường TH Phước Trung 1: 200 người Trường TH Phước Trung 2: 200 người Trường Mầm non Phước Trung: 200 người Trung tâm VH-TT xã: 200 người Trường Tiểu học Bình Nghị: 300 người Trường THCS Nguyễn Trọng Dân: 218 người Trường Mầm non Bình Nghị: 150 người		
23	Xã Tân Điện	356	0	356	1.780	0	1.780	Trung tâm VH-TT xã: 100 người Trường THCS Bình Ân: 200 người Trường Mầm non Bình Ân: 300 người Trường TH Tân Điện: 325 người Trường THCS Võ Văn Kiệt: 250 người Trường Mầm non Tân Điện: 200 người Trung tâm VH-TT xã: 200 người Chùa Phước Trường: 170 người 15 nhà dân kiên cố khu vực trung tâm xã: 135 người		

TT	Tên xã/phường	Số hộ			Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến		Phương tiện di chuyển
		Di dời	Sơ tán	Tổng	Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng	Di dời, sơ tán tại chỗ	Sơ tán sang địa phương khác	
24	Xã Tân Đông	897	0	897	4.487	0	4.487	Trường Tiểu học Tân Đông: 50 Trung tâm VH-TT xã: 200 người Trường THCS Lê Quốc Việt: 200 người Trường Mầm non Tân Đông: 200 người Trung tâm VH-TT xã: 200 người Các điểm nhà văn hóa hóa liên ấp: 150 người Trường THCS Phùng Thanh Vân: 300 người Trường TH Tân Phước 1: 50 Trường TH Tân Phước 2: 250 người Trường Mầm non Tân Phước : 200 người Hưng Hòa Tự (ấp 8): 150 người Chùa Linh Sơn (ấp 7): 150 người 200 nhà dân kiên cố dọc ĐT 871B, ĐT 873B, ĐH 01 và khu vực trung tâm xã: 1.637 người Trường THCS Võ Văn Chinh: 50 Trường Tiểu học Tân Tây 2: 50 Trung tâm VH-TT xã: 200 người Trường Tiểu học Tân Tây 1: 300 người Trường Mầm non Tân Tây: 200 người		
25	Xã Gia Thuận	1.252	0	1.252	6.262	0	6.262	Trung tâm VH-TT xã: 200 người Trường TH Gia Thuận: 400 người Trường Mầm non Gia Thuận: 200 người 30 nhà dân kiên cố dọc ĐH 06, ĐH 02: 150 người Trung tâm VH-TT xã: 200 người Các điểm nhà văn hóa liên ấp: 200 người Trường TH Kiểng Phước 1): 250 người Trường TH Kiểng Phước 2: 50 Trường Mầm non Kiểng Phước: 200 người Chùa Phước Quang: 200 người 260 nhà dân kiên cố dọc ĐT 871, ĐH 02, ĐH 07,...: 2.126 người Trường THCS Đoàn Hồng Phước: 250 người Trường TH Vàm Láng 1: 525 người Trường TH Vàm Láng 2: 250 người Trường Mầm non Vàm Láng: 200 người Thánh tịnh Vĩnh Minh Quang: 150 người Chùa Phước Hòa: 100 người 70 nhà dân kiên cố dọc ĐT 871 và khu vực trung tâm thị trấn: 611 người		

TT	Tên xã/phường	Số hộ			Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến		Phương tiện di chuyển
		Di dời	Sơ tán	Tổng	Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng	Di dời, sơ tán tại chỗ	Sơ tán sang địa phương khác	
26	Xã Tân Thới	0	0	0	402	0	402	Trường Tiểu học Tân Thới điểm ấp Tân Phú (52 người); Trường Tiểu học Tân Thới điểm ấp Tân Quý (18 người); Chùa Linh Bửu (38 người); Thánh thất cao đài Thanh Huệ Long (52 người); Trung tâm Văn hóa thể thao xã (50 người); Nhà văn hóa liên ấp Tân Bình - Tân Hiệp (12 người); Trường tiểu học Tân Thới điểm ấp Tân Hiệp (33 người); Trường THCS-THPT Tân Thới (50 người); Trường mầm non Tân Thới (64 người); Nhà thờ Rạch Cầu (33 người)		Xe máy, xe ô tô
		0	0	0	320	722	1.042	Trường Tiểu học Tân Phú điểm Tân Xuân (77 người); Nhà Thờ tin lành Tân Phú (20 người); Thất Cao Đài Tân Phú (20 người); nhà văn hóa liên ấp Tân Xuân - Tân Thạnh (42 người); Trụ sở UBND xã (26 người); Trường Mầm non Tân Phú (20); Nhà văn hóa xã Tân Phú (80 người); Trường Tiểu học Tân Phú điểm Tân Thạnh (35 người)	Dân tự sơ tán 722 người	Xe máy, xe ô tô
		0	0	0	1		1	Nhà văn hóa liên ấp Tân Hòa - Tân Lập (200 người); Trường tiểu học điểm Tân Hòa (100 người); Trụ sở ấp Tân Hòa (36 người); Nhà văn hóa xã (171 người); Trụ sở ấp Tân Lập (20 người); Trường mầm non Tân Thạnh (104 người); Trường tiểu học Tân Thạnh (220 người); Trụ sở UBND xã (53 người); Nhà văn hóa liên ấp Tân Bình (171 người); Trụ sở ấp Tân Bình (20 người); Trường tiểu học điểm Tân Đông (103 người)		Xe máy, xe ô tô
27	Xã Tân Phú Đông	0	0	0	770		770	Trường mầm non xã Phú Thạnh (109 người); Trường học cấp 2-3 Phú Thạnh (158 người); Trường tiểu học Phú Thạnh điểm Tân Phú (133 người); Trung tâm hội nghị và nhà ăn xã (162 người); Trường Tiểu học Phú Thạnh điểm Bà Lắm (38 người); Trụ sở UBND xã (170 người)		Xe máy, xe ô tô
		0	0	0	884		884	Trường TH Bà Tiên 1 (100 người). Trường THCS Phú Đông (428 người) Trường tiểu học Phú Đông (122 người). Nhà nguyện Phaolo (234 người).		Xe máy, xe ô tô
		0	0	0	2	2	4	Trụ sở UBND xã (300 người); Đồn Biên phòng Phú Tân (500 người); Trường Tiểu học Phú Tân điểm Pháo Đài (150 người); Trường TH-THCS Phú Tân (941 người); Nhà văn hóa xã (250 người); nhà văn hóa liên ấp Bà Từ - Pháo Đài (50 người); Trường Mầm non Phú Tân (150 người); Trụ sở ấp Bà Từ (30 người) Chi cục Thuế (82 người); Viện kiểm sát (357 người); Trung tâm Hội nghị xã (1.080 người);		Xe máy, xe ô tô
28	Xã An Hữu	116	7	123	580	35	615	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		86	5	91	430	26	455	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		135	8	143	674	40	714	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		120	7	127	600	36	636	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy

TT	Tên xã/phường	Số hộ			Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến		Phương tiện di chuyển
		Di dời	Sơ tán	Tổng	Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng	Di dời, sơ tán tại chỗ	Sơ tán sang địa phương khác	
29	Xã Thanh Hưng	97	6	103	485	29	514	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		81	5	86	407	24	432	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
30	Xã Mỹ Lợi	77	5	82	386	23	409	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		85	5	90	425	26	451	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		55	3	58	275	16	292	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
31	Xã Mỹ Đức Tây	109	7	116	547	33	580	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		81	5	86	405	24	430	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		74	4	78	368	22	390	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
32	Xã Mỹ Thiện	67	4	71	334	20	354	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		65	4	69	326	20	345	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		42	3	45	208	13	220	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
33	Xã Cái Bè	146	9	155	731	44	775	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		111	7	118	554	33	587	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		131	8	139	653	39	692	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
34	Xã Hội Cư	102	6	108	509	31	540	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		56	3	59	279	17	295	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		65	4	69	323	19	342	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		107	6	113	534	32	566	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
35	Xã Hậu Mỹ	77	5	82	385	23	408	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		105	6	111	523	31	555	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		69	4	73	346	21	367	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
36	Xã Mỹ Thành	28	0	28	138	0	138	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		45	0	45	225	0	225	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		45	0	45	225	0	225	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
37	Xã Bình Phú	10	0	10	50	0	50	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		48	0	48	240	0	240	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		40	0	40	200	0	200	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
38	Xã Hiệp Đức	45	0	45	225	0	225	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		40	0	40	200	0	200	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		70	0	70	350	0	350	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
39	Xã Long Tiên	38	0	38	190	0	190	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		45	0	45	225	0	225	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		36	0	36	180	0	180	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
40	Xã Ngũ Hiệp	48	0	48	240	0	240	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		50	0	50	250	0	250	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
41	Xã Vĩnh Kim	47	0	47	236	0	236	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		80	0	80	400	0	400	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
42	Xã Kim Sơn	6	0	6	30	0	30	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		20	0	20	100	0	100	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		67	0	67	336	0	336	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
43	Xã Bình Trung	60	0	60	296	0	296	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		142	0	142	710	0	710	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		60	0	60	300	0	300	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
44	Xã Long Định	8	0	8	40	0	40	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		92	0	92	460	0	460	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		40	0	40	200	0	200	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		85	0	85	425	0	425	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy

TT	Tên xã/phường	Số hộ			Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến		Phương tiện di chuyển
		Di dời	Sơ tán	Tổng	Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng	Di dời, sơ tán tại chỗ	Sơ tán sang địa phương khác	
45	Xã Long Hưng	40	0	40	200	0	200	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		66	0	66	330	0	330	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
46	Xã Châu Thành	33	0	33	164	0	164	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		20	0	20	100	0	100	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		100	0	100	500	0	500	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
47	Xã Tân Hương	72	0	72	361	0	361	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		103	0	103	515	0	515	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		2	0	2	12	0	12	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
48	Phường Mỹ Phước Tây	0	5	5	0	16	16	Nhà văn hóa Phường		Xe máy, xe khách
		0	0	0	0	0	0	Nhà văn hóa, hội trường xã, nhà văn hóa liên ấp		Xe máy
		0	34	34	0	112	112	Nhà văn hóa xã, Hội trường UBND xã, Trường học, Nhà văn hóa liên ấp, các cơ sở tôn giáo		Xe máy
		31	9	40	115	28	143	Nhà văn hóa, hội trường Xã, Chùa Long Thành, Trường mầm non, trường tiểu học, trường Trung học cơ sở		Xe máy
49	Phường Thanh Hòa	0	150	150	0	750	750	Nhà văn hóa, Trụ sở tôn giáo, Trường học...		xe máy, ô tô tải...
		49	5	54	147	15	162	Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, trụ sở ấp 3,5,6,7; Trường mầm non, trường tiểu học, trường Trung học cơ sở		Xe máy
		5		5	12		12	Nhà văn hóa		xe ô tô
50	Phường Cai Lậy	4	11	15	8	23	31	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		0	58	58	0	55	55	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		xe máy
			30	30		100	100	Trường THCS Thái Thị Kim Hồng		Xe máy
51	Phường Nhị Quý	0	35	35	0	250	250	Nhà văn hóa, hội trường phường, Trường học		Xe máy
			1	1		4	4	Nhà văn hóa xã		Xe máy
		0	24	24	0	84	84	Nhà văn hóa xã 20, Các điểm Trường học 64		Xe máy
B	RRTT cấp độ 4, 5	29.518	6.215	35.733	155.565	51.994	207.559			
1	Phường Mỹ Tho	160	0	160	800	0	800	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu (500 người) Trường TH Thủ Khoa Huân (200 người) Trường Tiểu học Nguyễn Trãi (100 người)		xe máy
		100	0	100	500	0	500	Trường tiểu học Hồ Văn Nhánh (100 người) Nhà văn hóa phường 2 cũ (100 người) Nhà văn hóa phường 3 cũ (150 người) Trường tiểu học Hoàng Hoa Thám (100) Nhà văn hóa phường 8 cũ (50 người)		xe máy
		10	0	10	50	0	50	Nhà văn hóa phường (50 người)		xe máy
		40	0	40	200	0	200	Nhà văn hóa phường (100 người) Trường tiểu học Tân Long (100 người)		xe máy
2	Phường Đạo Thạnh	20	0	20	100	0	100	Nhà văn hóa phường (100 người)		xe máy
		30	0	30	150	0	150	Nhà văn hóa phường (150 người)		xe máy
		20	0	20	100	0	100	Nhà văn hóa xã (100 người)		xe máy
		20	0	20	100	0	100	Trường Tiểu học Nguyễn Huệ (100 người)		xe máy

TT	Tên xã/phường	Số hộ			Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến		Phương tiện di chuyển
		Di dời	Sơ tán	Tổng	Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng	Di dời, sơ tán tại chỗ	Sơ tán sang địa phương khác	
3	Phường Thới Sơn	60		60	300	0	300	Nhà văn hóa xã (100 người) Trường Tiểu học Thới Sơn (100 người) Trường THCS Thới Sơn (100 người)		xe máy
4	Phường Mỹ Phong	20	0	20	100	0	100	Nhà văn hóa phường (100 người)		xe máy
		40	0	40	200	0	200	Di dời đến Nhà văn hóa xã (100 người), trường Cao đẳng nông nghiệp Nam Bộ (100 người)		xe máy
		40	0	40	200	0	200	Nhà văn hóa xã (100 người) Trường tiểu học Thạnh Trị (100 người)		xe máy
5	Phường Trung An	20	0	20	100	0	100	Di dời đến Nhà văn hóa phường (100 người)		xe máy
		30	0	30	150	0	150	Nhà văn hóa xã (100 người) Trường Tiểu học Trung An (50 người)		xe máy
		30	0	30	150	0	150	Nhà văn hóa xã (100 người) Trường Tiểu học Phước Thạnh (50 người)		xe máy
6	Xã An Thạnh Thủy	161	0	161	820	0	820	Nhà văn hóa xã: 125 người		Xe honda, xe ba gác máy
								Hội trường UBND xã: 75 người		
								Chùa Linh Thạnh: 135 người		
								Nhà VH liên ấp An Khương-Thạnh Kiết: 100 người		
								Trường Tiểu học ATT cơ sở 1: 200 người		
								Trường Tiểu học ATT cơ sở 2: 185 người		
		56	0	56	281	0	281	Chùa Long Phan: 53 người		Xe honda, xe ba gác máy
								Nhà văn hóa liên ấp: 26 người		
								Nhà văn hóa ấp Bình Ninh: 29 người		
								Chùa trường Bình: 58 người		
								Trường tiểu học Bình phan: 33 người		
								Trường mầm non Bình Phan: 49 người		
		64	0	64	319	0	319	Hội trường xã: 33 người		Xe honda, xe ba gác máy
								Trường Tiểu học Bình Phục Nhứt: 165 người		
								Nhà Văn Hóa xã: 83 người		
								Trường cấp 2 Bình Phục Nhứt: 40 người		
								Nhà VH liên ấp BT1, BT 2: 31 người		
7	Xã Bình Ninh	58	0	58	291	0	291	Trường THCS BN: 116 người		Xe honda, xe ba gác máy
								Trường TH BN: 120 người		
								Trường MN Bình Ninh: 55 người		
		123	0	123	613	0	613	Mầm non Hòa Định: 298 người		Xe honda, xe ba gác máy
								Nhà Văn Hóa Liên ấp Hòa Thành - Nhơn Hòa - An Cư: 72 người		
								UBND xã: 110 người		
		150	0	150	742	0	742	Trung tâm văn hóa thể thao xã: 133 người		Xe honda, xe ba gác máy
								Trường mầm non Xuân Đông: 135 người		
								THCS Xuân Đông: 180 người Tiểu học Xuân Đông: 285 người		

TT	Tên xã/phường	Số hộ			Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến		Phương tiện di chuyển							
		Di dời	Sơ tán	Tổng	Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng	Di dời, sơ tán tại chỗ	Sơ tán sang địa phương khác								
								Hội trường UBND xã: 40 người Nhà văn hóa xã: 102 người		Xe ba gác máy							
8	Xã Tân Thuận Bình	63	0	63	316	0	316	Trường THCS ĐHP: 128 người Nhà Văn hóa Hưng Ngãi: 26 người Nhà văn hóa xã: 78 người Trường tiểu học: 84 người		Xe honda, xe ba gác máy							
								113			0	113	567	0	567	Trường THCS Quơn Long: 285 người Trường tiểu học Quơn Long: 79 người Nhà văn hóa liên ấp QT-QP-QN-QK: 60 người Nhà văn hóa liên ấp LA-LHO-LHI: 143 người	Xe honda, xe ba gác máy
		118	0	118	590	0	590	Nhà Văn Hóa xã TTB: 100 người Hội trường UBND xã: 128 người Trường Tiểu học TTB: 110 người Trường Mầm Non TTB: 252 người	Xe honda, xe ba gác máy								

9	Xã Mỹ Tịnh An	145	0	145	725	0	725	Nhà Văn Hóa xã: 112 người Hội trường UBND xã: 70 người Trường Mẫu giáo Hòa Tịnh: 191 người Nhà Văn Hóa liên ấp Hòa Ninh - Hòa Bình: 72 người Trường Tiểu Học Hòa Tịnh (ấp Hòa Bình): 160 người Trường Tiểu học Hòa Tịnh (ấp Hòa Phú): 120 người		Xe honda, xe ba gác máy									
								61			0	61	307	0	307	Nhà văn hóa xã: 125 người Trường THCS TBT: 73 người Nhà Văn Hóa liên ấp: 62 người Trường TH TBT: 47 người	Xe honda, xe ba gác máy		
								55			0	55	275	0	275	Nhà Văn Hóa Liên ấp: 60 người Trường Mầm Non (cũ): 100 người Trường Tiểu Học MTA: 80 người Hội trường UBND xã: 35 người	Xe honda, xe ba gác máy		
		18	0	18	88		88	Nhà VH liên ấp: 38 người Nhà VH xã: 50 người	Xe honda, xe ba gác máy										
		10	Xã Chợ Gạo	62	0	62	309	0	309	Mầm non (CS3): 48 người Liên ấp +Trụ sở ấp: 34 người TH -LBĐ: 99 người Nhà Văn Hóa xã: 128 người		Xe honda, xe ba gác máy							
										49			0	49	216	0	216	Nhà TTVH xã: 87 người Trường MGSB: 75 người Nhà VH liên ấp Bình Hòa A- Bình Thuận: 29 người Hội Trường UBND xã: 25 người	Xe honda, xe ba gác máy
49	0			49	295		295	TH TTCG: 173 người Nhà Văn hóa TTCG: 102 người	Xe honda, xe ba gác máy										
				146	0	146	730	0	730	Nhà văn hóa xã : 140 người Trường THCS LHL: 133 người Trường tiểu học LP: 192 người Chùa cao Đài: 265 người	Xe honda, xe ba gác máy								

TT	Tên xã/phường	Số hộ			Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến		Phương tiện di chuyển
		Di dời	Sơ tán	Tổng	Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng	Di dời, sơ tán tại chỗ	Sơ tán sang địa phương khác	
11	Xã Lương Hòa Lạc	31	0	31	156	0	156	Tiểu học Phú Kiết: 77 người		Xe honda, xe ba gác máy
								Nhà văn hóa xã: 68 người		
								NVH liên ấp Phú Lợi C: 11 người		
		49	0	49	243	0	243	Trường M. giáo: 75 người		Xe honda, xe ba gác máy
								Trường Tiểu học: 81 người		
								Trường THCS: 87 người		
12	Xã Vĩnh Bình	500	0	500	1.800		1.800	Trường THPT Nguyễn Văn Thìn: 700 Trường Tiểu Học Nguyễn Hữu Trí: 500 Trường THCS Nguyễn Văn Thiều: 700 Trường Mầm Non Măng Non: 500		xe máy
								Trường TH Phan Thế Đông: 67 người Trường MN Thanh Trị: 50 người trường THCS Nguyễn Thanh Sơn: 100 người Nhà văn hóa xã: 47 người		
								Trường THCS Nguyễn Đắc Thắng: 200 Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tươi: 100 Trường MN Thanh Nhứt: 100		
		71	0	71	264	0	264			Xe máy, xe ô tô
13	Xã Đồng Sơn	570	0	570	2.000	0	2.000	Trường tiểu học Huỳnh Văn Mảnh: 300 Trường Mầm non Bình Nhi: 300 Trạm y tế xã: 300 Nhà văn hóa xã: 400 Trường tiểu học Huỳnh Văn Mảnh (cơ sở 2): 100 Trung tâm dạy nghề: 1000 Chùa Hai Nóc: 100 Chùa Long Thạnh: 100 Chùa An Dương: 100		Xe máy, xe khách
		119	0	119	594	0	594	Nhà văn hóa xã: 139 Nhà văn hóa ấp: 136 Trường TH Trần Văn Thiện: 66 Trường THCS Võ Đăng Được: 33 Trường MG Đồng Thạnh: 55 Nhà dân kiên cố: 165		Xe máy, xe khách
14	Xã Phú Thành	231	0	231	730	0	730	Nhà Văn Hóa xã 200 Trường Huỳnh Văn Phên 300 Trường Lê Minh Hương: 200 Nhà Văn Hóa Ấp Ninh Đồng: 200 Thánh Thất Đồng Sơn: 300		Xe máy, xe ba gác máy
		28	0	28	138	0	138	Trường tiểu học Đỗ Văn Châu: 150 Trường Mầm non Bình Phú: 130 Nhà văn hóa xã: 200 Nhà văn hóa ấp: 150 Nhà kiến cổ: 100		Xe máy, xe ba gác máy
		28	0	28	138	0	138	Trường Tiểu Học Hồ Biểu Chánh: 80 Trường Mẫu Giáo Thành Công: 58		Xe máy, xe ba gác máy

TT	Tên xã/phường	Số hộ			Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến		Phương tiện di chuyển
		Di dời	Sơ tán	Tổng	Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng	Di dời, sơ tán tại chỗ	Sơ tán sang địa phương khác	
		150	0	150	625	0	625	Nhà văn hóa xã: 150 Trụ sở ấp: 250 Nhà văn hóa ấp: 225		xe máy
15	Xã Vĩnh Hựu	283	0	283	1.132	0	1.132	Nhà Văn hóa xã Long Vĩnh: 92 Trường mầm non Long Vĩnh: 183 Trụ sở ấp Thới An A: 144 Trụ sở ấp Thới An B: 22 Trụ sở ấp Vĩnh Quới: 97 Trụ sở ấp Phú Quới: 75 Trụ sở ấp Hưng Hòa: 71 Trạm y tế xã Long Vĩnh: 448		Xe máy, xe ba gác máy
		350	0	350	1.050	0	1.050	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Tốt: 120 Nhà văn hoá xã: 400 Trường THCS Nguyễn Thị Bảy: 530		Xe máy, xe ba gác máy
16	Xã Long Bình	299	0	299	998	0	998	Trường Tiểu học Lê Thành Tăng: 200 Trường MG Long Bình: 200 Trường TH Nguyễn Văn Nhiều: 200 Trường THCS, THPT Long Bình: 398		Xe máy, xe ba gác máy
		326	0	326	1.437	0	1.437	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trừ: 620 Trường THCS Huỳnh Xuân Việt: 467 Nhà văn hoá xã: 200 Nhà văn hoá ấp Hoà Thạnh: 50 Nhà văn hoá ấp Lợi An: 100		Xe máy, xe ba gác máy
17	Phường Gò Công	6	6	15	30	30	60	Tự sơ tán đến các nhà dân kiên cố (30 người) Trường THCS Phường 1 (30 người)		Xe máy
		3	3	6	15	15	30	Tự sơ tán đến các nhà dân kiên cố (15 người) Trung tâm Văn hóa - Thể thao Phường 5 (15 người)		Xe máy
		11	6	17	55	30	85	Tự sơ tán đến các nhà dân kiên cố (55 người) 2 Nhà Văn hóa Liên KP (10 người) Trung tâm Văn hóa - Thể thao Phường Long Hòa (20 người)		Xe máy
18	Phường Sơn Qui	11	6	17	55	30	85	Tự sơ tán đến các nhà dân kiên cố (55 người) 2 nhà Văn hóa Liên Khu phố (10 người) Trung tâm Văn hóa - Thể thao Phường Long Hưng (10 người) Trường Tiểu học Long Hưng (10 người)		Xe máy
		40	30	70	200	150	350	Tự sơ tán đến các nhà dân kiên cố (200 người) 2 Nhà Văn hóa Liên ấp (10 người) TT Văn hóa - Thể thao xã Tân Trung (20 người) Trường THCS Tân Trung (70 người) Trường Tiểu học Tân Trung (50 người)		Xe máy
		50	36	86	250	180	430	Tự sơ tán đến các nhà dân kiên cố (250 người) 2 Nhà Văn hóa Liên ấp (20 người) TT Văn hóa - Thể thao xã Bình Đông (40 người) Trường Tiểu học Bình Đông (40 người) Trường Trung học Cơ sở Bình Đông (80 người)		Xe máy
		6	5	14	30	27	57	Tự sơ tán đến các nhà dân kiên cố (30 người); Trường Tiểu học Phường 2 (27 người)		Xe máy

TT	Tên xã/phường	Số hộ			Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến		Phương tiện di chuyển
		Di dời	Sơ tán	Tổng	Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng	Di dời, sơ tán tại chỗ	Sơ tán sang địa phương khác	
19	Phường Long Thuận	11	6	17	55	30	85	Tự sơ tán đến các nhà dân kiên cố (55 người) 2 Nhà Văn hóa Liên Khu phố (10 người) Trung tâm Văn hóa - Thể thao Phường Long Thuận (10 người) Trường Tiểu học Long Thuận (10 người)		Xe máy
20	Phường Bình Xuân	20	6	26	100	30	130	Tự sơ tán đến các nhà dân kiên cố (100 người) 2 Nhà Văn hóa liên KP (10 người) Trung tâm Văn hóa - Thể thao Phường Long Chánh (20 người)		Xe máy
		60	40	100	300	200	500	Tự sơ tán đến các nhà dân kiên cố (300 người) 3 Nhà Văn hóa Liên ấp (30 người) TT Văn hóa - Thể thao xã Bình Xuân (30 người) Trường Tiểu học Bình Xuân 2 (40 người) Trường Trung học Cơ sở Bình Xuân (70 người) Trường Tiểu học Bình Xuân 1 (30 người)		Xe máy
21	Xã Gia Thuận	505	1.510	2.015	2.525	7.543	10.068	Trường THCS Đoàn Hồng Phước: 250 người	*Phường Long Thuận: 4.693 người + Trường Tiểu học: 800 người + Nhà thi đấu đa năng: 600 người + Trường THCS: 1.100 người + Trung tâm VH-TT: 200 người + Tịnh xá Ngọc Hiệp: 200 người + Hưng Thành Tự: 200 người + Nhà thể thao trường THPT Trương Định: 893 người	Xe ô tô, xe máy
								Trường TH Vàm Láng (KP Chợ 1): 200 người		
								Trường TH Vàm Láng (KP 2): 250 người		
								Thánh tịnh Vĩnh Minh Quang: 150 người		
								Chùa Phước Hòa: 150 người		
								Trung tâm VH-TT: 100 người		
21	Xã Gia Thuận	1.166	580	1.746	5.830	2.900	8.730	180 nhà dân kiên cố dọc ĐT 871 và khu vực trung tâm thị trấn: 1.425 người	+ Hưng Thành Tự: 200 người + Nhà thể thao trường THPT Trương Định: 893 người	Xe ô tô, xe máy
								Trung tâm VH-TT xã : 200 người		
								Trường Tiểu học Kiểng Phước (ấp Chợ): 400 người		
								Trường Tiểu học Kiểng Phước (ấp Xóm Đình): 400 người		
								Chùa Hưng Kiểng: 150 người		
								Chùa Phước Quang: 200 người		
21	Xã Gia Thuận	1.166	580	1.746	5.830	2.900	8.730	Trường THPT Gò Công Đông: 1.000 người	+ Trường mầm non: 200 người + Nhà dân kiên cố trên địa bàn: 600 người	Xe ô tô, xe máy
								435 nhà dân kiên cố trên địa bàn xã: 3.480 người		
		290	150	440	1.450	750	2.200	Trung tâm VH-TT: 200 người	*Phường Long Thuận: 750 người + Trung tâm VH-TT: 100 người + Trường Tiểu học: 400 người + Nhà dân kiên cố trên địa bàn: 250 người	Xe ô tô, xe máy
								Trường Tiểu học: 550 người		
								90 nhà dân kiên cố trên địa bàn xã: 700 người		
22	Xã Tân Hoà	155	0	155	767	0	767	Trung tâm VH-TT xã : 200 người		Xe máy
								Trường THCS Võ Văn Dánh: 300 người		
								Trường Tiểu học Võ Thị Lớ: 300 người		
		240	0	240	1.200	0	1.200	Trường THCS: 400 người		Xe máy
								Trường Tiểu học: 400		
								Trung tâm VH-TT: 200 người		
22	Xã Tân Hoà							Chùa Phổ Môn: 200 người		
								Hưng Đức tự: 150 người		

TT	Tên xã/phường	Số hộ			Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến		Phương tiện di chuyển
		Di dời	Sơ tán	Tổng	Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng	Di dời, sơ tán tại chỗ	Sơ tán sang địa phương khác	
		30	0	30	400	0	400	Đông Nam Phật đường: 150 người 12 nhà dân kiên cố trên địa bàn thị trấn: 100 người		Xe máy
23	Xã Gò Công Đông	300	0	300	1.500	0	1.500	25 nhà dân kiên cố trên địa bàn xã: 200 người Trung tâm VH-TT xã: 500 người Trường Tiểu học Võ Thị Lớ: 300 người 25 nhà dân kiên cố trên địa bàn xã: 200 người Trung tâm VH-TT xã: 500 người	*Phường Gò Công: 3.325 người + Trường THCS: 600 người + Chùa Huệ Quang: 400 người + Chùa Bửu Minh: 200 người + Chùa Bửu Thanh: 200 người + Trung tâm VH-TT: 200 người + Nhà dân kiên cố trên địa bàn: 625 người + Trường THPT Gò Công: 1.100 người	
								Trung tâm VH-TT xã: 200 người Trường THCS Võ Duy Linh: 400 người Trường Tiểu học Tân Thành (ấp Chợ): 300 người Trường Tiểu học Tân Thành (ấp Cầu Muống): 400 người Ban Chỉ huy QS xã: 500 Trường THPT Nguyễn Văn Côn: 1.100 người		Xe ô tô, xe máy
		1.270	845	2.115	6.335	4.225	10.560	Hội trường UBND xã: 300 người 355 nhà dân kiên cố trên địa bàn xã: 2.835 người		
		60		60	300		300			
		567		567	2.835		2.835			
24	Xã Tân Điền	520	348	868	2.590	1.730	4.320	Trung tâm VH- TT: 200 người Trường THCS Võ Văn Kiệt: 400 người Trường Tiểu học Tân Điền: 500 người 185 nhà dân kiên cố: 1.490 người	*Phường Long Thuận: 600 người + Tịnh xá Ngọc Quang: 400 người + Chùa Thanh Trước: 100 người + Trung Tâm VH-TT: 100 người *Phường 1-TXGC: 1.130 người + Chùa An Sơn: 200 người + Chùa Thiêng Liêng: 300 người + Nhà dân kiên cố trên địa bàn: 630 người	Xe máy
								Trường THCS: 220 người Trường TH Nguyễn Thị Tư: 165 người Trung tâm VH-TT: 175 người		Xe máy
		115	0	115	560	0	560			
25	Xã Tân Đông	750	320	1.070	3.750	1.600	5.350	Trung tâm VH-TT: 300 người Trường THCS Phùng Thanh Vân: 500 người Trường TH Tân Phước (ấp 5): 600 người Trường TH Tân Phước (ấp 2): 400 người Nhà thờ Tân Phước: 300 người 206 nhà dân kiên cố trên địa bàn xã: 1.650 người	*Phường Bình Xuân: 1.600 người + Trường THCS cũ: 700 người + Trung tâm VH-TT: 200 người + Chùa Tân Bửu: 200 người + Trường TH Long Chánh: 500 người	Xe máy
								Trung tâm VH-TT: 200 người Trường THCS Lê Quốc Việt: 330 người Trường Tiểu học Tân Đông: 300 người		Xe máy
		166	0	166	830	0	830	Trung tâm VH-TT: 70 người Trường học THCS: 200 người Trường TH Tân Tây 1: 125 người Trường TH Tân Tây 2: 125 người Chùa Liên Hoa: 30 người 07 nhà dân kiên cố trên địa bàn xã: 50 người		
		120	0	120	600	0	600			Xe máy

TT	Tên xã/phường	Số hộ			Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến		Phương tiện di chuyển
		Di dời	Sơ tán	Tổng	Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng	Di dời, sơ tán tại chỗ	Sơ tán sang địa phương khác	
26	Xã Tân Thới	0	0	0	4.282	3.387	7.669	Trường Tiểu học Tân Thới điểm ấp Tân Phú (980 người); Trường Tiểu học Tân Thới điểm ấp Tân Quý (397 người); Chùa Linh Bửu (350 người); Thánh thất cao đài Thanh Huệ Long (603 người); Trung tâm Văn hóa thể thao xã (458 người); Nhà văn hóa liên ấp Tân Bình - Tân Hiệp (35 người); Trường tiểu học Tân Thới điểm ấp Tân Hiệp (225 người); Trường THCS-THPT Tân Thới (464 người); Trường mầm non Tân Thới (545 người); Nhà thờ Rạch Cầu (225 người)	Dân tự sơ tán 3.387 người Dân tự sơ tán (6.776 người)	xe máy, xe ô tô
		0	0	0	2.611	6.776	9.387	Trường Tiểu học Tân Phú điểm Tân Xuân (383 người); Thánh Thất Cao Đài Tân Phú (646 người); Trụ sở UBND xã (242 người); Trường Mầm non Tân Phú (240 người); Nhà văn hóa xã Tân Phú (605 người); Trường tiểu học Tân Phú điểm Tân Thạnh (495 người)		xe máy, xe ô tô
		0	0	0		3.941	3.941	Ban Chỉ huy Quân sự xã (801 người); Công an xã (828 người); Bảo hiểm xã hội xã (300 người); Trung tâm hội nghị và nhà ăn xã (500 người); Liên đoàn lao động xã (100 người); nhân dân tự sơ tán (2.000 người)		xe máy, xe ô tô
27	Xã Tân Phú Đông	0	0	0	359	3.481	3.840	Đồn biên phòng Phú Tân (88 người); Nhà văn hóa xã (182 người); Trường TH-THCS Phú Tân (89 người) Viện kiểm sát (150 người); Chi cục Thuế (100 người); Tòa án xã (100 người); Trung tâm dịch vụ nông nghiệp (100 người); Trung tâm giáo dục thường xuyên (210 người); Trường THPT Tân Phú Đông (678 người); Ban chỉ huy Quân sự xã (500 người); Trung tâm hội nghị và nhà ăn xã (1.643 người)	Người dân tự sơ tán 3.105 người	xe máy, xe ô tô
		0	0	0	3.400	3.105	6.505	Trường THCS Phú Đông (800 người) Trường tiểu học điểm Bà Tiên 1 (100 người). Nhà nguyện Phaolo (300 người). Trụ sở UBND xã (600 người). Trường tiểu học Phú Đông (600 người). Trường Mầm non Phú Đông (300 người). Nhà văn hóa xã (600 người). Nhà văn hóa Gành (50 người). Nhà văn hóa ấp Lý Quàn 1 - Lý Quàn 2 (50 người)		xe máy, xe ô tô
		0	0	0	6.128	1.982	8.110	Trường mầm non xã Phú Thạnh (1.012 người); Trường học cấp 2-3 Phú Thạnh (1.205 người); Trường tiểu học Phú Thạnh điểm Tân Phú (632 người); Trung tâm hội nghị và nhà ăn xã (1.475 người); Trường Tiểu học Phú Thạnh điểm Bà Lắm (710 người); Trụ sở UBND xã (1.094 người)		xe máy, xe ô tô
28	Xã An Hữu	490	29	519	2.449	147	2.596	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		570	34	604	2.845	171	3.016	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		363	22	385	1.815	109	1.923	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		507	30	537	2.534	152	2.686	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy

TT	Tên xã/phường	Số hộ			Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến		Phương tiện di chuyển
		Di dời	Sơ tán	Tổng	Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng	Di dời, sơ tán tại chỗ	Sơ tán sang địa phương khác	
29	Xã Thanh Hưng	409	24	433	2.047	123	2.170	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		344	20	364	1.720	103	1.824	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		326	20	346	1.630	98	1.727	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
30	Xã Mỹ Lợi	359	21	380	1.796	108	1.903	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		232	14	246	1.161	70	1.231	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		462	28	490	2.310	139	2.449	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
31	Xã Mỹ Đức Tây	342	20	362	1.712	103	1.815	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		311	18	329	1.555	93	1.648	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		282	17	299	1.411	85	1.496	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
32	Xã Mỹ Thiện	275	16	291	1.375	82	1.457	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		176	10	186	877	53	930	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		618	37	655	3.088	185	3.274	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
33	Xã Cái Bè	468	28	496	2.338	140	2.478	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		551	33	584	2.755	165	2.920	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		430	26	456	2.151	129	2.280	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
34	Xã Hội Cư	273	16	289	1.363	82	1.445	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		451	27	478	2.256	135	2.391	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		235	14	249	1.176	71	1.247	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		325	19	344	1.626	98	1.724	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
35	Xã Hậu Mỹ	442	26	468	2.209	133	2.342	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		292	17	309	1.460	88	1.548	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
								Nhà ông Nguyễn Thành Phụng		Xe máy
								Nhà ông Nguyễn Hoàng Đầu		Xe máy
								Nhà ông Lưu Thế Hiến		Xe máy
								Nhà ông Nguyễn Thanh Thảo		Xe máy
								Nhà ông Đoàn Văn Cẩn		Xe máy
								Nhà Văn Hóa xã		Xe máy
								Nhà văn hóa liên ấp		Xe máy
36	Xã Mỹ Thành							Trường THCS Mỹ Thành Nam, Trường THCS Mỹ Thành Nam, ấp 6, ấp 11, ấp 5		Xe máy
		120	0	120	600	0	600	Trường Tiểu Học Mỹ Thành Nam, ấp 7, ấp 10, ấp 9A		Xe máy
								Trường Mầm Non Mỹ Thành Nam, ấp 10, ấp 7		Xe máy
								Chùa Phước Lâm		Xe máy
								Nhà văn hóa liên ấp Phú Bình, Phú Thuận		Xe máy
		152	0	152	762	0	762	Nhà văn hóa liên ấp Chà Là, Phú Hòa		Xe máy
								Nhà Văn Hóa xã		Xe máy
								Trường tiểu học Phú Nhuận, ấp Phú Hòa		Xe máy
		19	0	19	94	0	94	Trường Phan Việt Thống, ấp Bình Ninh		Xe máy
37	Xã Bình Phú							Nhà Văn hóa xã		Xe máy
		190	0	190	950	0	950	Nhà Văn hóa ấp 6		Xe máy
								Nhà Hóa ấp 4		Xe máy
								Trường Nguyễn Tuấn Việt, ấp 2		Xe máy
								Nhà Văn hóa xã		Xe máy

TT	Tên xã/phường	Số hộ			Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến		Phương tiện di chuyển
		Di dời	Sơ tán	Tổng	Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng	Di dời, sơ tán tại chỗ	Sơ tán sang địa phương khác	
38	Xã Hiệp Đức	120	0	120	600	0	600	Trường tiểu học Cẩm Sơn		Xe máy
								Trường Trung học sơ sở Trần Minh Châu		Xe máy
								Trường tiểu học Cẩm Sơn, ấp 2		Xe máy
		120	0	120	600	0	600	Nhà Văn hóa xã		Xe máy
								Trường trung học cơ sở Hiệp Đức, ấp Hiệp Nhon		Xe máy
								Trường tiểu học Hiệp Đức, ấp Hiệp Phú, Hiệp Thanh		Xe máy
		120	0	120	600	0	600	Trường Tiểu học Hội Xuân(, ấp Xuân Quang, Hội Nghĩa, Hội Tín, Xuân Kiểng)		Xe máy
		210	0	210	1.050	0	1.050	Trường tiểu học Tân Phong, ấp Tân Bường A, Tân Luông A, Tân Thiện, Tân Thái, Tân An		Xe máy
								Trường THCS Tân Phong, ấp Tân Bường		Xe máy
								Trường Mầm Non Tân Phong, ấp Tân Bường A, Tân Thiện, Tân Thái		Xe máy
								Nhà Văn hóa xã		Xe máy
								Cụm Văn hóa ấp Tân Thiện		Xe máy
39	Xã Long Tiên	160	0	160	800	0	800	Trường TH Long Trung , ấp 17, ấp 12		Xe máy
								Cụm Văn Hóa ấp 14		Xe máy
								Trường Mầm Non Long Trung, ấp 1, ấp 12		Xe máy
		120	0	120	600	0	600	Trường THCS Phan Văn Cẩm		Xe máy
								Trường tiểu học Nguyễn Chí Liêm		Xe máy
								Hội trường UBND xã		Xe máy
								Nhà Văn hóa ấp Mỹ Chánh, Mỹ Lợi, Mỹ Thạnh		Xe máy
								Nhà Văn Hóa ấp Mỹ Phú		Xe máy
		162	0	162	810	0	810	Trường tiểu học Mỹ Long, ấp Mỹ Hội, Mỹ Chánh, Mỹ Lợi		Xe máy
								Trường THCS Mỹ Long, ấp Mỹ hội		Xe máy
40	Xã Ngũ Hiệp	190	0	190	950	0	950	Trường THCS Tam Bình, ấp Bình Thuận		Xe máy
								Trường Tiểu Học Tam Bình (điểm chính), ấp Tây Hòa		Xe máy
								Trường Mầm Non Tam Bình, ấp Bình Chánh Đông, Tây Hòa		Xe máy
								Nhà Văn Hóa Trung Tâm xã		Xe máy
								Nhà Văn Hóa ấp Đông Hòa		Xe máy
		188	0	188	940	0	940	Nhà Văn Hóa		Xe máy
								Trường THCS Ngũ Hiệp, ấp Hòa Hảo		Xe máy
								Trường Tiểu học Ngũ Hiệp, ấp Hòa Thịnh, Hòa Hảo		Xe máy
								Trụ Sở ấp Hòa Thịnh		Xe máy
								Trụ Sở ấp Tân Đông		Xe máy
								Trụ Sở ấp Tân An		Xe máy
								Trụ Sở ấp Hòa Hảo		Xe máy
								Trụ Sở ấp Long Quới		Xe máy
								Trụ Sở ấp Thủy Tây		Xe máy
								Trụ Sở ấp Tân Sơn		Xe máy
								Trụ Sở ấp Hòa An		Xe máy
41	Xã Vĩnh Kim	94	0	94	472	0	472	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		160	0	160	800	0	800	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		12	0	12	60	0	60	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
42	Xã Kim Sơn	40	0	40	200	0	200	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		134	0	134	672	0	672	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy

TT	Tên xã/phường	Số hộ			Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến		Phương tiện di chuyển
		Di dời	Sơ tán	Tổng	Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng	Di dời, sơ tán tại chỗ	Sơ tán sang địa phương khác	
43	Xã Bình Trung	118	0	118	592	0	592	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		284	0	284	1.420	0	1.420	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		120	0	120	600	0	600	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
44	Xã Long Định	16	0	16	80	0	80	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		184	0	184	920	0	920	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		80	0	80	400	0	400	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
45	Xã Long Hưng	170	0	170	850	0	850	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		80	0	80	400	0	400	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		132	0	132	660	0	660	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
46	Xã Châu Thành	66	0	66	328	0	328	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		40	0	40	200	0	200	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		206	0	206	1.030	0	1.030	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
47	Xã Tân Hương	144	0	144	722	0	722	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		200	0	200	1.000	0	1.000	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
		5	0	5	24	0	24	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy
48	Phường Mỹ Phước Tây	0	5	5	0	16	16	Nhà văn hóa Phường		Xe máy, xe khách
		0	0	0	0	0	0	Nhà văn hóa, hội trường xã, nhà văn hóa liên ấp		Xe máy
		31	9	40	115	28	143	Nhà văn hóa, hội trường Xã, Chùa Long Thành, Trường mầm non, trường tiểu học, trường Trung học cơ sở		Xe máy
		0	34	34	0	112	112	Nhà văn hóa xã, Hội trường UBND xã, Trường học, Nhà văn hóa liên ấp, các cơ sở tôn giáo		Xe máy
49	Phường Thanh Hòa	0	150	150	0	750	750	Nhà văn hóa, Trụ sở tôn giáo, Trường học...		xe máy, ô tô tải...
		0	10	10	0	25	25	Nhà văn hóa xã		xe ô tô
		40	14	54	120	42	162	Nhà văn hóa, hội trường Xã, Trụ sở tôn giáo, trụ sở ấp 3,5,6,7; Trường mầm non, trường tiểu học, trường Trung học cơ sở		Xe máy
50	Phường Cai Lậy	150	100	250	100	80	180	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		Xe máy, xe ô tô
		0	58	58	0	55	55	Nhà văn hóa, hội trường xã, Trụ sở tôn giáo, Trường học		xe máy
		30	30	30		100	100	Trường THCS Thái Thị Kim Hồng		Xe máy
51	Phường Nhị Quý	0	150	150	0	1.100	1.100	Nhà văn hóa, hội trường phường, Trụ sở, Trường học		Xe máy
		0	1	1	0	4	4	Nhà văn hóa xã		Xe máy
		0	56	56	0	210	210	Nhà văn hóa xã 50, nhà văn hóa ấp 50, Các điểm Trường học 110		Xe máy
52	Xã Tân Phú	0	14	14	0	53	53	Nhà văn hóa xã		Xe máy
		0	0	0	0	0	0			
		0	11	11	0	30	30	Nhà văn hóa xã Tân Hội		Xe máy
53	Xã Tân Phước 1	164	65	229	528	211	739	UBND thị trấn: 100 người Trung Tâm Y tế, Trạm y tế: 300 người Các điểm trường: 200 người Các nhà dân kiên cố: 139 người		Phương tiện cá nhân
		193	77	270	771	309	1.080	Trường học: 300 người UBND xã và Nhà Văn hóa: 150 người Trạm y tế: 50 người Các nhà dân kiên cố: 580 người		Phương tiện cá nhân

TT	Tên xã/phường	Số hộ			Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến		Phương tiện di chuyển
		Di dời	Sơ tán	Tổng	Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng	Di dời, sơ tán tại chỗ	Sơ tán sang địa phương khác	
		77	31	108	309	124	433	Trường học: 200 người UBND xã : 100 người Trạm y tế: 50 người Các nhà dân kiên cố: 83 người		Phương tiện cá nhân
54	Xã Tân Phước 2	241	96	337	962	385	1.347	Trường học: 400 người UBND và Nhà văn hóa xã: 200 người Trạm y tế: 50 người Các nhà dân kiên cố: 697 người		Phương tiện cá nhân
		365	146	511	1.459	583	2.042	Trường học: 200 người UBND và Nhà văn hóa xã: 200 người Trạm y tế: 50 người Các nhà dân kiên cố: 1.322 người		Phương tiện cá nhân
		455	182	637	1.821	728	2.549	Trường học: 400 người UBND và Nhà văn hóa xã: 200 người Trạm y tế: 50 người Các nhà dân kiên cố: 1.899 người		Phương tiện cá nhân
55	Xã Tân Phước 3	234	93	327	935	374	1.309	Trường học: 200 người UBND xã: 100 người Trạm y tế: 50 người Các nhà dân kiên cố: 959 người		Phương tiện cá nhân
		109	44	153	437	175	612	UBND xã và Nhà Văn hóa: 200 người Trạm y tế: 30 người Các nhà dân kiên cố: 382 người		Phương tiện cá nhân
		625	250	875	2.500	1.000	3.500	Trường học: 400 người UBND xã: 100 người Trạm y tế: 50 người Các nhà dân kiên cố: 2.950 người		Phương tiện cá nhân
56	Xã Hưng Thạnh	185	75	260	741	297	1.038	Trường học: 200 người UBND xã: 100 người Trạm y tế: 50 người Các nhà dân kiên cố: 958 người		Phương tiện cá nhân
		36	15	51	146	58	204	Trường học: 104 người UBND xã: 50 người Trạm y tế: 50 người		Phương tiện cá nhân
		89	36	125	356	143	499	Trường học: 200 người UBND xã và Nhà Văn hóa: 100 người Trạm y tế: 50 người Các nhà dân kiên cố: 149 người		Phương tiện cá nhân

PHỤ LỤC 6.3
PHƯƠNG AN SƠ TÁN DÂN TRONG TÌNH LŨ, NGẬP LỤT ÁNH HƯỞNG TỚI KHU VỰC THUỘC LƯU SÔNG TIỀN

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

STT	Xã, Phường	RRTT cấp 3			RRTT TỔ HỢP (LŨ - MƯA - TRIỀU CƯỜNG - SẠT LỖ)			Địa điểm
		Tổng (người)	Di dời tại chỗ ứng với RRTT cấp 3 (người)	Sơ tán tập trung với RRTT cấp 3 (người)	Tổng (người)	Sơ tán tập trung khi sạt lở xảy ra trong tình huống tổ hợp (người)	Sơ tán tập trung pkhi bão, mưa lớn, triều cường xảy ra trong tình huống tổ hợp (người)	
1	xã Mỹ Thọ	356	265	91	3.319	0	3.319	Trụ sở UBND, các trường, cơ sở tôn giáo và nhân dân kiên cố
2	xã Phương Thỉnh	460	249	211	4993	140	4853	
3	xã Ba Sao	321	190	131	2.190	0	2.190	
4	xã Phong Mỹ	315	211	104	2.613	268	2.345	
5	xã Bình Hàng Trung	368	257	111	3758	0	3758	
6	xã Mỹ Hiệp	406	281	125	4.006	136	3.870	
7	Phường Cao Lãnh	198	153	45	1.531	96	1.435	
8	Phường Mỹ Ngãi	288	191	97	1.191	0	1.191	
9	Phường Mỹ Trà	865	613	252	8574	144	8430	
10	xã Mỹ An Hưng	732	466	266	5.846	36	5.810	
11	Tân Khánh Trung	371	245	126	1.993	0	1.993	
12	Lấp Vò	310	213	97	4.728	0	4.728	
13	Lai Vung	1.308	791	517	9.983	0	9.983	
14	Hòa Long	1.779	1.186	593	7.163	0	7.163	
15	Phong Hòa	1.784	1.189	595	7.764	36	7.728	
16	Phường Sa Đéc	1.081	644	437	7.854	50	7.804	
17	xã Tân Dương	750	500	250	3.580	0	3.580	
18	Phú Hữu	376	237	139	4716	0	4716	
19	Xã Tân Nhuận Đông	0	0	0	0	0	0	
20	xã Tân Phú Trung	282	180	102	4625	0	4625	
21	xã Tân Hồng	381	215	166	3156	0	3156	
22	xã Tân Thành	474	287	187	2844	0	2844	
23	xã Tân Hộ Cơ	444	247	197	2990	0	2990	
24	xã An Phước	211	142	69	829	-	829	
25	xã An Bình	552	361	191	6553	448	6105	
26	Phường Hồng Ngự	399	229	170	6290	0	6290	
27	Phường Thường Lạc	808	637	171	10573	0	10573	
28	Xã Thường Phước	687	522	165	11435	0	11435	
29	xã Long Khánh	316	247	69	2.244	196	2.048	
30	Long Phú Thuận	405	316	89	4.017	84	3.933	
31	xã An Hòa	429	251	178	2.651	0	2.651	
32	xã Tam Nông	153	75	78	3.829	-	3.829	
33	xã Phú Thọ	383	221	162	2.630	0	2.630	
34	xã Tràm Chim	246	147	99	2.671	0	2.671	
35	xã Phú Cường	311	204	107	1.273	0	1.273	
36	xã An Long	584	366	218	8.528	784	7.744	
37	xã Thanh Bình	191	109	82	1.306	-	1.306	
38	xã Tân Thạnh	382	244	138	2.525	0	2.525	
39	xã Bình Thạnh	334	239	95	3.051	0	3.051	
40	xã Tân Long	0	0	0	0	0	0	
41	xã Tháp Mười	417	245	172	2.250	152	2.098	
42	xã Thanh Mỹ	175	118	57	724	132	592	
43	xã Mỹ Quý	471	277	194	4.615	217	4.398	
44	Xã Đốc Bình Kiều	149	81	68	2.030	132	1.898	
45	xã Trường Xuân	454	238	216	1.717	0	1.717	

PHỤ LỤC 6.4
PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN TRONG TÌNH HUỐNG SẠT LỖ KHU VỰC THUỘC LƯU SÔNG TIỀN
(Đính kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

STT	Huyện/Xã	Rủi ro cấp 1	Rủi ro cấp 2			Địa điểm
		Sơ tán tập trung (người)	Tổng (người)	Sơ tán tập trung Vành đai 30 m (người)	Sơ tán tập trung Vành đai 60 m (người)	
1	Xã Mỹ Hiệp	10	136	40	96	Trụ sở UBND, các trường, cơ sở tôn giáo và nhân dân kiên cố
2	Xã Phong Mỹ	50	268	200	68	Trụ sở UBND, các trường, cơ sở tôn giáo và nhân dân kiên cố
3	Xã Long Khánh		196	104	92	Trụ sở UBND, các trường, cơ sở tôn giáo và nhân dân kiên cố
4	xã Long Phú Thuận		692	352	340	Trụ sở UBND, các trường, cơ sở tôn giáo và nhân dân kiên cố
5	Xã An Long	100	784	260	524	Trụ sở UBND, các trường, cơ sở tôn giáo và nhân dân kiên cố
6	xã Tân Long	175	528	260	268	Trụ sở UBND, các trường, cơ sở tôn giáo và nhân dân kiên cố
7	Xã Tân Thành	100	504	312	192	Trụ sở UBND, các trường, cơ sở tôn giáo và nhân dân kiên cố
8	Phường Mỹ Ngãi	20	144	84	60	Trụ sở UBND, các trường, cơ sở tôn giáo và nhân dân kiên cố
9	Phường Cao Lãnh	190	836	412	424	Trụ sở UBND, các trường, cơ sở tôn giáo và nhân dân kiên cố
10	xã An Bình	50	448	176	272	Trụ sở UBND, các trường, cơ sở tôn giáo và nhân dân kiên cố

PHỤ LỤC 7.1
TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG NHÀ Ở MẤT AN TOÀN TRƯỚC THIÊN TAI KHU VỰC HẠ LƯU SÔNG TIỀN
(Đính kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

TT	Xã/phường	Tổng cộng		Sạt lở bờ sông, bờ biển, kênh rạch		Bão/ATNĐ		Vùng thường xuyên ngập lụt		Ghi chú
		Số nhà	Số khẩu	Số nhà	Số khẩu	Số nhà	Số khẩu	Số nhà	Số khẩu	
1	xã Bình Ninh	15	46	15	46	0	0	0	0	sông Tiền, kênh Chợ Gạo
2	xã Chợ Gạo	5	11	5	11	0	0	0	0	kênh Chợ Gạo
3	xã Lương Hoà Lạc	7	16	7	16	0	0	0	0	rạch Bảo Định
4	xã Vĩnh Bình	109	467	5	20	104	447			
5	xã Đồng Sơn	183	690			183	690			
6	xã Bình Phú	68	177	2	8	66	169			
7	xã Vĩnh Hựu	292	956	52	190	240	766			
8	xã Long Bình	206	690			206	690			
9	Phường Gò Công	41	102	41	127	0	0	0	0	
10	Phường Long Thuận	0	0	0	0	0	0	0	0	
11	Phường Sơn Qui	0	0	0	0	0	0	0	0	
12	Phường Bình Xuân	83	101	83	311	0	0	0	0	
13	xã Gò Công Đông	652	2721	30	122	622	2.599	0	0	
14	xã Tân Hoà	114	471	0	0	114	471	0	0	
15	xã Tân Điền	7	23	0	0	7	23	0	0	
16	xã Gia Thuận	269	1212	35	175	234	1.037	0	0	
17	xã Tân Đông	322	1527	18	87	304	1.440	0	0	
18	xã Tân Phú Đông	7344	21350	1771	3.682	5.573	17.668	0	0	
19	xã Tân Thới	8951	23994	1730	5189	7.221	18.805	0	0	
20	phường Đạo Thạnh	25	100	25	100	0	0	0	0	rạch Bảo Định
21	phường Thới Sơn	50	200	50	200	0	0	0	0	sông Tiền
22	phường Tân Long	180	360	180	360	0	0	0	0	rạch Bảo Định
23	xã Cái Bè	155	445	155	445	0	0	0	0	
24	xã Mỹ Đức Tây	125	305	125	305	0	0	0	0	
25	xã Mỹ Lợi	85	255	35	105	50	150	0	0	
26	xã An Hữu	20	80	0	0	0	0	20	80	
27	xã Thanh Hưng	40	150	20	75	20	75	0	0	
28	xã Mỹ Thiện	255	850	0	0	255	850	0	0	
29	xã Hậu Mỹ	250	320	0	0	250	320	0	0	
30	Xã Hiệp Đức	351	1327	351	1327	0	0	0	0	
31	Phường Mỹ Phước Tây	296	880	292	866	4	14	0	0	Nhà ở cấp mé sông, kênh, rạch
32	Phường Thanh Hòa	15	35	10	23	5	12	0	0	
33	Phường Cai Lậy	40	124	10	24	30	100	0	0	
34	Phường Nhị Quý	188	572	188	572	0	0	0	0	Nhà ở cấp mé sông
35	Xã Tân Phú	120	353	115	343	5	10	0	0	Nhà ở cấp mé sông
36	Xã Tân Phước 1	638	2344	0	0	607	2.252	31	92	
37	Xã Tân Phước 2	460	1813	0	0	436	1.741	24	72	
38	Xã Hưng Thạnh	1485	5938	0	0	1.485	5.938	0	0	
39	Xã Tân Phước 3	1635	6261	0	0	1.355	5.421	280	840	
40	Xã Vĩnh Kim	72	310	72	310	0	0	0	0	Sông Rạch Gầm
41	Xã Kim Sơn	225	920	225	920	0	0	0	0	Sông Rạch Gầm Dọc sông Tiền, Kênh Xoài hột
42	Xã Long Định	550	1650	550	1.650	0	0	0	0	Kênh Nguyễn Tấn Thành
Tổng cộng		25.928	80.146	6.197	17.609	19.376	61.688	355	1.084	

PHỤ LỤC 7.2

DIỆN TÍCH NÔNG NGHIỆP KHẢ NĂNG BỊ ẢNH HƯỞNG DO MƯA LỚN KHU VỰC THƯỢNG LƯU SÔNG TIỀN

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

STT	xã, phường	Rủi ro cấp 1	Rủi ro cấp 2
		Diện tích sản xuất bị ảnh hưởng (ha)	Diện tích sản xuất bị ảnh hưởng (ha)
1	xã Bình Hàng Trung	312	430,56
2	xã Mỹ Hiệp	315,32	435,1416
3	xã Mỹ Thợ	268	369,84
4	Phú Hựu	969,6	1338,05
5	Xã Tân Nhuận Đông	194,89	268,9482
6	Xã Tân Phú Trung	398,6	550,07
7	Lai Vung	38,79	53,53
8	Hòa Long	260,31	359,23
9	xã Tân Dương	210,66	290,7108
10	Xã Phong Hòa	57,45	79,28
11	Lấp Vò	284,72	392,9136
12	Tân Khánh Trung	156,79	216,37
13	Mỹ An Hưng	340,61	470,04
14	Phường Cao Lãnh	21,75	30,02
15	Phường Mỹ Trà	23,46	32,37
16	Phường Sa Đéc	177,98	245,6124
17	xã Tân Dương	43,78	60,4164
Tổng cộng		4.074,71	5.623,10

PHỤ LỤC 7.3
DIỆN TÍCH NÔNG NGHIỆP KHẢ NĂNG BỊ ẢNH HƯỞNG TRONG TỈNH LŨ, NGẬP LỤT KHU VỰC THƯỢNG LƯU SÔNG TIỀN
(Đính kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

STT	Xã, phường	Ô bao bị tràn								Nguy cơ tràn							
		Tổng diện tích ảnh hưởng (ha)	Phân loại							Tổng diện tích ảnh hưởng (ha)	Phân loại						
			Cây ăn trái	NTTS	Lúa 2 vụ	Lúa 3 vụ	2 lúa 1 màu	Cây lâu năm	Rau màu		Cây ăn trái	NTTS	Lúa 2 vụ	Lúa 3 vụ	2 lúa 1 màu	Rau màu	
1	RRTT cấp 1	758,45	244,91	234,33	0,07	50,61	1,97	0,00	226,56	2512,25	771,56	436,67	150,68	762,58	0,00	390,76	
1	xã Phong Mỹ	23,31	9,83	0,15	0,00	13,33	0,00	0,00	0,00	38,70	7,70	0,15	0,00	30,85	0,00	0,00	
2	xã Ba Sao	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
3	xã Mỹ Thọ	18,06	7,69	8,98	0,00	0,00	0,00	0,00	1,39	19,23	8,03	9,81	0,00	0,00	0,00	1,39	
4	xã Bình Hàng Trung	28,93	18,58	7,55	0,00	0,00	0,00	0,00	2,80	22,43	12,09	7,55	0,00	0,00	0,00	2,79	
5	xã Mỹ Hiệp	0,95	0,95	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	29,05	23,37	0,08	5,60	0,00	0,00	0,00	
6	Phường Thịnh	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
7	Tân Phú Trung	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	37,14	14,03	3,39	0,00	9,92	0,00	9,80	
8	Phủ Hưu	41,40	12,04	9,34	0,00	0,00	0,00	0,00	20,02	35,26	13,89	10,35	0,00	0,00	0,00	11,02	
9	Xã Thường Phước	159,52	32,33	50,71	0,00	37,09	1,97	0,00	37,42	289,96	29,60	87,15	100,15	37,61	0,00	35,45	
10	Phường Thường Lạc	14,68	8,16	5,28	0,07	0,06	0,00	0,00	1,11	59,99	22,82	16,31	18,27	0,06	0,00	2,53	
11	xã Long Khánh	4,94	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	4,94	4,94	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	4,94	
12	xã Long Phú Thuận	23,62	10,81	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	12,81	27,62	10,81	0,00	0,00	0,00	0,00	16,81	
13	Phường Sa Đéc	92,43	27,32	37,34	0,00	0,00	0,00	0,00	27,77	114,28	32,23	67,35	0,00	0,00	0,00	14,70	
14	Phường Hồng Ngự	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
15	Phường An Bình	8,24	5,28	2,57	0,00	0,00	0,00	0,00	0,39	31,24	25,28	2,57	0,00	0,00	0,00	3,39	
16	Phường Mỹ Ngãi	8,58	8,54	0,04	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	8,59	8,54	0,05	0,00	0,00	0,00	0,00	
17	Phường Mỹ Trà	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	41,93	5,86	7,57	26,66	0,00	0,00	1,84	
18	Phường Cao Lãnh	21,29	4,46	1,22	0,00	0,00	0,00	0,00	15,61	44,29	7,46	21,22	0,00	0,00	0,00	15,61	
19	xã Thanh Bình	6,53	3,86	2,28	0,00	0,00	0,00	0,00	0,39	6,53	3,86	2,28	0,00	0,00	0,00	0,39	
20	xã An Long	34,64	11,00	1,35	0,00	0,13	0,00	0,00	22,16	35,25	11,60	1,35	0,00	0,14	0,00	22,16	
21	xã Bình Thành	19,77	14,98	2,25	0,00	0,00	0,00	0,00	2,54	19,77	14,98	2,25	0,00	0,00	0,00	2,54	
22	xã Tân Long	239,33	59,96	103,94	0,00	0,00	0,00	0,00	75,43	811,84	125,29	138,93	0,00	412,51	0,00	135,11	
23	xã Bình Thành	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
24	xã Tân Thạnh	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
25	xã Tân Hồng	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
26	xã Tân Hộ Cơ	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
27	Xã Tân Thành	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
28	An Phước	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
29	xã An Hòa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
30	xã Tràm Chim	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
31	xã Phú Cường	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
32	xã Phú Thọ	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
33	xã Lấp Vò	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
34	xã Tam Nông	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
35	xã Lai Vung	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	470,70	275,75	56,99	0,00	29,45	0,00	108,51	
36	xã Tân Khánh Trung	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
37	xã Mỹ An Hưng	12,23	9,12	1,33	0,00	0,00	0,00	0,00	1,78	10,99	7,89	1,32	0,00	0,00	0,00	1,78	
38	xã Tân Dương	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	78,46	43,50	0,00	0,00	34,96	0,00	0,00	
39	xã Hòa Long	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	70,47	65,72	0,00	0,00	4,75	0,00	0,00	
40	Phong Hòa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
41	xã Trường Xuân	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	145,43	0,55	0,00	0,00	144,88	0,00	0,00	
42	xã Tháp Mười	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	58,16	0,71	0,00	0,00	57,45	0,00	0,00	
43	xã Mỹ Quý	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
44	Độc Bình Kiều	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
45	xã Thanh Mỹ	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
II	RRTT cấp 2	1998,02	470,57	363,42	332,54	510,60	0,01	0,00	320,88	5001,94	1385,38	912,44	634,48	1424,33	13,08	632,22	
1	xã Phong Mỹ	47,46	11,71	0,15	0,00	35,60	0,00	0,00	0,00	44,70	19,70	0,15	0,00	24,85	0,00	0,00	
2	xã Ba Sao	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
3	xã Mỹ Thọ	16,93	8,03	7,51	0,00	0,00	0,00	0,00	1,39	18,06	7,55	8,98	0,00	0,00	0,00	1,53	
4	xã Bình Hàng Trung	30,17	19,74	7,64	0,00	0,00	0,00	0,00	2,79	35,70	12,84	8,31	11,76	0,00	0,00	2,79	
5	xã Mỹ Hiệp	0,41	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,41	22,45	16,37	0,07	5,60	0,00	0,00	0,41	
6	Phường Thịnh	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	82,38	0,00	2,72	0,00	79,66	0,00	0,00	
7	Tân Phú Trung	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	156,98	39,57	3,87	0,00	89,92	13,08	10,54	
8	Phủ Hưu	73,24	39,88	13,34	0,00	0,00	0,00	0,00	20,02	63,24	19,88	13,34	0,00	0,00	0,00	30,02	
9	Xã Thường Phước	340,90	46,59	100,14	70,15	47,60	0,00	0,00	76,42	383,87	91,33	96,71	11,32	48,09	0,00	136,42	
10	Phường Thường Lạc	119,97	22,82	16,31	79,09	0,06	0,00	0,00	1,69	143,37	20,62	20,05	100,95	0,06	0,00	1,69	
11	xã Long Khánh	4,94	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	4,94	4,94	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	4,94	
12	xã Long Phú Thuận	27,62	10,81	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	16,81	37,62	10,81	0,00	0,00	0,00	0,00	26,81	
13	Phường Sa Đéc	164,27	63,23	67,34	0,00	0,00	0,00	0,00	33,70	195,45	127,63	37,11	0,00	0,00	0,00	30,71	
14	Phường Hồng Ngự	276,79	3,98	72,95	149,39	49,69	0,01	0,00	0,77	370,71	14,65	247,35	104,62	0,00	0,00	4,09	
15	Phường An Bình	31,24	25,28	2,57	0,00	0,00	0,00	0,00	3,39	185,44	52,67	55,18	22,45	33,98	0,00	21,16	
16	Phường Mỹ Ngãi	8,58	8,54	0,04	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	138,99	14,56	0,39	17,36	102,46	0,00	4,22	
17	Ph																

35	xã Lai Vung	83,65	60,95	0,02	0,00	22,68	0,00	0,00	0,00	459,17	211,65	64,00	0,00	161,79	0,00	21,73
36	xã Tân Khánh Trung	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	53,50	34,14	0,86	0,00	12,51	0,00	5,99
37	xã Mỹ An Hưng	12,20	9,10	1,32	0,00	0,00	0,00	0,00	1,78	12,20	9,10	1,32	0,00	0,00	0,00	1,78
38	xã Tân Dương	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	107,24	57,25	0,33	0,00	49,66	0,00	0,00
39	xã Hòa Long	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	225,63	129,95	4,86	72,46	11,98	0,00	6,38
40	Phong Hòa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
41	xã Trường Xuân	155,43	0,55	0,00	0,00	154,88	0,00	0,00	0,00	457,54	10,46	7,98	0,00	439,10	0,00	0,00
42	xã Tháp Mười	58,16	0,71	0,00	0,00	57,45	0,00	0,00	0,00	1,38	0,00	0,00	0,00	1,38	0,00	0,00
43	xã Mỹ Quý	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	169,45	19,10	5,21	0,00	142,85	0,00	2,29
44	Độc Bình Kiều	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
45	xã Thanh Mỹ	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
III RRTT cấp 3		5554,25	955,85	949,77	1541,13	1581,88	30,97	2,06	492,59	8167,24	1786,07	949,51	1678,22	2671,33	166,68	915,44
1	xã Phong Mỹ	140,08	20,75	0,15	0,00	119,18	0,00	0,00	0,00	176,70	33,17	18,66	15,60	91,63	0,00	17,64
2	xã Ba Sao	111,72	2,42	0,26	0,00	109,04	0,00	0,00	0,00	152,64	17,92	25,93	84,49	24,30	0,00	0,00
3	xã Mỹ Thọ	16,23	8,03	6,81	0,00	0,00	0,00	0,00	1,39	119,44	23,46	21,80	72,79	0,00	0,00	1,39
4	xã Bình Hàng Trung	25,94	15,60	7,55	0,00	0,00	0,00	0,00	2,79	93,40	51,47	10,31	28,83	0,00	0,00	2,79
5	xã Mỹ Hiệp	0,41	0,41	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	39,46	26,78	0,08	12,60	0,00	0,00	0,00
6	Phường Thịnh	252,88	12,43	31,49	0,26	208,70	0,00	0,00	0,00	157,28	11,41	16,09	0,00	125,99	0,00	3,79
7	Tân Phú Trung	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	186,85	46,34	3,87	0,00	104,19	15,08	17,37
8	Phú Hưu	50,24	26,88	13,34	0,00	0,00	0,00	0,00	10,02	60,25	26,89	13,34	0,00	0,00	0,00	20,02
9	Xã Thường Phước	636,11	84,46	140,63	161,06	77,61	30,97	0,00	141,38	565,77	97,58	130,40	3,19	110,26	52,15	172,19
10	Phường Thường Lạc	256,56	38,83	50,77	165,21	0,06	0,00	0,00	1,69	869,35	63,69	75,54	281,79	443,84	0,00	4,49
11	xã Long Khánh	4,94	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	4,94	4,94	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	4,94
12	xã Long Phú Thuận	47,62	10,81	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	36,81	57,62	10,81	0,00	0,00	0,00	0,00	46,81
13	Phường Sa Đéc	205,23	103,23	67,34	0,00	0,00	0,00	0,96	33,70	332,08	184,29	67,34	0,00	0,00	0,00	80,45
14	Phường Hồng Ngự	362,80	57,27	128,21	121,17	47,57	0,00	0,51	8,07	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
15	Phường An Bình	356,61	54,30	57,04	146,14	78,06	0,00	0,20	20,87	230,59	28,15	10,65	0,00	180,81	0,00	10,98
16	Phường Mỹ Ngãi	128,87	14,51	0,39	0,20	106,46	0,00	0,00	7,31	189,26	30,37	1,44	62,42	62,67	0,00	32,36
17	Phường Mỹ Trà	126,92	17,86	11,56	95,66	0,00	0,00	0,00	1,84	148,86	17,74	30,20	92,25	0,00	0,00	8,67
18	Phường Cao Lãnh	44,29	7,46	21,22	0,00	0,00	0,00	0,00	15,61	111,29	74,46	21,22	0,00	0,00	0,00	15,61
19	xã Thanh Bình	180,72	8,03	4,00	90,89	76,59	0,00	0,00	1,21	76,64	4,83	3,11	68,31	0,00	0,00	0,39
20	xã An Long	131,91	11,96	13,99	67,17	4,08	0,00	0,00	34,71	175,81	14,76	1,94	135,58	0,14	0,00	23,39
21	xã Bình Thành	19,77	14,98	2,25	0,00	0,00	0,00	0,00	2,54	65,91	20,49	3,28	31,89	7,71	0,00	2,54
22	xã Tân Long	611,04	193,03	101,81	53,61	166,36	0,00	0,39	95,84	638,23	121,80	121,37	0,00	235,91	0,00	159,15
23	xã Bình Thành	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	124,35	9,74	6,27	101,91	0,00	0,00	6,43
24	xã Tân Thạnh	120,82	12,76	18,07	82,01	0,00	0,00	0,00	7,98	63,25	8,74	5,38	36,62	0,00	0,00	12,51
25	xã Tân Hồng	232,38	29,64	69,72	132,09	0,93	0,00	0,00	0,00	250,61	19,87	66,21	162,34	0,00	0,00	2,19
26	xã Tân Hộ Cơ	89,10	7,98	9,81	69,44	0,00	0,00	0,00	1,87	141,34	6,61	35,43	0,00	96,81	0,00	2,49
27	Xã Tân Thành	112,21	7,70	36,92	67,59	0,00	0,00	0,00	0,00	152,22	10,25	12,69	129,28	0,00	0,00	0,00
28	An Phước	219,16	0,30	54,69	164,17	0,00	0,00	0,00	0,00	8,94	0,51	8,43	0,00	0,00	0,00	0,00
29	xã An Hòa	80,74	1,89	6,02	62,23	0,00	0,00	0,00	10,60	333,45	14,62	31,63	175,37	97,64	0,00	14,19
30	xã Trầm Chim	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
31	xã Phú Cường	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	154,51	5,89	10,65	40,67	97,30	0,00	0,00
32	xã Phú Thọ	80,74	1,89	6,02	62,23	0,00	0,00	0,00	10,60	178,94	8,73	20,98	134,70	0,34	0,00	14,19
33	xã Lấp Vò	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	205,46	60,66	10,02	3,92	95,17	0,00	35,69
34	xã Tam Nông	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,43	0,02	0,00	0,36	0,00	0,00	0,05
35	xã Lai Vung	205,09	117,99	29,68	0,00	22,68	0,00	0,00	34,74	250,15	99,39	28,20	3,31	39,66	0,00	79,59
36	xã Tân Khánh Trung	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	153,51	34,14	0,87	0,00	112,51	0,00	5,99
37	xã Mỹ An Hưng	12,20	9,10	1,32	0,00	0,00	0,00	0,00	1,78	281,76	92,45	3,57	0,00	0,00	99,45	86,29
38	xã Tân Dương	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	224,03	58,33	0,34	0,00	165,14	0,00	0,22
39	xã Hòa Long	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	347,34	247,25	8,86	0,00	84,84	0,00	6,39
40	Phong Hòa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	65,86	58,67	0,00	0,00	0,00	0,00	7,19
41	xã Trường Xuân	258,97	7,29	50,77	0,00	200,91	0,00	0,00	0,00	225,38	30,52	10,67	0,00	184,19	0,00	0,00
42	xã Tháp Mười	202,69	2,05	0,00	0,00	200,64	0,00	0,00	0,00	146,31	18,51	3,08	0,00	124,44	0,00	0,28
43	xã Mỹ Quý	178,82	46,22	5,21	0,00	123,09	0,00	0,00	4,30	273,88	43,80	90,64	0,00	133,92	0,00	5,52
44	Độc Bình Kiều	50,44	7,79	2,73	0,00	39,92	0,00	0,00	0,00	64,30	24,57	10,23	0,00	21,24	0,00	8,26
45	xã Thanh Mỹ	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	68,86	26,39	8,79	0,00	30,68	0,00	3,00

PHỤ LỤC 8

TỔNG HỢP SỐ LIỆU TÀU THUYỀN ĐÁNH BẮT HẢI SẢN TRÊN BIỂN TỈNH ĐỒNG THÁP

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

TT	Số tàu	Số người	Ven bờ (tàu)	Vùng lộng (tàu)	Vùng khơi (tàu)	Số tàu	Chiều dài	Có thiết bị quan sát tàu cá (số tàu)	Ngư trường đánh bắt chính
1	1.551	9.874	306	292	953	805	từ 15 - 23,99m	768	Vùng khơi biển Việt Nam (Nam Bộ và Nam Trung Bộ)
2						148	24m trở lên	147	Vùng khơi biển Việt Nam (Nam Bộ và Nam Trung Bộ)

PHỤ LỤC 9
TỔNG HỢP SỐ LIỆU LỒNG BÈ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TỈNH ĐỒNG THÁP
(Đính kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

TT	Địa bàn	Tổng số		Số lượng		Số lượng		Khu vực nuôi trồng
		Lồng, bè (cái)	Số người	Lồng (cái)	Số người	Bè (cái)	Số người	
I	NUỚC NGỌT	1493	437	114	50	1379	387	
1	xã Bình Ninh	14	2	14	2	0	0	Sông Tiền
2	Phường Mỹ Tho Phường Thới Sơn	649	158	0	0	649	158	Nuôi trên vực Sông Tiền (Thới Sơn, Tân Long)
3	xã Thanh Hưng xã An Hữu	714	236	56	28	658	208	Sông Cái Cối và bờ Tây sông Cửu Long
4	xã Hiệp Đức xã Ngũ Hiệp	88	36	44	20	44	16	Xã Hiệp Đức, Ngũ Hiệp
5	xã Vĩnh Kim	28	5			28	5	Xã Vĩnh Kim

CAO TRÌNH, MẶT CẮT HIỆN TRẠNG ĐỀ

(Đính kèm Quyết định số

/QĐ-UBND ngày

tháng

năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

[illegible]

01	Cửa Sông Gò Công 1 (Ven sông Soài Rạp)	K0+000 - K11+497	11,497	xã Tân Đông, xã Gia Thuận	V	+2,6 :- +3,00	4 :- 5	Trải nhựa	1,5	đất	1,5	đất	Vùng dự án Ngọt hóa Gò Công	Chống bão cấp 9
02	Cửa Sông Gò Công 1 (Ven sông Cửa Tiểu)	K37+700 - K44+185	6,485	xã Gò Công Đông, xã Tân Hòa	V	+2,65 :- +3,00	5 :- 6	Trải nhựa	1,5	đất	1,5	đất	Vùng dự án Ngọt hóa Gò Công	Chống bão cấp 9
03	Cửa Sông Gò Công 2	K0+000 - K24+773	24,773	xã Tân Phú Đông	V	+2,5 :- +4,00	4 :- 6	đá 0x4	1,5	đất	1,5	đất	Vùng dự án Phú Thanh - Phú Đông	Chống bão cấp 9
IV	Các tuyến đê sông		101,4105											
01	Kinh Nhiệm	K0+000 - K2+659	2,659	xã Tân Phú Đông	V	+2,3 :- +3,0	4	đá 0 x 4	1,5		1,5		Vùng dự án Phú Thanh - Phú Đông	Chống bão cấp 9
02	Tân Xuân - Tân Thạnh	K0+000 - K5+000	5,000	xã Tân Thới	V	+2,5 :- +3,0	4	đá 0 x 4	1,5		1,5		Vùng dự án Phú Thanh - Phú Đông	Chống bão cấp 9
03	Đập Rạch Nhiệm 1,2 và 2 tuyến đê cấp kênh liên thông		0,1775	xã Tân Phú Đông, xã Tân Thới	V	+2,9	2,5	đá 0 x 4	1,25		1,25		Vùng dự án Phú Thanh - Phú Đông	Chống bão cấp 9
04	Bình Ninh	K0+000 - K10+800	10,800	xã Bình Ninh	V	+2,65 :- +2,7	3,5 :- 6	Trải nhựa	1,5		1,5		Vùng dự án Ngọt hóa Gò Công	Chống bão cấp 9

05	Long Hải	K26+470 - K36+450	9,980	xã Long Bình	V	+2,65	3,5 :- 5	Trải nhựa	1,5		1,5		Vùng dự án Ngọt hóa Gò Công	Chống bão cấp 9
06	Hòa Thạnh - Thuận Trị	K36+450 - K40+150	3,700	xã Long Bình	V	+2,65	3	Trải nhựa	1,5		1,5		Vùng dự án Ngọt hóa Gò Công	Chống bão cấp 9
07	Tả sông cửa Tiểu	K39+450 - K50+670	11,220	xã Long Bình, xã Tân Hòa	V	+2,65 :- +3	4 :- 6	Trải nhựa	1,5		1,5		Vùng dự án Ngọt hóa Gò Công	Chống bão cấp 9
08	Soài Rạp	K53+800 - K72+741	18,941	phường Bình Xuân, phường Sơn Qui	V	+2,5 :- +2,80	4 :- 6	đá 0 x 4	1,5		1,5		Vùng dự án Ngọt hóa Gò Công	Chống bão cấp 9
09	Đông rạch Gò Công	K40+789 - K53+800	13,011	phường Sơn Qui, phường Bình Xuân	V	+2,5 :- +2,65	4 :- 5	đá 0 x 4	1,5		1,5		Vùng dự án Ngọt hóa Gò Công	Chống bão cấp 9
10	Long Chánh	K37+953 - K40+789	2,836	phường Bình Xuân	V	+2,5 :- +2,66	4 :- 5	đá 0 x 4	1,5		1,5		Vùng dự án Ngọt hóa Gò Công	Chống bão cấp 9
11	Tây rạch Gò Công	K22+270 - K37+953	15,683	xã Đồng Sơn, xã Phú Thành, phường Bình Xuân	V	+2,5 :- +2,67	3 :- 4	Trải nhựa 3,12km, đá 0 x 4 12,563km	1,5		1,5		Vùng dự án Ngọt hóa Gò Công	Chống bão cấp 9
12	Sông Tra	K17+200 - K22+270	5,070	xã Đồng Sơn	V	+2,65	4,5 :- 6,5	Trải nhựa	1,5		1,5		Vùng dự án Ngọt hóa Gò Công	Chống bão cấp 9

13	Rạch Tràm - Ninh Đồng	K00+000 - K2+333	2,333	xã Đồng Sơn	V	+2,65	4	đá 0 x 4	1,5		1,5		Gò Công Tây	Chống bão cấp 9
14	Tuyến 1 (đê Sa Rài)	K0+000 -K1+490 (Giáp K0+000 tuyến 5)	1.490	xã Tân Hồng	III	+6,00	14	mặt đê láng nhựa + đan bê tông	1,5		1,5		Thượng nguồn sông Tiền	
15	Tuyến 2 (đê Sa Rài)	Đường Huỳnh Công Chí (K0+000)- K2+930 (giáp K0+000 tuyến 3)	2.930	xã Tân Hồng	III	+7,10	5	mặt đê láng nhựa + đan bê tông	2		1,5		Thượng nguồn sông Tiền	
16	Tuyến 3 (đê Sa Rài)	K0+000 (giáp K2+930 tuyến 2)- K0+855 (giáp K2+490 tuyến 5)	855	xã Tân Hồng	III	+7,10	5	mặt đê láng nhựa + đan bê tông	2		1,5		Thượng nguồn sông Tiền	
17	Tuyến 5 (đê Sa Rài)	Đường Hùng Vương (giáp K1+490 tuyến 1)- K2+490 (giáp K0+855 tuyến 3)	2.490	xã Tân Hồng	III	+7,10	5	mặt đê láng nhựa + đan bê tông	2		1,5		Thượng nguồn sông Tiền	